

AUDRÉ
MASSAN

HÀ NỘI
GIẢI ĐOÀN
1873-1888



Sách kỷ niệm
1000 năm
Thăng Long - Hà Nội



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

ANDRÉ MASSON

HÀ NỘI

GIAI ĐOẠN 1873 - 1888

(Người dịch: Lưu Đình Tuân)

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2009

LỜI NÓI ĐẦU

Trong lịch sử Hà Nội, có một giai đoạn đặc biệt, khác hẳn các giai đoạn khác. Đó là giai đoạn chuyển từ thành lũy, phường thị phong kiến sang thành phố quy hoạch theo kiểu châu Âu: từ 1873, năm quân Pháp chiếm Hà Nội, tới 1888, năm Hà Nội trở thành nhượng địa của Pháp.

Để giúp một số bạn đọc hiểu rõ giai đoạn này chúng tôi chọn dịch cuốn sách của André Masson mà bản dịch đang trên tay bạn đọc.

Cuốn sách này có một số ưu điểm. Trước hết, đó là sự phong phú của các tư liệu do tác giả là lưu trữ viên của Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương cộng với sự giúp đỡ của giám đốc cơ quan này. Tiếp đến, sách viết khá tổng quan: chỉ với hơn một trăm trang sách, tác giả đã có thể cung cấp những tư liệu đủ sâu cho nhiều tầng lớp bạn đọc. Cuối cùng, sách trình bày hợp lý các mảng, các khu vực tạo ra diện mạo Hà Nội lúc đó và nhiều năm sau. Ngoài ra, hỗ trợ cho các tư liệu là khá nhiều tranh ảnh hợp lý cho các chủ đề.

Về mặt hạn chế của cuốn sách, bạn đọc sẽ bắt gặp một số nhận định chủ quan hoặc phiến diện của tác giả. Tuy nhiên, xét về mặt khoa học, điều này không ảnh hưởng tới ham muốn tìm hiểu của chúng ta. Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NGƯỜI DỊCH

Tựa

Con người và các sự vật sẽ biến mất hoặc biến đổi theo năm tháng nhưng quá khứ vẫn hiện ra từng chi tiết một cách chậm chạp và chắc chắn. Ở thuộc địa, nếu không để ý, thời gian trôi rất nhanh và chẳng mấy lúc sẽ không còn gì ngoài quá khứ. Tuy nhiên, quá khứ này lại rất gần chúng ta và cần được cứu thoát khỏi lãng quên hoặc phá hoại. Phần lớn những người được mục kích các cơ sở cũ của chúng ta tại Bắc Kỳ đã chết trong khi thế hệ trẻ không còn biết gì về chúng ngoài lớp sương mù của những huyền thoại.

Về phần các công trình kỷ niệm, chúng đang chịu những nhát cước của những kẻ phá hoại và các “nhà đô thị hóa”. Những người này, để biến các đô thị cổ Bắc kỳ thành các thành phố hiện đại, không ngần ngại san bằng các chùa chiền, lâu đài lớn, khu phố cổ mà đúng ra phải được bảo tồn.

Tại sao người ta không đặt các thành phố hiện đại bên cạnh các đô thị bản xứ, để chúng có một vẻ riêng như Thống chế Lyautey đã làm ở Maroc. Ở đó, người ta tránh phá hủy sự duyên dáng của các đường phố cổ ngất ngáo rặng cửa với vĩa hè sần sùi vênh nhau và các ngôi nhà hẹp gian nọ nối gian kia tối om và bí hiểm. Có thể là mất vệ sinh, thậm chí hơn cả mất vệ sinh, nhưng cần thiết.

Tại sao không bảo tồn các tháp và lăng chùa Khổ Hình in bóng xuống làn nước xanh lục của hồ Gươm giữa công viên của một thành phố mới?

Thói phá hoại văn hóa tác động tới mọi chỗ: khi người ta nảy ra ý tưởng kỳ cục và chướng mắt là dựng tượng nữ thần Cộng hòa bằng kẽm (une République de zinc) trên nóc ngôi chùa nhỏ giữa hồ Hoàn Kiếm thì trí tuệ người ta đã đi tới chỗ sa sút. Khi thói này vị lợi thì còn có thể tha thứ đôi chút: đó là lúc binh sĩ Pháp chiếm đóng Thành Hà Nội lúc mới tới và làm cho thành thích hợp với yêu cầu của họ. Thế nhưng người ta còn chờ đợi gì mà chưa giải phóng thành, ít ra là phần trung tâm, nơi hiện nay là các kho quân đội? Người Pháp và người An Nam hoan nghênh việc thực hiện một dự án trước đó đã lôi cuốn Paul Doumer: Cửa Bắc và các di tích của khu Hoàng cung sẽ được giải tỏa khỏi các ngôi nhà ký sinh làm méo mó hai công trình này. Chúng sẽ được bao bởi một công viên xanh mát trải dài từ đường Victor Hugo (nay là Hoàng Diệu - ND) tới phố Porte Sud và từ Cửa Bắc tới Cột Cờ trên đường Puginier (nay là Điện Biên Phủ - ND). Nhưng đó chỉ là một phần, tất nhiên là phần quan trọng của một chương trình tổng quát hơn mà thị trưởng Hà Nội trước đây, nay là toàn quyền Đông Dương, ông Pierre Pasquier, vạch ra từ năm 1916: *"tôi tự hỏi không biết có cách nào có thể triển khai sự quan tâm của chúng ta ra một số phố của khu bản xứ. Chẳng hạn khi cung ứng các điều kiện vệ sinh cần thiết sẽ bảo tồn được*

tính cách độc đáo của các phố đó. Du khách sẽ rất lý thú được so sánh Hà Nội hôm qua và Hà Nội hôm nay.

Để làm được điều này, chỉ cần hòa nhập các phố này vào các địa điểm đẹp do luật pháp bảo vệ và được xác định bởi một ủy ban gọi là uỷ ban về các điểm tự nhiên và nghệ thuật. Trừ sự cho phép đặc biệt, sở hữu chủ của các địa điểm này được mời cam kết không phá, không thay đổi hiện trạng hoặc vẻ dáng của các nơi đó. Như vậy, các phố này sẽ được xếp hạng như một địa điểm đẹp. Việc bắt buộc phải theo hàng lối này hay hàng lối khác, theo luật hay nghị định, sẽ không áp dụng cho các phố này và chúng sẽ giữ được đặc trưng mà mỹ học đòi hỏi phải bảo tồn.

Để cụ thể hóa ý tưởng này bằng thí dụ, tôi sẽ kể cho các ngài trường hợp phố Hàng Gai. Nhà cửa rồi mù trong phố này, sự nghèo nghèo phá hủy mọi hàng lối, các ngôi nhà thuộc loại trang trí đẹp nhất trong phần lớn các ngôi nhà bản xứ đã cho phố một nét riêng rất đặc trưng và sẽ rất đáng tiếc khi nhìn thấy nó bị phá đi. Ấy là còn chưa nói tới ngôi nhà rất lý thú bên trong được biến đổi và là nơi đóng tòa lãnh sự Pháp trong thời kì mới tới...”

Người ta đã không chú ý lắm tới những lời lẽ khôn ngoan đó. Mấy năm qua, Hà Nội đã mất phần lớn những thứ cấu thành dáng vẻ ngày xưa. Bên những đường phố đẹp đẽ xứng với xe cộ ngược xuôi, vỉa hè không một chỗ gồ ghề, các đại

lộ rộng lớn rợp bóng cây, là những ngôi biệt thự thấp thoáng, không phải nằm ở ngoại thành như Paris. Có thể có những việc cần làm như bắt đầu xây dựng chính nền hành chính.

Để dập tắt cái xấu và bảo vệ cái ít ỏi còn lại cho chúng ta, *Hội Địa lý Hà Nội* vừa mới được thành lập, trong đó *Ban Bắc Kỳ cổ*, đề nghị cứu những gì còn có thể cứu được và giới thiệu những gì đã mất.

Về nhiệm vụ thứ hai, có một loại công trình khác mà thời gian và con người không giữ được: đó là những tờ “giấy cũ” mà mới đây người ta dâng một cách dễ dàng và không hối tiếc cho mỗi một nhiều vô kể và không hiểu ở đâu ra. Những mối mọt, còn tội ác nào nữa nhân danh mày?

Vai trò khiêm tốn của chúng tôi là đấu tranh chống lại những kẻ thù của Sở Lưu trữ và từ mười hai năm nay chúng tôi bị trói chặt vào nhiệm vụ công phu này. Chúng tôi thấy tự mãn vì đã ngăn chặn được sự phá hủy, sự lộn xộn và sự quên lãng những thứ mà các bậc tiền bối trong ngành hành chính đã thu thập được.

Nhiệm vụ của chúng tôi giới hạn ở đó, còn phần xử nhiệm vụ đó không thuộc thẩm quyền của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi cảm thấy bằng lòng vì, bằng cách tổ chức kho lưu trữ của Đông Dương, đã thực hiện được các công trình như công trình của ông Bouchot về Nam kỳ và nhất là công trình của ông Masson dưới đây.

Tôi không giấu giếm là đã làm giảm niềm vui của chàng thanh niên nhiệt tình Masson vì đã gây cho anh ta một điểm đáng tiếc nhỏ là tôi không thể tự mình lấy ra được hết những nghiên cứu hay nhất làm sống lại xứ Bắc kỳ trong những giờ khắc đầu tiên.

Nhưng sự đáng tiếc đó đồng thời lại là những lời chúc mừng tốt đẹp nhất gửi tới người cộng sự, người theo yêu cầu của tôi đã từ bỏ nghiên cứu những công trình nghệ thuật Pháp và các pháp điển Trung cổ để cộng tác trong nhiệm vụ bạc bẽo chúng tôi đang theo đuổi ở đây.

Ông Masson được đề nghị dựng lại cảnh quan cổ của Hà Nội năm 1873 và, từ khu phố này qua khu phố khác, mô tả các địa điểm diễn ra các hoạt động của người Pháp từ năm 1873 tới năm 1888. Về đề tài này, chỉ có những số liệu rất lờ mờ. Từ năm 1883 trở đi, rất dễ tìm những thông tin trong các báo thời đó và trong nhiều chuyện kể đã được xuất bản. Nhưng trước đó, tức là khoảng thời gian từ lúc Francis Garnier tới Hà Nội vào năm 1873 tới lúc Henri Rivière chết vào năm 1883, “thời kỳ lãnh sự”, một thời kỳ các sử gia đi vào rất thận trọng, Hà Nội như thế nào? Chẳng hạn, việc phân định chỉ giới khu đất nhượng cho Pháp theo hiệp ước 1874 đã được thực hiện trong những điều kiện nào? Tại sao Trường Thi lại được Francis Garnier chọn làm tòa lãnh sự tạm thời vào năm 1873 và được lãnh sự của Pháp là ông Kergaradec

HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1873 - 1888

chọn vào năm 1875? “Lãnh sự Pháp ở Bắc kỳ” Rheinart cùng đoàn tùy tùng ít ỏi đã ở phố Jean Dupuis như thế nào?

Ta sẽ tìm được câu trả lời cho các câu hỏi trên và nhiều vấn đề khác nữa về Hà Nội cổ khi đọc tác phẩm của Masson. Chỉ chuyên chú vào sự chính xác của bức tranh thời kỳ đang nghiên cứu, ông Masson không đưa ra các kết luận, như thế có được không? Đường như các kết luận tự tìm cách biểu lộ.

Lợi ích của một số công trình và một số địa điểm không chỉ nằm trong vẻ đẹp của chúng mà còn nằm trong các kỷ niệm lịch sử chúng gợi ra. Làm sống lại những kỷ niệm đó là những lý do mới để gắn chúng ta vào những công trình hay những địa điểm đó và buộc chúng ta phải bảo vệ chúng. Vì thế những trang dành cho Thành Hà Nội biện minh đầy đủ cho đề nghị xếp hạng lịch sử cho những vết tích cuối cùng của tường lũy. Tương tự, những chi tiết chính xác về các khu khác là những lập luận vững chắc nhất để ngăn chặn sự lấn chiếm các công trình hiện đại vào mảnh đất gắn với nhiều kỷ niệm.

Paul Boudet

GIÁM ĐỐC SỞ LƯU TRỮ
VÀ THƯ VIỆN ĐÔNG DƯƠNG

DẪN NHẬP

Là đô thị lịch sử với quá khứ hàng nghìn năm và thành phố lớn hiện đại, Hà Nội xứng đáng là đề tài nghiên cứu rộng lớn về nhiều mặt. Sau khi bóc lớp sương mù của huyền thoại về thành Đại La cổ, dựng lại những tháng ngày đẹp đẽ của kinh đô nhà Lê và làm tái hiện lại giai đoạn 1873-1888 ta cần phải phác một bức tranh phát triển kinh tế hiện nay và những kết quả trong nửa thế kỷ nỗ lực của người Pháp ở Hà Nội.

Trong cuốn sách này, chúng tôi chỉ có thể cố gắng phác thảo Hà Nội từ ngày 5-11-1873, ngày Francis Garnier sử dụng Trường Thi, tới ngày 3-10-1888, ngày đạo dụ chính thức biến toàn thể lãnh thổ thành phố trở thành đất Pháp.

...Xét về mặt lịch sử, canh bạc chơi ở Hà Nội vào thời kỳ này có vai trò quyết định không chỉ tới công cuộc thiết lập nền bảo hộ của người Pháp ở Bắc kỳ mà còn tới vị thế và sự phát triển ảnh hưởng của người Pháp trong các khu vực khác ở Đông Dương. Không có sự táo bạo của Francis Garnier, không có sự kiên trì của những người kế nhiệm bám chặt vào “mẫu đất” do hiệp ước 1874 nhượng cho nước Pháp thì có

lẽ mảnh đất này đã là mảnh đất cho những người nước ngoài khác thêm khát? Một cường quốc khác không phải là Pháp sẽ đứng vững bên bờ sông Hồng và tình thế của Pháp ở Nam kỳ sẽ bị nguy hại.

Trong lịch sử xứ này, giai đoạn đầu của sự can thiệp của nước Pháp chiếm một phần không kém lý thú: không thể hiểu sự phát triển của thành phố hiện đại Hà Nội nếu, một mặt, không biết tới nét cổ kính của đô thị An Nam chen lẫn với các khu phố tây và, mặt khác, không biết tới công tác quy hoạch và chỉnh trang được tiến hành từ năm 1883 tới năm 1888. Về vấn đề này, những nghiên cứu lưu trữ cho ta một bài dẫn nhập hữu ích, trong đó những vấn đề về đô thị hóa rõ ràng hơn những vấn đề lịch sử.

...Trong quá trình nghiên cứu dưới đây, sẽ không phải không có ích nếu lướt qua các sự kiện.

Cơ hội để can thiệp vào Bắc kỳ rơi vào tay đô đốc Dupré, thống đốc Nam kỳ, do sự kiện Dupuis⁽¹⁾. Chính triều đình Huế yêu cầu đối

(1) Ngày 22-12-1872, Dupuis tới Hà Nội lần đầu tiên. Trước đó, ngày 6-11, viên chỉ huy Senez đã tới Hà Nội và ở lại đó ba ngày. Chuyển đi của viên sĩ quan này rất quan trọng về mặt thủy văn vì ông ta là người đầu tiên biết rõ những điểm ra vào và bỏ neo ở Bắc kỳ nhưng chỉ có chuyến đi của Francis Garnier mới thực sự đánh dấu sự can thiệp của chúng ta vào Bắc kỳ.

DẪN NHẬP

thủ của mình giải quyết những bất đồng giữa Dupuis với nhà cầm quyền Hà Nội, những người muốn ngăn cản việc sử dụng sông Hồng làm con đường thương mại. Đô đốc trả lời chỉ có một cách giải quyết duy nhất là gửi tới hiện trường một sĩ quan Pháp cùng một số người đi theo để điều tra sự việc. Để thực hiện nhiệm vụ tế nhị này, đô đốc đã chọn trung úy hải quân Francis Garnier mà những phẩm chất lạnh lùng được thấy rất rõ trong trận Kỳ Hòa cũng như trong cương vị cầm quyền ở Chợ Lớn và trong chuyến thám hiểm sông Mêkông.

Ngày 11-10-1873, Garnier xuống tàu ở Sài Gòn cùng với một đơn vị bộ binh của hải quân gồm ba mươi người và khoảng năm mươi thủy binh. Bộ phận còn lại gồm 92 người dưới quyền của viên chỉ huy Testard sẽ lên đường sau đó. Tới Hà Nội ngày 5-11, Garnier đã vấp ngay phải tinh thần thiếu thân thiện của các quan. Bị đội quân của Nguyễn Tri Phương uy hiếp, Garnier đã tấn công và chiếm thành ngày 20-11, làm chủ vùng đồng bằng vài tuần sau đó và sắp sửa ký hiệp ước bảo đảm nền bảo hộ của nước Pháp thì ngày 21-12, ngày Garnier bị quân Cờ Đen giết.

Vài ngày sau khi Garnier chết, trung úy hải quân Philastre, Thanh tra các Vấn đề Bản xứ, tới Hà Nội. Ông ta ra lệnh rút khỏi các

HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1873 - 1888

thành Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định và kí thỏa ước 6-2-1874, theo đó quân Pháp phải bỏ thành Hà Nội rút về Hải Phòng. Đổi lại, chính phủ An Nam nhượng cho nước Pháp một mảnh đất trên bờ sông Hồng để xây dựng chỗ ở cho Trú sứ Pháp và các binh lính tùy tùng. Hiệp ước ký ở Sài Gòn bổ sung thỏa ước trên bằng cách tuyên bố sông Hồng được mở cho việc thông thương và cho Pháp quyền được đại diện bằng lãnh sự trong ba cảng Hà Nội, Hải Phòng và Quy Nhơn.

Quân Pháp rút khỏi thành Hà Nội vào ngày 12-2-1874 thì hôm sau Thanh tra Rheinart tới ở trong ngôi nhà cũ của Dupuis, giữa khu phố của người bản xứ, để thực hiện nhiệm vụ "Trú sứ Pháp tại Bắc kỳ" do đô đốc Dupré bổ nhiệm. Cuối tháng 5, ông ta rút về Hải Phòng; sau đó quay về Sài Gòn, giao nhiệm vụ chính trị cho tiểu đoàn trưởng Dujardin, chỉ huy trưởng quân đội tại Hải Phòng.

Mãi một năm sau, ngày 26-8-1875, lãnh sự Pháp tại Hà Nội được bổ nhiệm theo hiệp ước 15-3-1874 mới tới nhiệm sở. Đô đốc đã chọn trung úy hải quân Le Jumeau de Kergaradec, một sĩ quan bền bỉ bảo vệ các quyền lợi của Pháp tại Hà Nội vào chức vụ này. Ông đã thám hiểm sông Hồng vào năm 1876 và 1877. Các báo

TÊN TRUYỆN

cáo chính xác và kịp thời của ông gửi cho phủ đô đốc từ 1875 tới 1881 là quý nhất trong những nguồn thông tin.

Giai đoạn gọi là "*Giai đoạn lãnh sự*" kéo dài tới năm 1882, năm người ta thấy cần phải tăng viện cho đội quân đồn trú tại Hà Nội. Viên chỉ huy Rivière cùng với 400 quân đổ bộ lên Hà Nội ngày 3-4-1882 và chiếm thành Hà Nội ngày 25-4. Một năm sau, ngày 19-5-1883, ông ta chết ở Cầu Giấy, trên đường đi Sơn Tây, gần chỗ Francis Garnier ngã xuống.

Tin tức về thảm họa thứ hai bay về Pháp. Người ta bỏ phiếu tán thành những khoản tín dụng để gửi sang Bắc kỳ những đơn vị tăng viện quan trọng. Chiến dịch kéo dài chống các toán quân Tàu do người châu Âu huấn luyện kết thúc bằng sự công nhận của triều đình Huế ngày 25-8-1883 và của nhà Thanh ngày 9-6-1885 đối với nền bảo hộ của nước Pháp.

Nhiệm vụ tái tạo Hà Nội được trao cho Paul Bert, người được nghị định 27-1-1886 bổ nhiệm làm tổng trú sứ. Cái chết sớm đã cướp ông khỏi các công trình. Nhưng ông đã thúc đẩy sự vững chắc của nền bảo hộ và hai năm sau cái chết của ông, khi đạo dụ 3-10-1888 nhượng toàn bộ Hà Nội cho Pháp, Hà Nội trở thành một thành phố kiểu Pháp.

*

* *

Các nguồn tư liệu của Pháp về lịch sử Hà Nội⁽²⁾ giai đoạn này rất phong phú. Thật là chán ngắt nếu kể chúng ra đây nhưng, ngoài các tác phẩm mang tính đại cương của Romanet du Caillaud, Jean Dupuis, Paulin Vail và Hippolyte Gautier, chúng ta không thể bỏ qua cuốn *Bốn mươi năm Bắc kỳ* của Piglowski, các hồi ký của Raymond Bonnal, trú sứ Hà Nội 1883 và 1884, những ghi chép của Bourde và Bonnetain, phái viên đặc biệt năm 1884 của các báo *Temps* và *Figaro*, những mô tả của bác sĩ Hocquard, của đại úy Lecomte, của trung sĩ Garcin, của Labarthe, của Dumoutier v.v. Những người này đã ở Hà Nội trong khoảng từ 1882 tới 1888. Cuối cùng là những ấn phẩm của chính quyền như *Annuaire*, *Bulletin Officiel*,

(2) Các nguồn tư liệu của An Nam cũng được chú ý và người ta đã sử dụng nhiều văn bản chưa xuất bản của Trường Viễn Đông Bác Cổ, nhưng nói chung những tư liệu này khô khan. Cuốn *Một chuyến đi Bắc kỳ* năm 1876 của Trương Vĩnh Ký, in năm 1881 mà Trường Viễn Đông Bác Cổ có một bản, cung cấp ít chi tiết về những gì người ta biết về Hà Nội thời kỳ đó qua các tư liệu khác: chẳng hạn, người ta lấy làm tiếc là nhà bác học Nam kỳ đã không mô tả Trường Thi, nơi ông ta được lãnh sự Pháp tiếp.

DẪN NHẬP

Moniteur du Protectorat và, từ 1884, bộ sưu tập báo *l' Avenir du Tokin (Tương lai Bắc kỳ)*.

Mặc dù các nguồn ấn phẩm đó rất hay, nhưng sẽ sai lầm và thiếu sót nếu chỉ dựa vào chúng vì chính từ các văn bản chưa xuất bản được bảo quản tại Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương ta mới có thể rút ra điểm sâu xa nhất của câu chuyện, đặc biệt là những bức thư của Francis Garnier, các báo cáo của lãnh sự và tổng chỉ huy quân đội và các hồ sơ loại H (công trình công cộng) của kho sách Soái phủ Nam kỳ và Phủ Thống sứ Bắc kỳ. Chúng tôi cũng sử dụng thư tín của các chỉ huy trưởng Rivière, Morel Beaulieu và đô đốc Courbet lưu trữ tại Cục Lưu trữ Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu.

Đáng tiếc là nguồn tranh ảnh hiếm hơn. Tuy nhiên Thư viện Trung ương Đông Dương và Trường Viễn Đông Bác Cổ hiện có một bộ sưu tập quý về chiến dịch Bắc kỳ, trong đó có một số tranh ảnh liên quan tới Hà Nội và chúng ta có thể tìm thấy một số lớn tranh khắc từ thời kỳ chinh phục trong các tạp chí *Illustrations, le Tour du Monde, les Annales de l'Extrême-Orient* và nhiều tác phẩm khác. Về mặt đồ bản, “*Bản đồ Hà Nội 1873*” của ông Phạm Đình Bách cho những thông tin đại cương lý thú, nhưng bản đồ này được thực hiện vào năm 1902 căn cứ vào trí nhớ, do đó cần phải bổ sung và chỉnh lý nhiều

điểm bằng các bản đồ cổ của Sở Lưu trữ và của Trường Viễn Đông Bác Cổ⁽³⁾.

Các tài liệu trên nên được xếp theo thứ tự nào trong cuốn sách này? Thoạt đầu chúng tôi định xếp chúng theo biên niên về những thay đổi của Hà Nội sau khi mô tả đại cương thành phố năm 1873, nhưng việc nghiên cứu bản đồ Hà Nội buộc chúng tôi phải theo một thứ tự sắp xếp khác: sắp xếp theo đồ bản.

Nói đúng ra, Hà Nội 1873 không phải là một thành phố mà là một điểm dân cư hỗn hợp, trong đó khu hành chính, khu buôn bán và nhiều làng được đặt bên nhau trong một khu vực kín.

Thành, lớn gấp hai hay ba lần khu vực ngày nay chúng ta cũng gọi bằng cái tên đó, là khu vực hành chính, là nơi ở của các quan tỉnh và đại diện của nhà vua.

Khu buôn bán, người dày đặc và bị kẹp giữa sông Hồng và Thành, chia thành khu phố Tàu

(3) Chúng tôi xin tỏ lòng biết ơn ông Finot và Goloulew, giám đốc và thư ký Trường Viễn Đông Bác Cổ. Hai ông đã tạo điều kiện cho công việc nghiên cứu của chúng tôi trong thư viện phong phú của Trường và đã cho phép chúng tôi chụp lại nhiều bản kèm bố ích mà độc giả sẽ thấy trong phần chú thích ảnh.

DẪN NHẬP

và khu phố An Nam. Khu phố Tàu có nhiều cửa hàng lớn, khu phố An Nam là khu phố của các thợ thủ công nhỏ.

Ở phía Nam của Thành và khu buôn bán có nhiều điểm được tường vây bảo vệ như đền thờ Khổng Tử, Trường Thi, Trường Tiền, và Đồn Thủy, khu Nhượng địa tương lai của Pháp.

Ra xa hơn là các làng nằm rải rác giữa các đầm và ruộng trên một vùng rộng lớn giới hạn bởi một dải đất cao có tên là *Dai-la-thanh* (Đại La thành), một tên gọi gợi lại kỷ niệm về kinh đô vào thế kỷ IX (hình 38).

Mỗi khu phố trên có một đặc trưng riêng và theo một sự phát triển riêng biệt, vậy tại sao lại tái hiện chúng như nhau? Vì thế chúng tôi đã nghiên cứu chúng riêng biệt, bắt đầu bằng những điểm chịu ảnh hưởng của Pháp đầu tiên, tức là Trường Thi, Thành Hà Nội, khu Nhượng địa và khu Hội Truyền giáo. Tiếp đến, chúng tôi mô tả khu buôn bán, sự hình thành phố kiểu Pháp, khu phố này dần dần phát triển và bao lấy khu phố cổ An Nam bằng những đại lộ rộng rãi và đường phố hẹp.

ANDRÉ MASSON

Lưu trữ viên, nhà cổ tự học

Chương 1

TRƯỜNG THI

*Hãy chào đón thành phố, một trong những
góc của thế giới*

Jules Boissière()*

Ngày nay cả tường vây lẫn nhà cửa trong *Trường Thi* (Camp des Lettrés) không còn nữa nhưng người ta vẫn tìm thấy nó trên các bản đồ cổ và có thể tái hiện các cơ sở bên trong nó nhờ một phác thảo chi tiết về Trường Thi vẽ vào năm 1875 và ghi chép của lãnh sự chúng ta về các cuộc thi năm 1876 và 1879.

Nằm ở phía Đông Nam của *Thành Hà Nội* (Citadelle) và ngoài khu buôn bán một chút, Trường Thi có kích thước khoảng 150 x 200m và chiếm khu vực hiện nay giới hạn bởi các phố *Borgis Desbordes* (nay là Tràng Thi - ND) ở phía

(*) Nhà văn sống ở Đông Dương - ND.

Bắc, phố *Lamber* (nay là Dã Tượng - ND) ở phía Tây, đại lộ *Jauréguiberry* (nay là Quang Trung - ND) ở phía Đông và ở phía Nam là đường thẳng chạy từ *Trường Mỹ thuật ứng dụng* (Ecole des Arts appliqués) tới Tòa án^(*). Nó bao trọn các cơ sở hiện nay là *Sở Lưu trữ và Thư viện* (Direction des Archives et Bibliothèques), *Tổng Thanh tra Nông nghiệp* (Inspection générale d' Agriculture), *Sở Hiến binh* (Gendarmerie) và Trường Mỹ thuật ứng dụng.

Giống như mọi trường thi khác ở An Nam, Trường Thi Hà Nội được phân thành hai khu chính: một khu hoàn toàn tự do, trừ một ngôi nhà nhỏ ở trung tâm gọi là nhà *Thập Đạo*, dành cho các thí sinh, một khu khác gồm các tòa nhà cho giám khảo. Khu giám khảo lại chia thành ba khu nhỏ, mỗi khu nhỏ dành cho giám khảo của một trong ba kỳ thi.

Nếu đi từ khu thí sinh sang khu giám khảo, trước hết ta gặp *ngoại trường* là nơi ở của chánh chủ khảo, phó chủ khảo và các giám khảo chấm chung khảo; tiếp đến, một khu hình chữ nhật nhỏ là chỗ ở của các quan *đề tuyên*, những người nhận bài vào cuối ngày thi sau đó ghi số phách

(*) Đoạn Lý Thường Kiệt từ nhà 2F Quang Trung tới Tòa án nhân dân tối cao hiện nay - ND).

TRƯỜNG THI

và cắt phách bài thi; cuối cùng, *nội trường* là nơi các giám khảo chấm *sơ khảo* và *phúc khảo*.

Trong khi khu thí sinh thông với bên ngoài bằng chín chiếc cửa thì khu giám khảo ba mặt bị đóng kín một cách nghiêm ngặt vì chỉ có một cửa thông sang khu thí sinh. Trong suốt 35 ngày diễn ra cuộc thi, các giám khảo không được ra ngoài khu của mình dưới bất kỳ lý do nào, thậm chí người trong ban chấm kỳ này cũng không được gặp người trong ban chấm kỳ khác vì lúc nào cũng có hai người lính gác trước các cửa thông các khu với nhau. Ngược lại, các thí sinh có thể gặp nhau. Tất cả có ba kỳ thi và đều là thi viết. Mỗi kỳ diễn ra đúng một ngày và kỳ sau cách kỳ trước 10 ngày.

Trên sơ đồ vẽ lại dưới đây (hình 5), người ta thấy rất rõ hai khu cũng như các khu nhỏ và các cửa như mô tả ở trên. Phần bản đồ ứng với khu thí sinh, ta không thấy có một ghi chú nào. Ở phần kia ta có thể đọc được các ghi chú năm 1875 cho các ngôi nhà của giám khảo: các ngôi nhà ở khu ngoại trường dành cho các quan võ, thầy thuốc, quan khâm sai và các quan võ chỉ huy và binh lính. Cách bố trí của các kỳ thi năm 1876 và 1879 không có gì thay đổi so với sơ đồ trên.

Trên đây là những nét chung về Trường Thi khi Francis Garnier đổ bộ lên Hà Nội vào ngày

5-11-1873. Vài ngày trước đó, ông ta viết thư cho tuần phủ Hà Nội: *"Tôi cần một chỗ ở đủ an toàn cho đội quân của tôi. Tôi thấy Thành Hà Nội là thích hợp nhất cho việc này"*(1).

Các quan An Nam khẳng khái không chịu thỏa mãn yêu cầu đó. Quên hẳn tính chất chính thức của phái đoàn Garnier, các quan đã khiêu khích, thậm chí đề nghị ông ta thuê nhà trọ. Hãy nghe Francis Garnier kể đã thoát ra khỏi tình thế khó khăn đó như thế nào(2):

"Tôi lên bờ cùng với bộ tham mưu và đội hộ tống 30 người để tìm hiểu chỗ ở dành cho chúng tôi. Đội cận vệ Titai() người Vân Nam do người châu Âu chỉ huy đứng thành hàng rào danh dự trên đường đi của tôi. Chẳng lâu la gì tôi tới công quán, nơi người ta nói đó là chỗ đón tiếp tôi. Chỗ ở của quan khâm sai triều đình (nguyên văn: Envoyée de Hué - ND) liền bên*

(1) Hồ sơ Các Đô đốc số 124844, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

(2) Hồ sơ Các Đô đốc 12461, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương. Thư chưa công bố: Romanet du Caillaud và H. Gautier có thể cho biết một số chi tiết về việc Garnier tới Hà Nội không phải theo tài liệu này mà theo một bức thư ngắn hơn Garnier gửi em mình và theo lời kể của viên đội Imbert.

(*) Chưa tìm được xuất xứ nên chúng tôi để nguyên văn - ND).

cạnh chỗ tôi. Như vậy, mọi việc được tính toán để tôi không có bất cứ cố nào vào Thành Hà Nội (không hiểu có phải Garnier cố tình hiểu sai chức năng của công quán - ND).

Sau bức thư của tôi, thật là buồn cười khi người ta đề nghị tôi cho một trăm người cùng với pháo binh ở trong quán trọ ngay giữa phố xá, không có một phương tiện chống cự nào khi bị tấn công, không thể cách ly binh lính với dân chúng, không có khả năng giữ kỷ luật quân đội khi ở lẫn với dân chúng. Trong đầu tôi không lúc nào rời ý nghĩ không chấp nhận những chỗ ở như vậy, kể cả chấp nhận tạm thời. Thế là tôi cùng một nửa quân số tiến về Thành Hà Nội, để một nửa ở lại đuổi những người tò mò và bảo vệ việc bốc dỡ hàng. Tôi gửi một bức thư đi trước báo cho nhà cầm quyền tôi sẽ chỉ dừng lại ở nhà tổng đốc. Ông Dupuis đã cho tôi biết sự có mặt ở Hà Nội của tổng trấn Bắc kỳ, tướng Nguyễn Tri Phương, địch thủ cũ của chúng ta ở Kỳ Hòa mà ngài đã yêu cầu triều đình triệu hồi. Ông Dupuis cho rằng ông ta không nghĩ tôi sẽ tới và sẽ về nhiệm sở ở Sơn Tây. Qua viên cố đạo An Nam phái gặp tôi chỗ tôi để yêu cầu tôi chờ nhà cầm quyền chuẩn bị việc đón tiếp, tôi biết tướng Nguyễn Tri Phương vẫn còn ở trong Thành Hà Nội. Ngay lập tức tôi tới chỗ ông ta, đồng thời truyền lệnh cho ông Trentitian mang 20 người

tới chờ tôi ở cổng thành. Tôi qua cổng không gặp một trở ngại nào. Người ta bắt tôi dừng lại hai lần để chờ tướng Phương nhưng tôi nghĩ phải dừng chờ trong phố chỉ vì ý thích của ngài tổng trấn là một việc không thích hợp, thế là tôi đi vào phòng tiếp kiến. Viên tướng chấp nhận ra mắt và ngay lập tức xuất hiện trong y phục dùng trong nhà. Ông ta tỏ ra nhanh trí, vừa bắt tay vừa nói với chúng tôi mấy câu tiếng Pháp, cho mang đồ giải khát ra, giới thiệu viên khâm sai của triều đình và tuần phủ Hà Nội tới sau đó một lúc. Tôi tỏ ra ngạc nhiên về chỗ ở dành cho tôi và yêu cầu phải chỉ ngay cho tôi trong buổi họp này một chỗ khác có đủ điều kiện an ninh, nếu không tự tôi sẽ chọn một điểm thích hợp trong Thành để ở. Dĩ nhiên không có chỗ trong thành và chẳng có chỗ nào xứng cho tôi. Trước sự kiên quyết của tôi, tướng Phương nói là gần Thành Hà Nội có một cái trại có lũy tương tự như trường thi Sài Gòn trong có nhiều nhà rộng đáp ứng được an ninh. Từ chối trước việc xem xét các địa điểm và luôn luôn tỏ ý cắt đứt các cuộc đàm phán, tôi ra lệnh cho viên phó của tôi, ông Esmez, đi xem địa điểm đó và quay lại báo cho tôi biết. Trong thời gian ông Esmez vắng mặt, câu chuyện đề cập tới những chuyện bình thường. Tôi nghe thấy ở phía sau tiếng thì thào là các cổng thành vừa

mới được đóng lại khi đơn vị của Trentinian lại gần. Tôi vừa cười vừa nói với tướng Phương rằng việc đề phòng như vậy là vô ích vì trước đó tôi đã không ra lệnh cho đơn vị này tiến vào thành. Ông Tổng trấn cũng ngạc nhiên như tôi về hành động thiếu tin cậy đó. Ông ta nói với tôi rằng các thuộc viên của mình quá nhiệt tình trong công việc.

Khi quay lại, ông Esmez nói với tôi rằng khu nhà đề nghị là khu nhà thích hợp nhất, tường vây có hào bao quanh bảo vệ, số lượng nhà đủ cho số người gấp năm lần số người của chúng tôi, nhưng nhà nào cũng chỉ có bốn bức tường. Thế là tôi chỉ còn việc nêu lên vấn đề chuyển ngay những vật dụng cần thiết nhất cho việc ăn ở của đội quân. Ngay lập tức, tướng Phương điều khoảng 300 hay 400 người làm việc đó trước khi cáo từ. Ngay tối hôm đó toàn bộ đạo quân viễn chinh đóng trong chỗ ở mới một cách thoải mái”.

Thời gian chiếm đóng Trường Thi chỉ có 15 ngày, đánh dấu bằng chuyến viếng thăm của cha Puginier hôm 10-11 và những cuộc thương thuyết với nhà cầm quyền An Nam. Sáng sớm ngày 20-11, Francis Garnier dẫn quân tấn công Thành Hà Nội, chỉ để lại Trường Thi bảy hay tám người canh gác vật dụng. Ngay tối hôm đó, Francis Garnier vào Thành đóng tại khu Hoàng

HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1873 - 1888

cung và dùng mấy trăm tù binh An Nam vận chuyển vật dụng và thực phẩm từ Trường Thi vào Thành Hà Nội⁽³⁾.

Sau khi Francis Garnier chết, việc rút khỏi thành Hà Nội và sự ra đi của Trú sứ Rheinart buộc quân Pháp tập trung ở Hải Phòng khoảng một năm để chờ bổ nhiệm lãnh sự ở Hà Nội theo hiệp ước 1874. Theo hiệp ước này, Pháp được một khu nhượng địa 2,5 hécta bên bờ sông Hồng để làm chỗ ở cho nhân viên và các binh lính bảo vệ lãnh sự.

Lãnh sự sẽ tới Hà Nội vào tháng 7-1875 và các công trình dự kiến cho khu Nhượng địa tương lai không thể chờ tới lúc đó mới thực hiện. Do đó ngày 30-5-1875, một thỏa ước được ký kết giữa ông Trần Đình Túc, tổng đốc Hà Nội, và đại úy Brionval, đại diện bộ chỉ huy đạo quân Hải Phòng, theo đó *"nơi gọi là Trường Thi sẽ được đặt dưới quyền Chính phủ Pháp cho tới ngày 1-1-1877 và lâu hơn nếu có chuyện gì xảy ra để bố trí nhân viên của mình trong khi chờ đợi hoàn thành các công trình cuối cùng"*⁽⁴⁾.

(3) Hồ sơ Các Đô đốc 12466, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

(4) Hồ sơ Các Đô đốc 11693, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

TRƯỜNG THI

Giải pháp này có nhiều ưu điểm như thư của chỉ huy Dujardin gửi phủ đô đốc kèm theo dự thảo thỏa ước: *"Thực vậy, tại Trường Thi các mặt đều kín, rất tiện cho việc canh gác. Các quân nhân có một diện tích khá rộng để không quá thèm muốn vào phố nữa. Ngoài ra, chúng ta lúc nào cũng có trong tay một biệt đội. Bằng cách chỉ cho từng bộ phận nhỏ ra ngoài đi dạo, lúc nào chúng ta cũng giữ được ở trong trại một lực lượng đủ mạnh để tránh những bất ngờ. Cuối cùng, trại sẽ khô rất nhanh nhờ một số kênh rãnh. Ngoài ra, tôi tin chắc có thể tìm thấy nước ngọt bằng cách đào giếng ngay trong trại hoặc chỉ cách đó chút ít".*

Sau khi thi công một số công trình đơn sơ, Trường Thi sẵn sàng đón lãnh sự Pháp vào cuối tháng 8. Trước đó mấy ngày, viên chỉ huy Chapotot đi tàu thủy tới Hà Nội lúc 2 giờ chiều ngày chủ nhật 22-8 cùng với 50 binh sĩ. Ngay lập tức, ông ta tới dinh tổng đốc và được đón tiếp rất nhiệt tình. Sau đó, ông ta quay lại để giám sát binh sĩ lên bờ và bố trí họ vào Trường Thi trước khi đêm xuống. Việc bốc dỡ đồ đạc và lương thực được thực hiện vào sáng hôm sau nhờ 150 dân phu do tổng đốc trao cho phía Pháp sử dụng⁽⁵⁾.

(5) Báo cáo của tiểu đoàn trưởng Chapotot, chỉ huy trưởng tối cao, ngày 2-9-1875. Hồ sơ Các Đô đốc 13523, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1873 - 1888

Những ngày tiếp theo tại Trường Thi diễn ra thủ tục đại diện Pháp tiếp nhận quyền sở hữu. Có một điều lý thú nếu thêm vào bức thư của Francis Garnier ở trên câu chuyện ông Kergaradec kể dưới đây⁽⁶⁾.

"Tôi Hà Nội ngày thứ tư 25 vào ban đêm, 8 giờ rưỡi sáng hôm sau tôi mới lên bờ cùng với các nhân viên lãnh sự để thăm chính thức Tổng đốc. Tiểu đoàn trưởng Chapotot, người tôi yêu cầu làm một hàng rào danh dự 30 người, đi theo tôi. Nhà cầm quyền An Nam tổ chức khoảng một nghìn binh lính trang phục khá đẹp và được chọn lọc kỹ vì mỗi cơ chọn một trăm người trong mười cơ của quân trấn Hà Nội. Chúng tôi được Tổng đốc đón tiếp rất thỏa đáng; Trần Đình Túc là một ông già đáng kính gần 70 tuổi, một tuổi mặc dù hơi hiếm ở xứ này, nhưng vẫn còn rất khỏe mạnh. Thuộc một gia đình ở Huế nhiều đời có người làm quan to cho triều đình, người ta nói rằng ông rất được nhà vua hiện nay, người biết ông ta từ nhỏ, sủng ái. Quyền của ông trùm hết hai tỉnh Hà Nội và Ninh Bình. Mỗi tỉnh đó lại do một tuần phủ đứng đầu. Tuần phủ Hà Nội là Trần Hy Tang. Theo như

(6) Báo cáo của lãnh sự ngày 2-9-1875. Hồ sơ Các Đô đốc 12982, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

ông Phạm Phú Thứ cho tôi biết trước, ông Tang có một đội thương bạc đặc biệt để xử lý các vấn đề liên quan tới ngoại thương. Trong địa hạt của mình, viên quan cao cấp này không tạo thuận lợi cho chúng ta như ông Trần Đình Túc và tôi thấy thái độ của ông ta quả thực kém thiện chí.

Ngày hôm sau, 27, viên tổng đốc chính thức tới thăm tôi. Một hàng rào danh dự được thiết lập từ cổng ngoài tới tận cửa vào tòa lãnh sự, tại đây tất cả các sĩ quan đều được giới thiệu. Tôi có cơ sở để tin rằng ngài tổng đốc hài lòng với cuộc tiếp đón vì ông ta đích thân tới tìm tôi vào ngày hôm sau, ngày 28, để dẫn tôi tới miếng đất của Khu nhượng địa tương lai. Tôi lợi dụng dịp này để chính thức kéo cờ lãnh sự trước Ngài tổng đốc và sự có mặt của ông ta trong buổi lễ đã tạo ra một hiệu quả tuyệt vời".

Chỉ tám ngày sau, một sự nguy hiểm rất lớn đe dọa Trường Thi: các toán quân Cờ Đen giết Francis Garnier hai năm trước đây nay được tổ chức lại trong các làng quanh Hà Nội, một số thậm chí đi lại công khai trong thành phố. Thấy trước sự nguy hiểm, Chapotot cho thực hiện khẩn cấp các công trình phòng thủ trong Trường Thi và củng cố tường vây. Tại mỗi đầu của mặt Tây, ông cho xây một cái ụ vuông bằng gạch mỗi chiều 3m có trở những lỗ

châu mai. Các ụ này dùng làm vọng gác, khi báo động các mặt của nó được hỏa lực từ các mạn sườn bảo vệ. Trong báo cáo ngày 13-9 gửi phủ đô đốc về các công trình này⁽⁷⁾, ông đính theo sơ đồ kèm theo chú giải mà chúng tôi in lại ở hình 5. Theo chúng tôi biết, sơ đồ đó là sơ đồ duy nhất lưu giữ kỷ niệm về những ngôi nhà cũ trong Trường Thi.

Không biết sự lo sợ của Chapotot là thái quá hay sự chuẩn bị đề phòng đã làm quân Cờ Đen nản lòng. Gì đi nữa, đã không có sự tấn công nào xảy ra. Nhưng sự không trong lành của Trường Thi làm binh lính Pháp khổ sở hơn những bất ngờ trong chiến đấu. Những trận mưa như thác vào tháng 9 biến Trường Thi thành một bãi lầy mênh mông. Nước quanh nhà nhiều đến nỗi binh lính *“giặt quần áo ngay trước cửa”*⁽⁸⁾. Bị muỗi đốt và phải làm việc trong nước, chân, đùi nhiều binh lính bị lở loét và ngày 10-10 một phần tư quân số không thể điều động được. Trong những điều kiện tồi tệ như vậy, để đào đắp, họ chỉ có *“một số cuộc An Nam,*

(7) Hồ sơ Các Đô đốc 13524, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

(8) Thư của chỉ huy trưởng ngày 27-10-1875. Hồ sơ Các Đô đốc 13525, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

TRƯỜNG THI

mấy cái mai tồi tệ và ít xẻng đồng do thiếu xẻng sắt"⁽⁹⁾ trong khi chờ đợi dụng cụ từ Sài Gòn gửi ra. Nhưng những khó khăn đó chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn và tình trạng vệ sinh được cải thiện khi mùa khô tới.

Trong khi chỉ huy trưởng quân đội bận rộn với việc phòng thủ và quy hoạch Trường Thi thì lãnh sự Kergaradec tiến hành những cuộc điều đình liên quan tới miếng đất của khu Nhượng địa. Lợi dụng ý muốn lấy lại Trường Thi của phía An Nam, viên lãnh sự rất năng động này đã chiếm không được một khu đất lớn hơn rất nhiều so với quy định của hiệp ước 1874: 17 hécta thay vì 2,5 hécta để đổi lấy việc rút khỏi Trường Thi sớm hơn hạn kỳ do thỏa ước 30-5-1875 quy định. Thực vậy, theo trên chúng ta thấy rằng Trường Thi nằm dưới quyền của Pháp *"cho tới ngày 1-1-1877 và lâu hơn nếu có chuyện gì xảy ra"*. Vậy mà tháng 11-1876 đã phải tổ chức kỳ thi hương, một kỳ thi rất quan trọng đối với xã hội An Nam. Lãnh sự Kergaradec cam kết sẽ trao trả Trường Thi cho nhà cầm quyền An Nam vào ngày 16-10-1876.

(9) Thư của chỉ huy trưởng ngày 10-10-1875. Hồ sơ Các Đô đốc 13525, Sở Lưu trữ Trung ương Đồng Dương.

HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1873 - 1888

Hạn kỳ một năm này quá ngắn để xây dựng các công trình chủ yếu cho khu nhượng địa. Mặc dù các thợ Bắc kỳ thiếu kinh nghiệm nhưng viên đại úy công binh phụ trách công trình đã thành công trong việc dẫn dắt họ và quân Pháp rút khỏi Trường Thi vào ngày 15-10-1876, trước hạn định 24 giờ.

Một tháng sau, khoa thi được mở tại Trường Thi, nơi vốn được giao làm nhiệm vụ này. Kỳ thi đã lôi cuốn một số lượng đông đảo người tới Hà Nội. Khoảng bốn, năm nghìn thí sinh kéo theo ít nhất cũng từng ấy đầy tớ và người nhà. Người ta thích để các môn đệ của Khổng Tử qua giai đoạn trọng đại của các kỳ thi trong sự khắt khổ. Thực tế có thể khác chút ít nếu để ý tới các biện pháp nhà cầm quyền An Nam đã áp dụng để phòng ngừa những vụ lộn xộn, nhất là việc "*cấm bán rượu trong suốt thời gian diễn ra kỳ thi*"⁽¹⁰⁾. Ông Kergaradec đã theo dõi với sự hiếu kỳ một kỳ thi như vậy diễn ra dưới mắt ông⁽¹¹⁾. Có lẽ không vô ích khi nói qua về kỳ thi đó vì các kỳ thi ở Huế và Nam Định đã

(10) Thư của ông Kergaradec ngày 17-11-1876. Hồ sơ Các Đô đốc 12997, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

(11) Báo cáo kèm theo thư trên.

được nhiều công trình nghiên cứu⁽¹²⁾ khác nhau nói tới. Tuy nhiên chúng ta không thể ngờ rằng các công trình đó không có một dòng nào về những kỳ thi cuối cùng của Trường Thi Hà Nội, nơi rất ít người châu Âu được chứng kiến. Thậm chí rõ ràng hơn, người ta còn khẳng định rằng Trường Thi Hà Nội không còn được dùng làm nơi thi hương từ năm 1875 và chúng ta có thể đọc được ở trang 101 của *Tạp chí Địa lý* (Revue de Géographie) năm 1883 đoạn văn có sức thuyết phục nhưng hoàn toàn không chính xác sau đây: *"Binh lính chúng ta đã ở đó năm 1875 cho tới khi khu nhượng địa đón tiếp họ chuyển sang. Sau khi binh lính ra đi, Trường Thi bị bỏ hoang và hiện nay rơi vào đổ nát. Hoặc khu trường thi bị uế tạp do sự có mặt của chúng ta, không xứng đáng đón nhận thí sinh thi làm quan, hoặc do người ta muốn giảm uy tín của một tỉnh thành từ nay trở đi có đại diện chính quyền Pháp đóng, các kỳ thi từ đó trở đi được tiến hành ở Nam Định và binh lính trong thành Hà Nội chiếm Trường Thi làm nơi tập ném lao và múa kiếm"*.

(12) Xem *Revue Indochinoise* 1894 trang 176, 197; 1913 trang 139, 158 và *Đô thành hiếu cổ* 1916 trang 333 - 336.

HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1873 - 1888

Hà Nội là trung tâm thi cử xưa nhất của Đông Dương và trong Văn Miếu người ta có thể thấy các bia kỷ niệm các kỳ thi từ 1442 tới 1780. Năm 1876, ngoài trường thi Hà Nội còn có các trường thi ở Huế, Bình Định, Nghệ An, Thanh Hóa và Nam Định. Trường thi Hà Nội dành cho thí sinh các tỉnh Bắc Ninh, Sơn Tây, Cao Bằng, Lạng Sơn và Tuyên Quang.

Cuộc thi bắt đầu vào ngày 1-10^(*). Ngày hôm trước, các cáo thị báo cho thí sinh biết chỗ thi và cửa vào. Trước đó, các thí sinh phải mang một số giấy đủ viết ba bài luận tới Thành Hà Nội. Số giấy này sẽ trả lại cho thí sinh vào buổi sáng kỳ thi dưới dạng vở được ký trước.

Sáng tinh mơ ngày trọng đại, ngay từ canh ba, tức khoảng một giờ sáng người ta bắt đầu thúc trống cái để mọi người chuẩn bị. Ngay lập tức, các thí sinh, lẫn lộn trong đám người xem, đổ tới Trường Thi, tới trước hàng lính vây quanh tường. Vào giữa canh năm, tức là khoảng bốn hay năm giờ sáng, các quan giám khảo cùng với tùy tùng tới các cửa khác nhau. Sau đó là gọi tên thí sinh kèm theo lục soát người nghiêm ngặt tại lối vào. Mỗi thí sinh mang theo một chiếu lều bằng lụa hoặc bằng cói, bánh, gạo, chè, mực nho, một hoặc hai chiếc bút và một chiếc đèn. Sau khi mọi người vào hết, các cửa được đóng lại, và các

(*) Chắc là âm lịch - ND.

TRƯỜNG THI

quan giám khảo họp nhau ở nhà thập đạo, nằm giữa khu thi, để yết đề thi. Vào buổi chiều, các thí sinh làm xong bài dần dần kéo nhau ra qua cửa giữa nhưng những người cuối cùng chỉ rời trường thi vào lúc nửa đêm.

Kỳ thi thứ hai được tiến hành vào ngày 11 và kỳ thi thứ ba vào ngày 21 cùng tháng với những nghi thức như kỳ một. Do bị loại liên tiếp nên số thí sinh chỉ còn hơn năm trăm thay vì bốn, năm nghìn ban đầu. Trong ngày công bố kết quả, diễn ra năm ngày sau kỳ thi cuối cùng, người ta công bố tên của năm mươi tú tài mới và hai mươi lăm cử nhân mới.

Sau kỳ thi văn, diễn ra kỳ thi võ cũng ở Trường Thi. Nhưng lúc này, lãnh sự Kergaradec đi thám sát vùng thượng lưu sông Hồng nên, ngày 25-1-1877, viên tiểu đoàn trưởng Billès, người tạm giữ quyền lãnh sự trong thời gian ông vắng mặt, có thể yên tâm báo cho phủ đô đốc rằng "*Hà Nội đã hoàn toàn trở lại yên tĩnh*"⁽¹³⁾. Các kỳ thi võ gồm có thi cử tạ, đánh kiếm, đánh giáo và trả lời một số câu hỏi về chiến thuật quân sự⁽¹⁴⁾.

(13) Hồ sơ Các Đô đốc 12998, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

(14) Xem P.Pasquier, *l'Annam d'autrefois*, 1907, tr. 120-122.

HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1873 - 1888

Các thư từ của tòa lãnh sự Pháp tại Hà Nội còn giữ được cho chúng ta biết kỳ thi hương lại được tổ chức ở Trường Thi vào năm 1879 và lời cuốn hơn bảy nghìn thí sinh nhưng không cho biết chi tiết về kỳ thi. Kỳ thi này phải là kỳ thi cuối cùng của Trường Thi Hà Nội. Thực vậy, các kỳ thi hương ở Bắc kỳ bị bãi trong thời gian diễn ra chiến dịch từ năm 1882 tới 1885 và mãi tới năm 1886 Paul Bert mới cho mở lại kỳ thi hương nhưng từ đó về sau chỉ được tổ chức tại Nam Định.

*

* *

Ngoài thời gian phục vụ cho thi cử, Trường Thi còn được dùng vào các việc khác, nhất là phát chẩn gạo, một việc hiện nay vẫn tồn tại nhưng chi tiết hồi đó còn ít được biết. Các bức thư của lãnh sự Kergaradec cho phép chúng ta lấp kín chỗ thiếu đó và hình dung ra cảnh xót xa diễn ra ở cửa Trường Thi trong thời gian đói: *“Cứ năm ngày một, ăn mảy của thành phố và các vùng lân cận, một đội quân thực sự, chen nhau tới các cửa của Trường Thi. Người ta cho từng người một vào và mỗi người nhận ở lối vào một ít gạo khoảng nửa kilô; sau đó tất cả chín cửa cùng mở ra để mọi người rút đi. Chút gạo bố thí nhỏ nhoi vừa đủ một ngày chỉ phát cho phụ*

nữ, trẻ em, người già và những người tàn tật; những người đàn ông có vẻ còn kiếm sống được đều bị lính xua đuổi. Việc xua đuổi rất kiên quyết nhưng lần phát chẩn cuối cùng vẫn còn 22.000 người tới nhận. Chỉ riêng con số này có thể cho ta một khái niệm về sự khốn cùng Hà Nội tặng chúng ta vào thời điểm đó⁽¹⁵⁾.

Với sự dè dặt, vài dòng trên đã nói lên nhiều những đau khổ dân chúng Bắc kỳ phải chịu trước khi có sự can thiệp của quân Pháp. Những con số do ông Kergaradec cung cấp, những bằng chứng vô tư, không thể bị nghi ngờ và tập hợp thư từ của ông chứng tỏ ông không bao giờ viết cho đô đốc thống đốc (chỉ Thống đốc Nam Kỳ - ND) mà không kiểm tra cẩn thận độ chính xác của các thông tin nhận được.

Những ai ngẫu nhiên nhìn vào công việc của các quan An Nam sẽ thấy vào lúc nhiều người khốn khổ chết đói ở Hà Nội thì gạo lại thừa mứa ở các tỉnh khác vì việc lưu thông gạo bị cấm ngặt. Nghiên cứu những nguyên nhân dẫn tới nạn đói, vị lãnh sự của chúng ta viết ngày 18-6-1880: *"Lý tưởng của một viên tuần phủ là giá cả rẻ trong địa hạt của mình trong*

(15) Hồ sơ Các Đô đốc 13033, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương, thư ngày 30-4-1880.

khi đất đỏ ở địa hạt bên cạnh. Đó là dấu hiệu của sự cai trị tốt, của sự cai trị nhân từ. Những chuyện như vậy nằm trong phong tục của xứ này. Các phong tục này dựa trên những châm ngôn cổ và chắc là sẽ kéo dài như chính chính quyền của các quan lại”⁽¹⁶⁾.

*

* *

Đầu năm 1882, khi có vấn đề gửi quân tới Hà Nội để tăng cường, người ta nghĩ tới Trường Thi và viên đại úy công binh phụ trách nhà cửa trình bày trong một báo cáo⁽¹⁷⁾ ngày 18-1 rằng các ngôi nhà cũ trong Trường Thi có thể chứa được hai đại đội và dễ dàng nhận thêm hai đại đội nữa bằng cách xây dựng các nhà lá trong phần đất trống. Viên đại úy kết thúc báo cáo: *“Tôi phải thêm rằng địa điểm Trường Thi đang ở trong tình trạng vệ sinh tồi tệ: nó bị các bãi lầy vây quanh, sát với nghĩa địa và nằm bên trại hủi. Tôi không thể tin rằng người ta lại chọn địa điểm này vào năm 1875”*.

(16) Hồ sơ Các Đô đốc 13036, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

(17) Hồ sơ Các Đô đốc 10631, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

TRƯỜNG THI

Những kết luận trên ít được để ý và Rivière thích đóng quân trong khu Nhượng địa trừ đại đội phòng thủ ở khu *Hoàng cung* từ ngày 25-4-1883. Nhưng vào quý 2 năm 1883, sự gia tăng quân số buộc ông ta phải theo dự án ban đầu. Giao kèo cung cấp thợ và vật tư cần thiết được giao cho nhà thầu khoán người Tàu Yuen-Tay để xây dựng các lán cho một tiểu đoàn ở Trường Thi và một tiểu đoàn ở trong Thành Hà Nội. Phải dựng 32 lán loại 6x20m, 8 lán loại 6x12m và 2 lán loại 11x69m bằng gỗ và gạch với nền lát bằng gạch Bát Tràng vuông⁽¹⁸⁾. Nếu căn cứ theo các hồi ký chiến dịch đã được xuất bản thì tiện nghi của các ngôi nhà này cũng tạm được⁽¹⁹⁾.

*

* *

Chiến dịch kết thúc, Trường Thi ra sao dưới sự bảo hộ của người Pháp? Cần phải cung cấp một nhiệm sở thích hợp cho đại diện triều đình là ông Nguyễn Hữu Độ, Tổng đốc Hà Nội và sau

(18) Hồ sơ Trú sứ Bắc kỳ số 7600, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

(19) F. Garcin, *Au Tonkin pendant la conquête*. Thư của một trung sĩ ngày 21-5-1884, trang 44.

đó là Kinh lược sứ Bắc Kỳ. Như trình bày trong hồi ký⁽²⁰⁾ của Bonnal, trú sứ tại Hà Nội, việc trả lại cho ông Độ chỗ ở cũ trong thành Hà Nội sẽ đặt ra những khó khăn cho giới quân đội. Đầu tiên, một ngôi nhà lớn ở phố *Hội Truyền giáo* (rue de Mission, nay là phố Nhà chung - ND) được trao cho ông ta sử dụng; sau đó, vào năm 1886, người ta quyết định xây dựng cho ông ta một dinh trong Trường Thi.

Dinh được dựng trong khu thi của thí sinh tại vị trí bãi cỏ ngày nay phải đi qua từ đường Borgnis Desbordes (nay là đường Trường Thi - ND) để vào tòa nhà của Thư viện trung ương. Còn chính tòa nhà này chẳng qua chỉ là dinh thứ hai của Nhà Kinh lược được xây dựng lại vào năm 1896 sau dinh thứ nhất ít lâu.

Được xây dựng theo sơ đồ và dưới sự điều hành của Nha Kinh lược, “dinh” thứ nhất là một ngôi nhà khá hiện đại, lợp ngói Tàu, sân trong có bể, núi non bộ và các chậu hoa. Mặt ngoài sơn các màu tươi. Khách vào đại sảnh, nơi tiếp khách chính thức của quan kinh lược, có thể chiêm ngưỡng “*những bức trướng bằng lụa thêu*”

(20) R. Bonnal, *Au Tonkin, notes et souvenirs*, 1925, trang 130.

TRƯỜNG THI

câu đối, các bức tranh sơn mài Bắc kỳ màu đỏ, bàn ghế chạm khắc, sơn son thiếp vàng".

Ngay sau khi công trình hoàn thành và trước khi tới ở trong tòa nhà mới, quan Kinh lược giao tòa nhà cho những người tổ chức Triển lãm Bắc kỳ lần thứ nhất diễn ra tại Trường Thi trong hai tháng Ba và Tư năm 1887. Khu đất, nơi trú chân của những người lính Pháp đầu tiên tới Bắc kỳ, dùng làm nơi trưng bày đầu tiên về sự sang trọng của khu phố theo kiểu châu Âu ở Hà Nội. Mô tả cuộc triển lãm này⁽²¹⁾ sẽ vượt quá giới hạn chúng tôi vạch ra. Chúng tôi chỉ xin ghi lại quang cảnh chung của khu triển lãm theo lời kể của một khách thăm: "*Khi khách tới trước Trường Thi*

(21) Người ta tìm thấy các chi tiết của cuộc triển lãm này trong một loạt bài của tờ (*l'Avenir du Tonkin*) *Tương lai Bắc kỳ* trong các số từ ngày 19-3 tới 23-4-1887. Các "đỉnh" của triển lãm là đoạn đường sắt Decauville dài mấy trăm mét. Người An Nam nô nức tới xem và sự vui thích của họ "không thể nào tả được". Trong đoạn phóng sự ta thấy chính đại úy Joffre được trao nhiệm vụ thiết kế khu nhà và trong số các vật trưng bày có pho tượng Tự do cầm đuốc chiếu sáng quảng trường Thế giới, nay là quảng trường Neyret. Chiếc cổng của Sở Hiến binh hiện nay cũng là một kỷ niệm của cuộc triển lãm này. Cổng được xây theo thiết kế của đại úy Roques.

theo một đại lộ rộng lớn được đặt tên là đại lộ Paul Bert, ngay lập tức đập vào khách là vẻ vui tươi của những bức tường trắng được bao quanh bằng những chậu hoa cảnh duyên dáng và những thảm cỏ... Khi qua cửa, cảnh trí thật quyến rũ. Một lối đi rộng, hai bên trồng các cây như trà, cam, chanh, đào... và hoa như thược dược, cúc, hồng... Suốt con đường này, các cây nhiệt đới và ôn đới hòa với nhau rất nghệ thuật và phong phú. Con đường dẫn tới một ngôi chùa trông ra cánh đồng”⁽²²⁾.

*

* *

Kết thúc giai đoạn nghiên cứu đề ra, chúng tôi sẽ không đi sâu vào những sự chia cắt liên tiếp hoặc những thay đổi của Trường Thi: 1893, xây dựng Sở Hiến binh trong một phần của khu giám khảo; 1897, dinh Kinh lược được nhường lại cho *Phòng Thương mại* (Chambre de commerce); 1898 và 1900, thành lập và mở rộng *Trường dạy nghề* (Ecole Professionnelle) tại phần Nam của Trường Thi.

(22) P. Vial. *Nos premières années au Tonkin*, 1889, trang 137.

TRƯỜNG THI

Thay đổi cuối cùng trong những thay đổi đó là sự ra đời trong Trường Thi một địa chỉ gợi nhớ vinh quang của quá khứ văn học của nó: khu thi, lần lượt là dinh Kinh lược và Phòng Thương mại, năm 1919 trở thành *Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương* (Direction des Archives et des Bibliothèques de l'Indochine). Thư viện trung ương nằm tại vị trí của nhà Thập Đạo cũ, nơi ngày xưa các thí sinh tới chép đề và nộp bài vào cuối buổi thi. Tại đây, các sinh viên ngày nay, những người thừa kế các nho sĩ ngày xưa, tới nơi xưa để tham khảo các kiến thức khoa học tây phương.

Chương 2

THÀNH HÀ NỘI

*Alea jacta est! Câu nói này có nghĩa là:
Lệnh đã phát ra! Sáng sớm ngày mai, tôi
cùng với 180 người sẽ tấn công 7.000 người
ở phía sau những bức tường. Nếu bức thư
này tới tay anh⁽¹⁾ không có chữ ký thì có
nghĩa là không có tin gì thêm của tôi,
tức là tôi đã bị giết.*

Francis Garnier, 19-11-1873

Cái tứ giác mệnh mông ngày xưa định hình tường lũy *Thành Hà Nội* (Citadelle), hầu như bị san bằng từ năm 1894 tới năm 1897, ngày nay vẫn còn thấy rõ trên bản đồ thành phố nhờ bốn đường giao thông chính: đường *Brière de l'Isle* (nay là Hùng Vương - ND), đại lộ *Carnot* (nay là

(1) Nguyên văn te (ngôi hai dạng thân mật), nhưng Masson không cho biết thư gửi cho ai - ND.

THÀNH HÀ NỘI

Phan Đình Phùng - ND), đại lộ *Henri d'Orléans* (nay là Phùng Hưng - ND), và đại lộ *Félix Faure* (nay là Trần Phú - ND).

Được xây dựng dưới triều Gia Long vào năm 1805⁽²⁾, các tường thành này là một trong những tường thành đặc biệt nhất của kiểu pháo đài Vauban mà xứ Đông Dương có được nhờ các sĩ quan Pháp, bạn của Giám mục Bá Đa Lộc. Là chứng tích cho sự hợp tác Pháp - Nam đầu tiên trong những năm đầu thế kỷ XIX, các tường thành xứng đáng được tôn trọng.

Thực vậy, như ông Pasquier nói, thật xúc động khi “*tìm thấy ở các nước vùng Viễn Đông này dấu ấn nước Pháp để lại...*”.

Tuy nhiên, không thể từ hơi hướng Pháp trong đường nét của các công sự mà cho rằng Thành Hà Nội do Olivier de Puymanel xây dựng như người ta vẫn nhắc đi nhắc lại vì Olivier đã chết ba năm trước khi Nguyễn Ánh chiếm Hà Nội vào ngày 20-7-1802. Năm 1799, quân triều đình (chỉ quân đội Nguyễn Ánh - ND) vẫn còn ở Quy Nhơn và không thể có vấn đề vẽ sơ đồ một cái thành nào đó ở ngoài Bắc kỳ trong khi chính việc chinh phục xứ đó vẫn còn

(2) Thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ, Ms A81, fol.1.

hoàn toàn khó khăn. Tuy vậy vào thời điểm chiến thắng của Nguyễn Ánh vẫn còn bốn người Pháp bên cạnh ông ta: Vannier, Chaigneau, de Forsans et Despiaud. Theo các nguồn tư liệu của An Nam, sơ đồ thành do các sĩ quan Pháp vẽ đã bị các quan An Nam thay đổi vào năm 1805 vì các đường vạch tường thành phạm vào thuật phong thủy. Cuốn sách này không bàn về vấn đề đó, một vấn đề liên quan tới một thời kỳ quá xa xưa so với thời kỳ chúng ta nghiên cứu.

Những mô tả chính xác đầu tiên về Thành Hà Nội do viên chỉ huy Chapotot viết ngày 16-11-1875⁽³⁾: *“Dạng khái quát của Thành là một hình vuông rất rộng. Mỗi cạnh hình vuông đó có ba chỗ nhô ra được pháo đài hóa, tức là ba liên tháp, hai pháo đài nhô và hai pháo đài bán nhô. Chính giữa của các mặt Bắc, Đông, Tây và hai đầu của mặt Nam được bảo vệ bởi những lũy bán nguyệt cùng kích thước như tường chính (hình 8).*

Quanh thành có một thêm đất⁽⁴⁾ rộng sáu, bảy mét. So với thêm đất, tường thành cao khoảng năm mét. Mặt trong tường bằng gạch.

(3) Hồ sơ Các Thống đốc số 13526, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

(4) Giải đất giữa hào và ụ đất để tránh taluy sụt lở xuống hào.

THÀNH HÀ NỘI

Hào thành rộng từ mười lăm tới mười tám mét và sâu khoảng năm mét. Giống như mặt trong của tường thành, mặt trong của hào cũng được phủ gạch nhưng mặt bờ ngoài không phủ. Các hào thành và hào lũy bán nguyệt được giữ ngập nước quanh năm; chiều cao mặt nước không vượt quá 1,2m hay 1,3m. Hào không có bờ dốc”.

Các chi tiết kỹ thuật trên sẽ rõ ràng hơn nếu phụ thêm vào hình 8 một số sơ đồ nữa⁽⁵⁾ và hai ảnh của pháo đài nhô nằm ở cửa chính Tây và vọng gác Tây Nam, vết tích duy nhất hiện nay còn lại của lũy cũ, nằm gọn trong những tòa nhà của Kho thuốc súng hiện nay. Một trong hai ảnh chụp góc Tây Bắc pháo đài (hình 9) cho thấy tường phía trong pháo đài và hình nhìn ngang một mái đua bằng gạch trên có lan can viền lấy đường đi tuần canh. Tường này được xây bằng loại gạch 40x14x18cm. Trên ảnh thứ hai chụp chính diện (hình 10), ta thấy phía trước là hào đã bị lấp đầy nhưng vẫn còn thấp so với dải đất chạy ven tường.

(5) Có nhiều sơ đồ về Thành Hà Nội. Sơ đồ chúng tôi in lại theo một sơ đồ năm 1888 hình như chính xác nhất. Liên quan tới thời kỳ nghiên cứu của chúng ta, còn một sơ đồ bổ ích là “Sơ đồ Thành Hà Nội được vẽ bởi tập sự viên hạng nhất Perrin” vào năm 1873. Hồ sơ Các Thống đốc số 12463, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

Chúng ta hãy theo dõi mô tả của viên chỉ huy Chapotot: *"Việc liên lạc với bên ngoài được thực hiện qua năm cửa (hình 7) trở ra từ giữa các tháp canh và được bảo vệ bằng các lũy bán nguyệt ở phía trước. Người ra vào thành phải qua các vòm có cửa bằng gỗ rất nặng và có khả năng chống đỡ đáng kể. Người ta vượt qua hào bằng những chiếc cầu gạch cố định vươn ra từ các tháp canh. Như vậy thành không có cầu cắt. Những chiếc cầu cố định này chạy vào khe sau của các lũy bán nguyệt. Các con đường này ít khi chạy lên chỗ xây cao mà thường là quẹo về bên phải và ra khỏi lũy bán nguyệt ở chỗ gần trục chính.*

Những lối đi như vậy được đóng kín bằng những cửa tình trạng hiện nay rất tồi tệ. Giống như vượt hào thành để vào thành, phải vượt qua hào lũy bán nguyệt bằng những chiếc cầu gạch cố định để vào trong lũy bán nguyệt".

Hiện nay chỉ còn Cửa Bắc được bảo tồn nhưng lối thông ra đại lộ Carnot đã bị xây bịt nên phải đứng ở bên trong mới chiêm ngưỡng

(???) Năm 1888 hình như chính xác nhất. Liên quan tới thời kỳ nghiên cứu của chúng ta, còn một sơ đồ bổ ích là *"Sơ đồ Thành Hà Nội được vẽ bởi tập sự viên hạng nhất Perrin"* vào năm 1873. Hồ sơ Các Thống đốc số 12463, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

THÀNH HÀ NỘI

được chiếc vòm gạch dài hai mươi ba mét tuyệt đẹp ở phía trên lối đi và những cầu thang lộ thiên dẫn tới một chiếc chòi. Chiếc chòi này ngày xưa dùng làm chòi canh, hiện nay biến thành chỗ ở của các quân nhân. Ở mặt ngoài, người ta vẫn giữ nguyên những lỗ đạn trên mặt tường do trận bắn phá ngày 25-4-1882 như một ghi nhận mang tính kỷ niệm. Ở phía trên vành cung của chiếc cửa đã bị xây bịt người ta nhận ra ba chữ⁽⁶⁾: **Chính Bắc Môn** (Cửa chính xác theo hướng Bắc)

Toàn thể pháo đài sẽ có giá trị phòng thủ mạnh nếu được trang bị pháo binh hiện đại. Nhưng pháo của nó chỉ là những khẩu “*bày trong cửa hàng của một người buôn đồ cũ tốt hơn là đặt trên bờ thành một pháo đài*”. Tầm xa của chúng ngắn đến nỗi, ngày 25-4-1882, khi cố gắng bắn trả các đợt bắn phá của các pháo thuyền Pháp, đạn của chúng mới đi được nửa đường đã rơi vào khu dân cư.

Ở trong thành, giữa những hồ, ruộng và vườn rộng lớn có ba nhóm nhà chính: ở trung tâm là *Hoàng cung* (nay được gọi theo tên ban đầu là điện Kính Thiên - ND) và *Tháp Canh*

(6) Hàng chữ nho này do ông Tran-Ham-Tan, một nhà nho thuộc Trường Viễn Đông Bác Cổ, viết.

(Nguyên văn Mirador. Không hiểu sao người Pháp lại gọi như vậy trong khi chúng ta gọi là Cột Cờ - ND), ở phía Tây là các kho của tỉnh, ở phía Đông là nhà ở và nơi làm việc của các quan đại diện cho nhà vua ở tỉnh.

Hoàng cung được xây dựng tại nơi xưa kia là cung điện của triều Lý. Cung điện này do *Thái Tổ* xây dựng vào đầu thế kỷ XI⁽⁷⁾ tại nơi hội các điều kiện phong thủy tốt nhất⁽⁸⁾ và có khả năng thần diệu chống lại những ảnh hưởng xấu. Nhìn vào sơ đồ thành (*hình 8*), người ta thấy hoàng cung hoàn toàn nằm lệch khỏi trục của thành và bản thân thành lại nằm theo hướng Bắc Tây Bắc - Nam Đông Nam. Hướng của Hoàng cung lệch rất rõ về hướng Tây Bắc so với trục của thành. Sự kiện này được giải thích bằng ý đồ sử dụng một số điểm đặc biệt trong thế đất mà vẫn tôn trọng các quy tắc buộc hướng phải là một trong các hướng tí - ngộ, quý - đình, nhâm - bính, càn - tốn.

(7) Maspéro, (le protectorat général de l'Annam sous les Tangs) *Sự đô hộ An Nam dưới triều Đường*, Kỷ yếu của Trường Viễn Đông Bác Cổ (BEFEC) 1910, tập 10, trang 539.

(8) Về những quy tắc của luật phong thủy quyết định việc chọn chỗ đặt tỉnh thành, xem L. Cadière, *Thủ đô tốt, Đô thành hiếu cổ*, 1916, trang 246.

THÀNH HÀ NỘI

Được bảo vệ bởi một tường vây hình chữ nhật, trong đó một số cửa đang được bảo tồn (hình 15), khu *Hoàng cung* gồm ba tòa nhà từ Nam lên Bắc là: *Đoan Môn*, *Kính Thiên* và *Hậu Lâu*.

Đoan Môn, công trình duy nhất còn giữ được, có năm cửa, trong đó ba cửa chính đã bị xây bịt. Phía trên khối tường gạch to lớn đó là một tòa nhà hai tầng đường nét duyên dáng bị một chiếc hiên và nhiều cửa sổ sát đất làm xấu đi. Bản kê thực hiện năm 1888 cho thấy nét cổ kính của mặt Nam Đoan Môn (hình 11) so với mặt Bắc mà hình mới được chụp gần đây (hình 12). Phía trên cửa chính mặt Nam của Đoan Môn người ta vẫn còn đọc được hàng chữ:

Đoan Môn (Cửa chính).

Tòa nhà trung tâm (hình 1), Kính Thiên (kính trọng trời), được xây dựng trên gò đất thiêng *Nùng Sơn*, gò núi trong nhiều thế kỷ được coi như núi hộ mệnh của thành phố, là “*một trong những tuyệt tác của kiến trúc An Nam. Bốn con rồng đá lưng lờm chồm vây ôm lấy các sống của bộ mái và ngẩng cao đầu ở bốn góc mái*”(9). Bên trong tòa Kính Thiên có “*nhiều*

(9) F. Garcin, *Au Tonkin pendant la conquête*, trang 48.

cột rất cao và to hàng ôm bằng gỗ lim”⁽¹⁰⁾. Tòa Kính Thiên bị phá hủy năm 1886 để xây dựng ngôi nhà hiện nay là Sở Chỉ huy Pháo binh. Bù lại, các bậc thang tuyệt đẹp (hình 13 và 14) lên sân điện vẫn còn nguyên và những con rồng đá có từ thời Lý uốn mình dọc theo các bậc thêm theo truyền thống mà Maspero có nhắc tới. Điều đáng ngờ là những con rồng bắt nguồn ở một thời kỳ quá xa xưa như thế lại giống với những con rồng ở bậc thêm Gia Long ở Huế khiến người ta cho rằng rất có thể chúng được làm ở đầu thế kỷ XIX như mọi thứ khác trong Thành.

Về tòa nhà thứ ba, Hậu Lâu, thường được gọi một cách không chính xác là Chùa của các công chúa (Pagode des Dames), nó bị đổ nát vào năm 1876 khi Pétruis Ký thăm Hà Nội. Được xây dựng lại hoàn toàn, hiện nay nó dùng làm nhà ở quân đội.

Nằm cùng trục với khu Hoàng cung và lui về phía Nam có một cái tháp cao người Pháp gọi là Tháp Canh (Mirador) và người An Nam gọi là

(10) Petruis Ky, *Voyage au Tonking en 1876*, Thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ, 803621, tr. 7.

THÀNH HÀ NỘI

Cột Cờ vì ngày xưa người ta thường treo trên đó lá cờ vàng của nhà vua trong những ngày lễ⁽¹¹⁾.

Được Gia Long xây dựng vào năm 1812⁽¹²⁾, Cột Cờ là phần được bảo tồn tốt nhất của Thành. Nó được dựng trên ba tầng hình chữ nhật diện tích giảm dần, trong đó tầng dưới cùng mỗi cạnh 42m và tầng trên cùng mỗi cạnh 15m. Trừ một cửa, các cửa của tầng hai vẫn còn các chữ nho viết từ xưa: cửa Đông ghi nghênh húc (đón rạng đông), cửa Nam ghi hướng minh (quay về chỗ sáng), cửa Tây ghi hồi quang (tia sáng quay lại). Trên tầng thứ ba dựng một cái tháp bát giác, trong có hai chiếc thang xoắn ốc độc lập dẫn lên đỉnh, trong đó hiện nay chỉ còn một thang dùng được, phía trên cửa vào có hàng chữ: **Kỳ đài** (Tháp cờ).

Các kho của tỉnh, nơi thu thuế bằng hiện vật hoặc bằng tiền, nằm ở chỗ bây giờ là trường trung học Albert Sarraut (ở góc đường Hùng Vương - Phan Đình Phùng hiện nay - ND). Chúng được chia thành kho gạo và kho bạc. Kho bạc chủ yếu dùng trả lương cho các quan và

(11) Thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ, Ms A81, fol. 3.

(12) Thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ, Ms A81, fol. 2.

phân phát cho dân chúng, kho bạc cất giữ các xâu tiền hoặc các thỏi bạc. Chịu trách nhiệm về các kho này là *Quan-bô* (Quan bố) có văn phòng gần Cửa Bắc. Các quan to khác như Tổng đốc, Tuần phủ, Quan án và Đề đốc ở khu vực phía Đông của Thành. Năm 1873, chỗ ở của Tuần phủ phải nhường cho Nguyễn Tri Phương, khâm sai triều đình.

Trong thành cổ, còn có trường luyện quân, chỗ ngày nay là Sở Tài chính (nay là Bộ Ngoại giao - ND), các chuồng voi gần Cột Cờ, nhà tù ở góc Đông Bắc, trường bắn, kho vũ khí, nhiều đền chùa, nhất là đền *Khán Sơn* dựng trên một cái gò đắp cùng tên ở phía sau khu kho, và Vũ Miếu. Cuối cùng là một chiếc miếu nhỏ gần Cột Cờ thờ *Bà Liễu Hạnh*. Miếu nằm dưới một cây đa *"thân to lớn, cành lá lạ lùng, rễ mọc tự nhiên to như những chiếc thùng, qua nhiều thế kỷ bị vận theo những hướng định trước và được kiên nhẫn chờ đợi, làm thành chỗ này là rồng cuộn, chỗ kia là rắn quấn. Có những rễ thẳng như cột chống đỡ cho tán lá chằng chịt có chỗ dạng chiếc ngai, có chỗ dạng chiếc bàn thờ. Tất cả phủ kín một vùng rộng tới năm mươi bước về mọi phía"*(13).

(13) Dumoutier, *Revue Indochinoise*, 1901, trang 396.

THÀNH HÀ NỘI

Tóm lại, Thành Hà Nội không chỉ là pháo đài chính ở Bắc Đông Dương mà còn là lý sở hành chính của một tỉnh lớn và thủ đô lịch sử của Đảng Ngoài, nơi đóng đô của nhiều triều đại quốc gia trong nhiều thế kỷ. Việc một điểm mạnh như vậy được Nguyễn Tri Phương, vị tướng giỏi nhất của đế quốc An Nam, cùng hàng ngàn binh lính bảo vệ rơi vào tay một đại úy hải quân và 180 thủy binh và binh sĩ Pháp trong có vài giờ giải thích phần nào sự nhanh chóng trong việc chinh phục các tỉnh lân cận.

Rất nhiều chuyện về ngày 20-11-1873 đã được xuất bản nhưng một tài liệu hàng đầu, báo cáo quân sự của Garnier cho thống đốc Nam kỳ, giờ đây mới được công bố⁽¹⁴⁾.

“Thưa ngài Thống đốc,

Tôi xin báo cáo cho ngài biết những cuộc hành binh dẫn tới việc chiếm tỉnh Hà Nội và pháo đài chính của tỉnh đó.

Một tối hậu thư được gửi đi trước ngày 19 cho tổng đốc Đông kinh (Tong-king). Tôi yêu cầu ông ta ra một văn bản tuyên bố không dùng vũ lực chống lại việc thi hành các điều lệnh thương mại của tôi và ngưng việc chuẩn bị chiến tranh.

(14) Hồ sơ Các Thống đốc số 12466, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

Khi thấy không có trả lời, tôi quyết định tấn công Thành Hà Nội vào sáng sớm hôm sau.

Vào năm rưỡi sáng, toán thứ nhất gồm ba mươi thủy binh và một khẩu pháo 4 do trung úy hải quân Bain de Coquerie chỉ huy rời trại để vào vị trí trước cửa Tây Nam Thành.

Năm giờ bốn mươi lăm, toán thứ hai gồm ba mươi pháo thủ hải quân do ông Trentinian chỉ huy lên đường tới cửa Đông Nam, cửa gần trại quân mình nhất (chỉ Trường Thi. Xin xem bài Trường Thi - ND). Cuối cùng, vào lúc năm giờ năm mươi, ông Esmez dẫn đầu ba mươi thủy binh và ba khẩu pháo 4 cũng tiến về cửa Đông Nam. Theo sau ông ta có một đội dự bị gồm hai mươi thủy binh của chiếc Décres do một đại úy bộ binh của tàu này chỉ huy. Ông Bouillet, kỹ sư thủy văn, cùng mười người ở lại bảo vệ trại.

Ngoài sông, các pháo hạm Scorpion và Espignole chuẩn bị cho việc bắn phá từ hôm trước. Đạn bắn phá sẽ hướng vào các cửa Tây, Bắc và Đông, tức là vào những cửa chúng ta không tấn công. Vào năm giờ sáng, một khẩu

(15) Tại hai đầu mỗi phố có những cổng tương tự như Ô Quan Chưởng hiện nay. Xin xem bài Khu phố thương mại - ND.

(16) Phố Hàng Mắm (rue de la Saumure).

TÊN TRUYỆN

pháo 4 được đưa vào bãi pháo tại cổng⁽¹⁵⁾ một phố⁽¹⁶⁾ chạy thẳng vào Cửa Đông thành, chỗ đặt pháo chỉ cách bờ sông có mấy mét. Như vậy đường bắn của khẩu này thẳng, các đường bắn từ sông là đường bắn ước chừng nhưng tất cả các khoảng cách và hướng đã được xác định cẩn thận.

Đúng 6 giờ, tôi dẫn đầu đơn vị của ông Trentinian đặt chân lên cầu lũy bán nguyệt Đông Nam, tiếng súng trường (mousqueton) của ông Bain nổ bên trái tôi và những trái đạn đầu tiên của pháo thuyền nổ trong thành. Quân địch hoàn toàn bất ngờ. Bị nhiều đợt tấn công, họ không biết điểm nào là điểm thực sự bị tấn công. Chúng tôi giải tỏa cầu khỏi những tấm chông bừa bộn khắp nơi mà không sợ đạn bắn. Khi các pháo thủ An Nam trên lũy vào được vị trí thì chúng tôi đã ẩn được ở sát tường công sự. Những người phòng thủ chỉ còn cách ném đá xuống. Chúng tôi dùng rìu nhưng không phá được cửa. Tôi cho đặt khẩu đại bác trên cầu và ba phát đạn liên tiếp đã mở đường cho chúng tôi. Ngay lập tức, ông Trentinian và toán bộ binh của hải quân lao vào bên trong công sự góc, tại đây quân phòng thủ không ẩn được, phải chạy lên thêm đất ở chân thành hoặc chết đuối trong hào. Làn hỏa lực mãnh liệt của chúng tôi hướng vào những người trên mặt lũy và làm

thất bại ý định của các pháo thủ địch nhiều lần định chĩa pháo về phía chúng tôi (hình 4).

Trong khoảng thời gian trên, ông Esmez cho pháo chiếm vị trí trên cầu và bắn thủng cánh cổng trong tiếng rào rào của đá từ trên lũy ném xuống. Chiếc cửa vững chắc này chống đỡ khá lâu. Khi mở được lối vào, tôi lao vào vòm cổng cùng với mấy người lính theo sau và nhận ra trước mặt mình mấy người đang cầm lòng che cho một vị quan đang chỉ huy phòng thủ. Tôi không ngờ viên quan này chính là tướng Nguyễn Tri Phương mà sự rất ngẫu nhiên khiến vị trí chỉ huy của ông ta lại ở chính cửa tôi phải tấn công. Một cuộc đụng độ ngắn bằng súng lục và súng saxonpô giải quyết hoàn toàn khu vực cổng, lính An Nam chạy tứ tán. Chúng tôi tháo cánh cửa và ngay lập tức đưa hai khẩu pháo lên mặt thành sẵn sàng nhả đạn vào phía trong. Cùng lúc đó tiếng kèn hiệu cho tôi biết ông Bain đã làm chủ tình hình cửa bên cạnh. Không có dấu hiệu của sự kháng cự trong công sự góc. Khi tấn công thành, ông ta đã quét nhiều loạt đại bác từ bờ thành nhưng không trúng ai.

Lập tức tôi phái ông Trentinian vào trong thành để gặp tướng Phương và phái ông Hautefeuille, chuẩn úy hạng 1, cùng với mấy người nữa tới chiếm Cửa Đông. Đồng thời tôi

THÀNH HÀ NỘI

truyền lệnh cho ông Bain cùng với một nửa quân số tiến về Cửa Tây nơi đang có nhiều quân địch tháo chạy qua. Cuối cùng, nhận thấy nhiều địch quân trốn trong chiếc tháp nằm giữa hai cửa của mặt Nam và lính phòng thủ đầy nghẹt hai lầu, tôi cho ông Esmez tiến về phía đó, chỉ giữ lại đơn vị dự bị. Một lúc sau, ông Esmez cho tung bay trên đỉnh Cột Cờ lá cờ ba màu của Pháp, tín hiệu quy ước để các pháo hạm ngừng bắn phá. Lúc đó là 6 giờ 55 phút. Ông Esmez tiến ngay tới Cửa Bắc. Ở Cửa Đông, ông Hautefeuille, chỉ có năm người, đang bị đẩy lùi. Tôi phái viên đại úy bộ binh tàu Décrès cùng với đội dự bị tới chỗ ông ta và ra lệnh cho một khẩu pháo nhả đạn vào mặt này. Vài phút sau cờ Pháp bay trên năm cửa thành. Chúng tôi không có người nào bị thương”.

Sáng hôm sau, Garnier bịt và chặn các cửa để dễ dàng kiểm soát trừ Cửa Đông thông với thành phố. Sau đó, ông ta bắt đầu sắp xếp lại bên trong thành để, theo thư viết cho thống đốc, “ngay lập tức chú ý tới đám dân nghèo tự nhiên bị đẩy vào hành động cướp phá. Công việc này, được giao cho một nhà thầu người Tàu ngay sau đó, đã góp phần mạnh mẽ vào việc chấm dứt tình trạng bất ổn như vẫn thường thấy ở các thành phố lớn mỗi khi xảy ra chiến sự. Công

việc này cũng cho thấy ý định ở lại đây của chúng ta. Với quan điểm này, công việc tiến triển với hiệu quả tốt nhất.

Tôi phân chia và bố trí thấp sáng ngôi nhà lớn trước đây dùng làm chỗ ở của các vị vua. Vị trí ngôi nhà đó rất tốt. Khi ngài tới đây, ngài có thể thấy một ngôi nhà nếu không nói là tiện nghi thì ít ra cũng thích hợp. Chỉ mấy ngày nữa người ta sẽ dựng doanh trại cho đại đội bộ binh của hải quân ở. Thực vậy, trong thành không có nhà nào ở được trừ mấy ngôi nhà của các quan tỉnh. Binh lính của tôi hiện đang ở đó và các quan chức mới của tôi vẫn chưa có chỗ ở. Tốt hơn cả là trả cho họ những nhà kiểu An Nam và cho binh lính chúng ta ở trong các nhà kiểu châu Âu”(17).

Từ tổng hành dinh này, Francis Garnier điều khiển các phó của mình đánh chiếm vùng đồng bằng. Họ lần lượt chiếm Phủ Hoài, Hưng Yên, Phủ Lý, Ứng Hòa, Hoa Yên (? - ND), Gia Lâm. Ngày 3-12, Francis Garnier đã có thể viết: “Công cuộc bảo hộ của chúng ta lúc này đã thu phục được hai triệu người ở Bắc Kỳ”. Cùng lúc, ông ta tiến hành tổ chức hành chính, tiếp nhận

(17) Thư chưa công bố của Francis Garnier gửi đô đốc Dupré ngày 3-12-1873. Hồ sơ Các Thống đốc số 12466, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

sự phục tùng của các quan chức địa phương, buộc họ phải thực hiện các quy định thương mại của mình, gửi thư cho các quan trong các vùng và tổ chức dân binh người địa phương, số người lên tới 4.000 vào đầu tháng 12.

Bộ máy hành chính mới không gạt bỏ chính quyền của Tự Đức, nó hoạt động nhân danh chính quyền này nhưng phải nhận thụ phong của Pháp. Francis Garnier cấp cho các viên quan thần phục và những người mới được bổ nhiệm các triện khắc sáu chữ nho có nghĩa “*đại vương quốc do nước Pháp bảo hộ*” (le grand royaume de France protégé)⁽¹⁸⁾. Mọi giấy tờ công phải mang tiêu đề in sẵn “nhân danh Tự Đức dưới sự bảo hộ của nước Pháp”. Một viên quan mới, Joseph Fils, trong cơn nhiệt tình không đúng lúc, tung ra tiêu đề “nhân danh nước Pháp” lập tức bị cách chức.

Sau khi nghiên cứu kỹ các nguồn vốn của Hà Nội, Francis Garnier thấy vững tâm cai trị tỉnh này không tốn một xu của chính phủ Nam Kỳ: “*theo kê khai chính thức, thuế đinh của tỉnh là 56.000 suất và thuế điền của 200.000 hecta ruộng cộng lại lên đến 500.000 franc một năm.*

(18) Theo Chu Thiên, *Hùng khí Thăng Long*, NXB Văn hóa thông tin, 2000, sáu chữ Hán này là “Đại phú quốc - Bảo hộ dân” - ND.

Thuế đánh bắt thủy sản và thuế môn bài của các cửa hàng v.v. có thể tạo thêm hàng trăm nghìn franc, một số chủ cửa hàng đã tới tìm tôi để hợp thức hóa công việc của họ. Con số thu nhập tối thiểu cũng được 600.000 franc, quá đủ để chi phí cho hành chính và dân binh”.

Trong khi chờ đợi thu các loại thuế trên, Francis Garnier có ngay trong tay nguồn tiếp tế ở trong thành lên tới 204.000 franc ở dạng tiền xâu và ít nhất là 1.000.000 franc ở dạng thóc, muối và kim loại. Một phần của tổng số này dành làm nguồn dự trữ còn phần lớn dùng cho công tác nắm cọc tiêu, xây dựng các quảng trường, nhà ở của binh sĩ... Việc xây dựng một đèn biển ở Dao-Son được đặt ra như một yêu cầu hàng đầu. Nhất thiết phải nối Hà Nội với vùng bờ biển bằng một đường điện tín. Về nguồn thu từ quan thuế, Garnier cho thu các phí cảng. Các bến cảng này do cảnh sát vịnh Bắc kỳ và cảnh sát thủy chịu trách nhiệm.

Nhằm khai thác xứ này, Francis Garnier còn nghiên cứu một vấn đề rất quan trọng là mỏ: *“Ngay sau khi biết được những mỏ người ta chỉ cho, tôi sẽ làm cho công nghiệp mỏ những gì như tôi đã làm cho thương mại mà không cần hỏi ý kiến ai, tức là tuyên bố tự do cho các mỏ. Tôi muốn các thương nhân Sài Gòn được thông báo về khả năng này và tạo ra ở Nam kỳ một thị*

THÀNH HÀ NỘI

trường kim loại. Phải suy nghĩ mãi tôi mới quyết định gửi đi Hongkong một lượng kẽm bằng chiếc tàu Lao Kay để người thương nhân Tàu đi theo tôi từ Sài Gòn bán, coi như tạo thuận lợi đặc biệt cho ông ta. Ông ta lấy cớ rằng ở Sài Gòn không ai mua kim loại. Các thương nhân của chúng ta bằng mọi giá phải tạo ra những mối quan hệ với thị trường kim loại ở châu Âu để thu hút một nguồn hàng mà nếu không sẽ chảy về phía Bắc” (chắc là Đỗ Sơn (Hải Phòng) hiện nay - ND).

Sự thúc đẩy của Francis Garnier đối với thương mại mạnh mẽ đến nỗi, mười lăm ngày sau khi chiếm thành Hà Nội, chiếc tàu Lao Kay chở đầy hàng của tư nhân đi Sài Gòn mang theo một lượng kẽm và 150.000 franc hàng tơ lụa, tinh bột và các loại hàng khác.

Những chi tiết trên, chúng tôi trích từ các thư chưa xuất bản của Francis Garnier⁽¹⁹⁾.

Chính tại trung tâm Thành Hà Nội, Francis Garnier đã phác thảo ra các kế hoạch chính trị và kinh tế trong khi vẫn thương thuyết với đại diện của triều đình Huế, ra các tuyên cáo cho dân chúng, thảo mệnh lệnh và chỉ dẫn cho các sĩ quan.

(19) Hồ sơ Các Thống đốc số 12466, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1873 - 1888

Ngày chủ nhật 21-12, sau buổi lễ của cha Puginier, Francis tới nhà hai ông Trần Đình Túc và Nguyễn Trọng Hiệp lúc 10 giờ sáng. Hai ông này từ Huế tới Hà Nội từ hai hôm trước để khởi sự những thỏa thuận sơ bộ cho hiệp ước hòa bình. Người ta báo cho Francis Garnier biết một đơn vị mạnh của quân Cờ Đen từ Sơn Tây đang tiến về Thành Hà Nội. Ông chạy ra cửa Tây Nam, nơi lính Cờ Đen dùng những khẩu pháo dã chiến nhỏ từ xa 200 mét bắn vào cửa thành. Francis Garnier dùng một khẩu pháo 4 bắn trả và đạn pháo nhanh chóng làm quân địch rối loạn phải rút lui.

Francis Garnier muốn biến cuộc rút lui của quân địch thành một cuộc tháo chạy, ông nói với các sĩ quan vây quanh: *“Nhất thiết phải ra khỏi thành. Chúng ta không thể đứng trông quân địch như vậy ở cách thành chỉ có một nghìn mét”*. Những tình huống dẫn tới cái chết của Francis Garnier sau lần xuất quân đó được quá nhiều người biết nên không cần nhắc lại ở đây.

Chiếc xác mất đầu của Francis Garnier được trung sĩ Champion mang về Thành cùng với xác của hai lính thủy cùng bị giết. Sáng hôm sau, Jean Dupuis tới viếng. Sau này ông ta viết: *“không gì kinh khủng như những chiếc xác không đầu đó. Các xác chết nằm trải dài trên rơm y nguyên như lúc mang về chiều hôm trước”*.

THÀNH HÀ NỘI

Ông Francis Garnier cánh tay phải bị đứt, tay trái để xuôi theo chân, chân phải đi giày, chân trái chỉ có tất ngắn. Quần áo tơi tả, khắp người đầy vết gươm và giáo. Ngực bị mổ, tim bị lấy mất, da bụng bị lột, hai tay co quắp⁽²⁰⁾. Sau buổi lễ cầu hồn do Đức Cha Puginier thực hiện vào lúc 8 giờ sáng ngày 23-12 trước sự có mặt của các Cha Sohier và Colomer, các thi thể⁽²¹⁾ được đóng trong các áo quan bằng gỗ rất dày và được chôn gần Hoàng cung ở chân hai gốc đa lớn.

Theo thỏa ước Philastre, quân Pháp rút khỏi Thành Hà Nội ngày 12-2-1874. Theo điều 8 của thỏa ước này, nhà cầm quyền An Nam cam kết tôn trọng các ngôi mộ của Pháp ở trong thành Hà Nội và cam kết *"cùng với Trú sứ Pháp trong vòng một tháng tìm một địa điểm bên ngoài Thành Hà Nội để làm nghĩa trang"*. Thực tế, mãi hai mươi tháng sau, nhờ sự lo liệu của lãnh sự Pháp - ông Kergaradec, việc di chuyển hài cốt của Francis Garnier mới thực hiện được. Trước đây, lãnh sự Kergaradec là chuẩn úy trên

(20) Dupuis, *Le Tonkin de 1872 à 1886*, 1919, tr. 196.

(21) Chỉ có thân, các đầu mãi ít lâu sau người An Nam mới mang trả và ngày 6-1-1884 được bỏ vào áo quan.

(22) Thư của Kergaradec ngày 16-12-1875 gửi Luro, *Les Francais au Tonkin*, do Gautier xuất bản 1890, trang 323.

chiếc tàu chiến Suffren cùng với Garnier sau khi ra trường⁽²²⁾.

7 giờ 30 sáng ngày 3-11-1875, lãnh sự Kergaradec vào Thành Hà Nội cùng với chỉ huy trưởng, thư ký lãnh sự, bác sĩ trưởng Jardon, người có trách nhiệm viết báo cáo pháp y⁽²³⁾ khi khai quật tử thi. Công việc nặng nhọc này kéo dài suốt một ngày và mãi 4 giờ chiều đám tang mới tới ngôi nhà thờ nhỏ của Hà Nội. Tại đây các áo quan được canh giữ suốt đêm.

Sáng hôm sau Cha Puginier làm lễ cầu hồn vào lúc 7 giờ, sau đó đám tang hướng về nghĩa địa mới trong khu Nhượng địa. Những người khiêng nhà táng tuyển trong số người An Nam theo đạo. Việc giữ trật tự do một đại đội lính An Nam bảo đảm. Từ mấy hôm trước người ta đã

(23) Dưới đây là trích đoạn của báo cáo đó: “sọ cho thấy: 1) có một vết gươm rộng 6cm ngang thái dương phải 2) một nhát chém rất rõ của vật sắc vào phía dưới chòm xương gò má trái 3) hai vết đen tại xương đỉnh phải và một vết đen ở giữa hộp xương trán. Đốt sòng đội và đốt sòng trực liền theo hộp sọ cho thấy vết chém có thể vào đốt sòng cổ vì đốt ba và đốt bốn thiếu. Lông ngực cho thấy các xương sườn bị gãy”. Hồ sơ Các Thống đốc số 12988, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

(24) Thư của Kergaradec ngày 9-11-1875 gửi thống đốc, Hồ sơ Các Thống đốc số 12988, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

THÀNH HÀ NỘI

dùng một số lượng lớn phu để dọn sạch những con đường dẫn vào nghĩa địa và mở rộng cổng trại vì quá hẹp đối với đám rước⁽²⁴⁾.

*

* *

Trong tám năm của thời kỳ lãnh sự ở Hà Nội, các quan An Nam trở lại cuộc sống cũ trong Thành Hà Nội; họ duy trì với các đại diện của chúng ta các quan hệ bề ngoài có vẻ hữu hảo nhưng trong thực tế tìm cách gây cho chúng ta những khó khăn tệ hại nhất.

Cuối năm 1881, tình hình càng ngày càng căng thẳng. Các quan An Nam tiếp các toán quân Cờ Đen trong Thành Hà Nội. Sự có mặt của các toán này tạo ra sự nguy hiểm thực sự cho khu Nhượng địa. Ngày 28-11-1881, thống đốc Myr, muốn tránh một cuộc can thiệp đổ máu, đã yêu cầu lãnh sự của chúng ta tại Hà Nội báo cáo chi tiết về các biện pháp sẽ sử dụng để, nếu có thể, *“không dùng sức mạnh mà chỉ dựa vào bất ngờ chiếm Thành Hà Nội và đuổi quân Cờ Đen khỏi các vị trí của chúng”*. Đồng thời thống đốc cũng thúc giục lãnh sự chúng ta *“phải chú ý không được để nổ ra cuộc chiến mà*

(25) Lentement, pacifiquement, administrative-ment. Các thuật ngữ này cũng được sử dụng trong các chỉ thị cho Henri Rivière.

phải hành động một cách từ từ, hòa bình, theo con đường hành chính⁽²⁵⁾, không nổ một phát súng trừ trường hợp chống lại bọn cướp bóc và bất lương, trong đó có bọn lính đánh thuê Tàu”.

Ông Kergaradec trả lời ngày 5-2-1882: “Việc chiếm thành Hà Nội mà không cần ra tay chắc chắn không có gì khó khăn. Sau đây là một trong những cách ta có thể dùng: trong một cuộc diễu binh đã thành lệ của chúng ta, đầu đoàn quân chỉ cần quay, chẳng hạn, về bên trái, qua Cửa Đông là đã ở bên trong pháo đài bảo vệ cửa chính. Chạy qua cầu băng ngang hào là binh sĩ chúng ta sẽ làm chủ được thành mà không cần bắn một phát súng”⁽²⁶⁾.

Không thấy nói gì thêm về kế hoạch này vì khi Kergaradec viết những dòng trên thì người ta quyết định gửi đạo quân của Henri Rivière tới Hà Nội. Chỉ huy trưởng Henri Rivière tới Hà Nội ngày chủ nhật 2-4-1883. Ông ta luôn tâm niệm “tránh nổ súng” như thống đốc Nam kỳ ra lệnh cho mình. Ông viết thư cho một người bạn:

(26) Hồ sơ Các Thống đốc số 10632, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

(27) Fabius Maximus Verrucosus (khoảng 275-203 trước Công nguyên), còn gọi là Fabius Cunctator (Fabius Ôn hòa), chính khách La Mã ôn hòa và thận trọng - ND.

THÀNH HÀ NỘI

“tôi tới đó như Fabius Cunctator⁽²⁷⁾. Nếu buộc phải hành động, tôi sẽ không vượt quá Rubicon⁽²⁸⁾ như César”.

Đúng ngoài rất dễ lý luận nhưng tới nơi, Henri Rivière, cũng như Francis Garnier chín năm về trước, hiểu ngay rằng đứng trông chờ là phơi mình ra để chịu nghiền nát bởi kẻ thù đang khẩn trương chuẩn bị⁽²⁹⁾. Trước nguy hiểm đang lớn dần, Rivière cho gọi quân tăng viện từ Hải Phòng lên, nâng quân số lên 620 người và sáng sớm 25-4 gửi tối hậu thư cho tổng đốc. Tối 8 giờ sáng vẫn không có trả lời, Henri Rivière liền cho bắn phá Thành.

Thoạt tiên là các pháo hạm Fanfare, Massue và Carabine, sau đó là các khẩu sơn pháo đặt ở chính diện Cửa Đông và Cửa Bắc. Mọi cố gắng tập trung vào Cửa Bắc trong khi đại đội của đại úy Retrouvey giả vờ tấn công vào Cửa Đông. Vào 10 giờ 45, chỉ huy trưởng Rivière chiếm được lũy bán nguyệt bảo vệ Cửa Bắc. Đồng thời, các binh sĩ trang bị thang tre leo vào được pháo đài Tây Bắc và mở cửa Thành

(28) Rubicon, tên con sông phân giới Ý với xứ Gaule thuộc Ngoại Alpe. Đêm 11 rạng ngày 12-1-49 trước công nguyên, César vượt sông không được sự chuẩn y của nghị viện, mở đầu cuộc nội chiến ở La Mã - ND.

(29) (Livre jaune) *Hoàng thư*, Affaires du Tonkin, phần 1, 1874-1882, trang 222.

từ phía trong. 11 giờ sáng, thành bị chiếm. Phía Pháp chỉ có bốn người bị thương⁽³⁰⁾.

Những sự kiện 20-11-1873 và 25-4-1882 tương tự nhau bao nhiêu thì hành xử của hai chỉ huy trưởng sau chiến thắng ngược nhau bấy nhiêu. Nếu Francis Garnier ngay lập tức đóng lại trong thành và từ đó nắm việc quản lý hành chính thành phố, tổ chức công cuộc bảo hộ trong thực tế thì, ngược lại, Henri Rivière vội vã trả lại quyền cho Quan-án được thăng tổng đốc tạm quyền, chỉ để lại trong Hoàng cung một đại đội pháo binh dưới quyền của đại úy Retrouvey. Thoạt đầu Rivière nghĩ tới chuyện phá hủy thành và trở lố trong các tường thành nhất là ở cả hai bên cửa Đông Nam, nhưng sau đó ông ta phải từ bỏ ngay ý định theo đuổi một công việc quá mạo hiểm như vậy. Về vấn đề quản lý hành chính dân bản xứ, Rivière không hề nhúng tay vào và để cho các quan An Nam giữ nguyên chức⁽³¹⁾.

(30) Xem báo cáo của chỉ huy trưởng Rivière trong Hoàng thư, từ trang 146 tới trang 250 và trong *L'Indochine française contemporaine* của Bouinais và Paulus, tập 2, từ trang 102 tới trang 105.

(31) Rivière nhận được của thống đốc những chỉ thị chính thức nhất về vấn đề này (trang 3 B. 223, *Autorités militaires*, Hồ sơ Các Thống đốc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương).

THÀNH HÀ NỘI

Đại úy Retrouvey biến Hoàng cung thành một pháo đài, *“thay chiếc lan can chạm khắc bằng một bức tường trở lỗ châu mai xấu kinh người”*⁽³²⁾ và chuyển vào đây một số khẩu pháo. Sự đề phòng đó không vô ích. Sau mười một tháng tương đối yên tĩnh, lợi dụng sự giảm số quân đồn trú do Rivière đưa quân viễn chinh xuống Nam Định, quân Cờ Đen tiến công Thành Hà Nội vào đêm 26 rạng ngày 27-3-1883. Đạn pháo của đại úy Retrouvey kìm giữ các đợt tấn công của quân địch tới sáng và các viên chỉ huy Berthe và Villers buộc chúng phải trở về bên kia sông.

Tình hình của những người phòng thủ trong Quốc tự trở nên nguy kịch sau thảm họa ngày 19-5. Quân Cờ Đen tiến vào tận trung tâm thành phố, mọi liên lạc giữa khu Nhượng địa và Thành Hà Nội bị cắt đứt. Bị vây chặt *“như trong một chiếc tàu khốn quẫn, đại đội pháo hải quân phải sống bằng lương khô và đồ hộp theo khẩu phần”*. Cuối cùng, một số đơn vị nhỏ ở Hòn Gai và Quy Nhơn cùng với 500 lính từ Nam kỳ ra tăng viện để giải tỏa kịp thời cho quân Pháp.

Ba khẩu pháo và số lính Pháp đổ bộ lên Hà Nội vào tháng 8-1883 đóng trại trong Thành Hà

(32) Yann, *Croquis Tonkinois*, 1889, trang 80.

Nội đành phải bằng lòng với một số nhà lá làm vôi vàng, phải chịu những khổ sở như các bạn đồng ngũ của họ ở Trường Thi mười năm trước đây. *“Màn không đủ phân phối cho các pháo thủ và nhiều người phải chịu muỗi đốt vào chân. Bệnh ngứa theo sau đó không sao chịu nổi làm trầy da. Các vết trầy này tiếp xúc với mặt đường và bùn biến thành lở loét. Kết quả là trong một thời gian ngắn một số lớn binh sĩ không thể sẵn sàng chiến đấu”*⁽³³⁾.

Năm 1884, một số lán khá lớn được một nhà thầu người Tàu xây dựng dành cho các sĩ quan cấp dưới và binh lính. Các sĩ quan cao cấp ở nhà của các quan cũ. *“Một số có gia đình được chỗ ở khá hơn trong các tháp canh”*⁽³⁴⁾.

Tháng 5-1884, bệnh viện trong khu Nhượng địa và các bệnh xá trung đoàn đầy nghẹt người sốt và kiết lỵ, người ta phải nghĩ tới việc xây dựng một bệnh viện trong Thành. Chỉ có các nhà kho cũ của tỉnh đủ rộng nhưng tối và ẩm. Người ta sửa qua loa các kho đó và đoàn bệnh binh đầu tiên cho chiếc tàu Eclair chuyển tới

(33) G. Humbert. Historique succinct de l'artillerie au Tonkin pendant les années 1883 et 1884. Paris, 184, trang 15.

(34) L. Huguet. En colonne, *souvenirs d'Extrême Orient*. Paris, trang 3.

THÀNH HÀ NỘI

Thành ngày 30-6-1884. Đoàn gồm các bệnh binh của đạo quân Dugenne. Để nhận họ, bệnh viện mới chỉ có “*những chiếc nệm vẫn còn đây vết máu và mủ*”⁽³⁵⁾ được gửi vào phút chót qua đường biển và chỉ có hai mươi chiếc cáng để khiêng bảy mươi thương binh giữa đêm khuya từ bến tàu vào thành.

Mặc dù thiếu thốn doanh trại và bệnh viện, nhưng vẫn có một không khí cười đùa vui vẻ. Sự sôi nổi vui vẻ của các binh lính mới tới tương phản với khung cảnh còn y nguyên như xưa và buồn tẻ của ngôi thành An Nam già nua. Những con voi cuối cùng trong các chuồng cũ được quản tượng điều khiển dạo chơi giữa đám lính. “*Chỉ cần hai xu đặt trước vòi là chúng khuy nhẹ chân xuống trong tiếng cười vui vẻ của đám lính*”⁽³⁶⁾. Những người lính mới tới không thể bỏ qua việc tham quan phế tích của ngôi đền⁽³⁷⁾ do một bà già An Nam coi giữ. Bà này nhận là hậu duệ của nhà Lê và sinh ra trong một cung điện gần đó. Dumoutier kể⁽³⁸⁾: “*Khi*

(35) Bác sĩ Challan de Belval. *Au Tonkin*, 1883-1885. Paris, 1904, trang 218.

(36) F. Garcin, *Au Tonkin pendant la Conquête*, tr. 48.

(37) Nguyên văn “temple du Grand Banian”, có thể hiểu là đền Cây Đa - ND.

(38) *Revue Indochinoise*, 1901, trang 396.

quân đội của chúng ta chiếm thành Hà Nội, bà già sống dưới sự che chở của quân đội và giúp đỡ nhiều người lính trong trại trú thân qua đêm tại hiên đền, một cái hiên đẹp theo kiểu bản địa mà đứng ra các quy tắc khắt khe không cho vào. Có thể một số người khắt khe cho rằng vai trò của vị nữ tu mang dòng máu hoàng phái trong trường hợp này chẳng có gì quý phái đặc biệt cũng như đáng trọng vọng và ngôi đền của bà ta nên đổi tên thánh”.

Cột Cờ thoát tiên được dùng làm tháp truyền tin bằng quang học. Trên đỉnh tháp có một ngọn đèn dầu hỏa gắn với gương. Một tấm che cho phép che ánh sáng trong những khoảng thời gian theo quy luật của tín hiệu Morse để gửi tới trạm Bắc Ninh, nơi cũng có một trạm tương tự⁽³⁹⁾. Hệ thống này hoạt động rất có hiệu quả cho tới khi thiết lập đường dây điện tín giữa Hải Phòng và Lạng Sơn vào năm 1885.

Năm 1887, khi lối sống châu Âu đã nảy sinh ở Hà Nội, Cột Cờ nhận một nhiệm vụ mới hoàn toàn hòa bình: khán đài theo dõi các cuộc đua. Khu đất phân cách Cột Cờ với khu Hoàng cung, ngày nay dùng làm bãi tập và sân thể thao, lúc đó được bố trí làm đường đua 1.200m.

(39) Paul Bonnetain, *Au Tonkin, Paris, 1887*, tr.3 và tr.316.

THÀNH HÀ NỘI

Khi có cuộc đua ngựa, người ta căng một tấm vải che rất rộng ở phía trên các sân của Cột Cờ, trong đó một khán đài dành cho “*quý bà và các nhà cầm quyền*” và một khán đài dành cho các sĩ quan.

Từ năm 1885, người ta bắt đầu xây dựng nhiều trại lính lớn và các tòa nhà làm việc của quân đội tại chỗ ở cũ của các quan. Điện Kính Thiên bị phá hủy để lấy chỗ xây dựng Sở Pháo binh hiện nay. Mặc dù có những sự thay đổi đó nhưng hình dáng chung của Thành Hà Nội vẫn gần như y nguyên cho tới năm 1894, năm bắt đầu phá hủy các tường thành theo ý kiến của Hội đồng thị chính ngày 28-7-1893. Những lý do đưa ra trước đó để biện minh cho hành động này thiếu sức thuyết phục và ý kiến ôn hòa nhất về việc này là ý kiến của Paul Doumer khi nhiệm chức đúng vào lúc người ta vừa phá xong thành vào năm 1887⁽⁴⁰⁾: “*Tôi sang quá chậm để giữ lại những chỗ cần thiết. Đặc biệt là các cửa thành đáng được giữ lại. Chúng có những phong cách lớn quan hệ mật thiết với lịch sử đáng cho ta phải kính nể. Giống như Khải hoàn môn Ngôi Sao ở Paris, các cửa đó sẽ làm đẹp cho các khu phố mà không cản trở giao thông và quy hoạch thành phố*”.

(40) Doumer, *L'Indochine française*, 1905, tr.123.

Chương 3

KHU NHƯỢNG ĐỊA

Không biết ở Pháp người ta có hiểu những gì tôi đã làm không. Tôi làm những gì cần làm. Ngoài ra, tôi có triết lý bình tĩnh đón nhận và cam chịu mọi chuyện.

Henri Rivière, 8-5-1883

Nguyên tắc của việc nhượng cho nước Pháp một khu đất ven sông Hồng ở Hà Nội được đặt ra bởi thỏa ước Philastre ngày 6-2-1874 nhưng phải mất mười tám tháng kiên trì đàm phán trước khi đi tới thỏa ước 31-8-1875 trong đó có điều khoản về việc thiết lập những cơ sở của Pháp ở Hà Nội. Lịch sử những cuộc đàm phán đó⁽¹⁾ đáng được nghiên cứu kỹ vì việc chọn địa điểm cho khu Nhượng địa có tầm quan trọng to

(1) Có thể tham khảo các tài liệu chưa xuất bản chúng tôi đã sử dụng ở chương 6.

KHU NHƯỢNG ĐỊA

lớn cho việc phát triển thành phố trong tương lai. Không gì có thể báo trước một phố nằm ở ngoại ô toàn đầm lầy như phố *Hàng Khảm*, nay là phố Paul Bert (nay là Tràng Tiền - ND), có ngày lại trở thành một trung tâm náo nhiệt của Hà Nội. Khu phố kiểu Pháp chỉ nảy sinh từ con đường đó mà không ở nơi nào khác đơn giản vì con đường này trực tiếp nối khu Nhượng địa với Thành Hà Nội và với khu phố buôn bán. Nếu vị trí của khu Nhượng địa nằm quá về phía Bắc như dự kiến ban đầu, trục của khu phố Pháp có lẽ đã khác và bản đồ Hà Nội sẽ hoàn toàn khác với bản đồ hiện nay.

Ta biết rằng thỏa ước 6-2-1874, ký ở Hà Nội giữa phái viên Philastre, thanh tra các vấn đề bản xứ, với phó sứ Nguyễn Văn Tường chỉ mang tính chất một thoả thuận tạm thời rất sơ sài nhằm giải quyết tình hình ở Bắc kỳ chờ ký kết hiệp ước cuối cùng ở Sài Gòn.

Tuy chủ trương rút ngay khỏi Thành Hà Nội và rút quân về Hải Phòng như Philastre vẫn duy trì quyền của nước Pháp trong tương lai. Ngay sau khi tới Hà Nội, ông ta buộc nhà cầm quyền An Nam phải chấp nhận cho một đại diện chính trị cùng với một số nhân viên được quyền ở Hà Nội và như vậy một số miếng đất sẽ phải được nhượng cho các nhà thương thuyết châu Âu. Sau khi trình đô đốc Dupré bằng thư

HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1873 - 1888

ngày 8-1-1874, ông ta đưa vào thỏa ước điều 9 với câu chữ đặt nền móng cho các cơ sở của chúng ta ở Hà Nội như sau:

“Chính phủ An Nam cam kết về nguyên tắc cấp một miếng đất thích hợp gần sông để xây dựng trên đó khu nhà cho trú sứ Pháp và tùy tùng. Miếng đất này phải sát vị trí mà chính phủ An Nam sẽ bố trí cho các thương nhân Pháp sử dụng sau hiệp định. Việc lựa chọn địa điểm và tất cả những gì liên quan tới địa điểm này sẽ diễn ra sau giữa thống đốc Nam kỳ và sứ thần An Nam”.

Các nội dung trên được khẳng định bằng các điều 12 và 13 của hiệp ước 15-3-1874. Hiệp ước này cũng thừa nhận những người có quốc tịch Pháp và nước ngoài có quyền mở hiệu ở Hà Nội, Hải Phòng và Quy Nhơn và nước Pháp có quyền bổ nhiệm tại mỗi thành phố cảng trên một lãnh sự hoặc một đại lý được giúp sức bởi một đoàn hộ tống quân sự một trăm người.

Vấn đề còn lại là xác định vị trí và kích thước khu đất nhượng. Đô đốc Krantz trao nhiệm vụ này cho ông Rheinart, người ở lại Hà Nội với tư cách trú sứ sau khi rút quân khỏi Thành Hà Nội, và bằng thư ngày 25-4-1874 yêu cầu ông ta gửi bản phác thảo sơ đồ thành phố trong đó chỉ rõ vị trí thuận lợi nhất. Rheinart không thể trả lời

KHU NHƯỢNG ĐỊA

ngay được vì đang phải đương đầu với những khó khăn nghiêm trọng giữa những lộn xộn đẫm máu sau khi quân đội Pháp rút ra đi. Buộc phải rút về Hải Phòng ngày 22-5, ông ta xin phép quay trở lại Sài Gòn.

Đô đốc Krantz đồng ý ngay vì vừa khéo lúc đó ông ta đang chờ các sứ thần An Nam tới Sài Gòn để ký hiệp ước thương mại bổ sung cho hiệp ước 15-3. Ông ta muốn nhân dịp này sẽ ấn định vị trí và kích thước khu Nhượng địa và chỉ có Rheinart có thể cung cấp những thông tin riêng để làm rõ vấn đề.

Trong khi đàm phán, các sứ thần An Nam cố gắng ngăn cản quyền cư trú của người Pháp ở Hà Nội. Nhưng đô đốc Krantz kiên quyết bảo vệ quyền đó và một điều khoản phụ trong hiệp ước thương mại ký ngày 31-8-1874 thừa nhận *"Hà Nội được mở cho việc buôn bán với nước ngoài và trong thành phố này sẽ có một lãnh sự cùng với tùy tùng và hải quan, những người châu Âu có thể có cửa hàng và nhà ở Hà Nội"*. Kích thước khu đất nhượng để làm chỗ ở cho lãnh sự và các nhân viên được ấn định là năm mẫu, tức khoảng hai hécta rưỡi. Về đất cần thiết cho các thương gia châu Âu, các thương gia này phải mua của các chủ đất.

Mặc dù vị trí miếng đất không được xác định rõ ràng trong hiệp ước nhưng đô đốc, theo lời

khuyên của Rheinart, đã nhắm vào “*khu đất một chiều bị kẹp giữa sông và các lũy⁽²⁾ một chiều bị kẹp giữa các phố Hang-cau (?-ND) và Thach-Thi (?-ND)*”, tức là một chiều bị kẹp giữa bến Clémenceau (nay là đường Trần Nhật Duật - ND) và đại lộ Đô đốc Courbet (nay là Lý Thái Tổ - ND) một chiều bị kẹp giữa phố Fellonneau (nay là Hàm Tử Quan - ND) và phố Pháp quốc (rue de France, nay là đoạn trên phố Tràng Tiền từ Nhà Hát lớn tới phố Trần Quang Khải - ND).

Được trao nhiệm vụ đàm phán trên những cơ sở đó, viên chỉ huy Dujardin, trú sứ chính trị tại Hải Phòng, có mặt tại Hà Nội ngày 31-10 và được tổng đốc và phó sứ tiếp. Họ đưa ra nhiều lý lẽ bác bỏ việc lựa chọn vị trí của đô đốc: sẽ phải đền bù nhiều cho các sở hữu chủ vì khu này khá đông dân cư và có nhiều xưởng gỗ và công trường xây dựng. Hơn nữa, khu đất sinh lầy và bị ngập mỗi năm mất hai tháng khó thích hợp cho người Pháp.

Họ đề nghị tại chỗ với Dujardin một khu đất nằm về phía hạ lưu được gọi là Đồn Nam

(2) Gọi là đê đúng hơn tường lũy. Các đê này chạy gần trùng với phố Lô cốt Bắc (nay là Phố Đức Chính - ND), đại lộ Đô đốc Courbet (nay là Lý Thái Tổ - ND) và đại lộ Bobillot (nay là Lê Thánh Tôn - ND).

TÊN TRUYỆN

(nguyên văn: Fort du Sud - nhân dân thường gọi là Đồn Thủy. Từ đây trở đi chúng ta dùng tên *Đồn Thủy*, trừ trường hợp trong văn bản, cho khu vực này - ND). Gọi là đồn nhưng từ lâu nó đã mất vai trò quân sự, trong đồn lúc đó chỉ còn lại những ụ chông ra hình thù gì. Ngày xưa, đồn bảo vệ Hà Nội chống những tên xâm lược ngược lên theo đường sông giống như Thành Hà Nội bảo vệ thành phố ở mạn thượng lưu. Hệ thống phòng thủ này tương tự hệ thống phòng thủ Sài Gòn, “*được bảo vệ ở phía hạ lưu bởi một đê lè gọi là đồn Nam và được phòng thủ ở phía Bắc, chỗ giáp với đồng bằng, bởi Thành*”(3).

Khi đề nghị Đồn Thủy, có lẽ chính quyền An Nam muốn tìm cho người châu Âu một miếng đất tốt hơn để đưa họ ra xa trung tâm thành phố. Tuy nhiên đại úy Dujardin hiểu ngay những lý lẽ bác bỏ của tổng đốc có căn cứ và khu vực Đồn Thủy có nhiều lợi điểm thực tế.

Đô đốc Duperré nắm được những đề nghị mới, liên phái trung tá Varaigne, chỉ huy trưởng công binh, ra Bắc kỳ với nhiệm vụ giải quyết vấn đề và thiết kế sơ đồ cho cơ sở tương

(3) Richard, Saigon au commencement de 1886, nhà in Bouchot, Document pour servir à l'histoire de Saigon, tập I, 1927, trang 100.

lai. Ngày 11-1-1875, Varaigne ký ở Hà Nội với tổng đốc Trần Đình Túc thỏa ước trong đó có điều khoản: “*Khu đất dành cho các cơ sở Pháp gồm Đồn Nam và sau này nếu cần sẽ kéo dài dọc theo bờ sông về phía hạ lưu*”.

Như vậy nhà cầm quyền An Nam hoàn toàn thỏa mãn vì người đại diện đô đốc đã chấp nhận miếng đất do họ đề nghị và, hơn thế nữa, thỏa ước còn nói rõ các cơ sở của Pháp sẽ phát triển về phía hạ lưu, tức là sẽ xa thành phố. Tuy nhiên, ngày 20-1, viên trọng quan họ Phạm⁽⁴⁾, tuần phủ Hải Dương tới Hải Phòng gặp chỉ huy Dujardin đề nghị những điều kiện thuận lợi hơn cho khu Nhượng địa Hải Phòng nếu từ bỏ khu Nhượng địa Hà Nội. Ngày 2-2, viên quan án Hải Phòng lại tới thẳng thường đề nghị nước Pháp từ bỏ việc thiết lập cơ sở ở các nơi ngoài Hải Phòng. Việc này cho thấy trước phía Pháp sẽ gặp nhiều khó khăn.

Bằng cách chuyển bức thư đại tá Dujardin viết cho mình về Bộ Hải quân, đô đốc Duperré tóm tắt rất rõ ràng đường lối của ông ta: “*Từ khi quyền được cư trú ở Hà Nội được đưa vào hiệp ước và từ khi việc duy trì điều khoản này suýt*

(4) Nguyên văn *le grand mandarin Pham* chắc là Phạm Phú Thứ - ND.

KHU NHƯỢNG ĐỊA

làm chúng ta ngưng các cuộc thương thuyết, giờ đây chúng ta không nên bỏ nó và không cần quan tâm tới những khó khăn chẳng liên quan gì tới vấn đề quan trọng nào cả”.

Do công tác xây dựng đòi hỏi hơn một năm và tòa lãnh sự ở Hà Nội dự kiến khai trương vào tháng 7-1875, nên cần tìm một chỗ ở đủ rộng để chứa hết số người gồm một thư ký, một nhà nho, một thông ngôn, những người giúp việc trong nhà, tiểu đoàn trưởng, một người quản lý, một thầy thuốc, ba sĩ quan, một đại đội bộ binh của hải quân, một sĩ quan công binh và một ủy viên hải quân phụ trách kho⁽⁵⁾.

Một quyết định của đô đốc Duperré ngày 21-4, đăng trong công báo, bổ nhiệm một ban có nhiệm vụ thuê một số nhà cần thiết ở Hà Nội. Hai thành viên của ban này là đại úy Brionval phái viên của bộ chỉ huy tối cao và đại úy chỉ huy công binh ở Bắc kỳ Dupommier đã thành công trong việc nhận được khu Trường Thi thay vì những ngôi nhà cô lập. Khu này rất rộng và an toàn như chúng ta đã thấy trong chương trước. Theo thỏa ước 30-5-1875, Trường Thi là cơ sở tạm thời để lãnh sự Pháp sử dụng tới ngày

(5) Cơ cấu của lãnh sự cho thấy vai trò quan trọng của Bộ Hải quân trong việc xâm chiếm thuộc địa - ND.

HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1873 - 1888

1-1-1877 và thậm chí lâu hơn nếu việc xây dựng chưa hoàn thành vào thời điểm đó. Tổng đốc Trần Đình Túc và tuần phủ Trần-hi-Tang, không cần suy nghĩ, ký thỏa thuận kỳ thi hương phải được tổ chức tại Trường Thi vào tháng 11-1876 và cam kết để chúng ta sử dụng cho tới ngày trên nên sau này có thể đặt họ vào tình thế khó khăn.

Sau khi thừa nhận thỏa ước này, chính phủ An Nam xin đô đốc rút khỏi Trường Thi sớm trước sáu tháng. Để tránh một cuộc xung đột, đô đốc ra lệnh cho lãnh sự Kergaradec ở Hà Nội thỏa mãn người An Nam về điểm này.

Rất khéo léo, ông Kergaradec đã dành đường lối hòa giải đó của chính phủ Nam kỳ vào thời điểm đàm phán về danh nghĩa sở hữu của khu Nhượng địa. Do gần hai vấn đề với nhau, ông đã nhận được một miếng đất rộng hơn mong muốn.

Diện tích của Đồn quả thực rộng gấp sáu lần con số năm mẫu do hiệp ước 31-8-1874 dự kiến. Ngày 28-8-1875, khi lãnh sự của chúng ta có mặt tại chỗ để tiến hành vạch ranh giới thì tuần phủ và tổng đốc chỉ cho ông ta một miếng đất ở trong Đồn rộng hai hécta ruộng đã được đóng cọc mốc. Tới lúc này ông Kergaradec mới nêu ra vấn đề rút sớm khỏi Trường Thi nếu nhà

KHU NHƯỢNG ĐỊA

cầm quyền An Nam chấp nhận nhường toàn bộ khu Đồn. Đề nghị này thu được kết quả như đã tính trước và ngày 31-8-1875, ngày kỷ niệm hiệp ước thương mại, thỏa ước nhường cho chính phủ Pháp “*khu đất, có sơ đồ kèm theo dưới đây, ở vị trí của Đồn Nam cũ*” được ký kết.

Một bản sao cũ của sơ đồ này, chốt lại các chỉ giới của khu Nhượng địa Pháp, hiện được lưu giữ tại Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương. Sẽ rất lý thú in lại bên cạnh nhau và cùng tỉ lệ các bản đồ 1875 (hình 17) và bức không ảnh chụp khu vực đó năm 1926⁽⁶⁾ (hình 18).

Việc so sánh hai bức ảnh cho phép nhận dạng mọi chi tiết đồ bản học và nắm bắt một cách sống động cách người ta đã làm biến đổi khu phố này của Hà Nội, các đường phố rộng lớn rợp bóng cây đã thay thế con đê bằng đất và những con đường mòn ngày xưa, nhiều công trình công cộng được dựng lên tại vị trí xưa kia là đầm lầy.

Khu Nhượng địa được giới hạn: phía Bắc bởi một con đường hẹp (sau này trở thành phố Pháp quốc) đi từ sông tới cổng của Trường Tiền,

(6) Ảnh phóng to một trích đoạn bức không ảnh Hà Nội được thực hiện dưới sự chỉ đạo của ông Borzecki, trưởng phòng ảnh thuộc Cục Hàng Không Đông Dương.

cổng này ít lâu sau gọi là cổng Pháp quốc; phía Tây bởi con đê ngày nay tương ứng với đại lộ Bobillot (nay là Lê Thánh Tôn - ND); phía Đông bởi tường lũy ven sông của Đồn có bốn chỗ nhô ra không đều; phía Nam bởi một con đường đi từ đầu Đồn chạy theo một con đường theo hướng Đông - Tây sau đó quẹo về phía Nam để ôm lấy một miếng đất hình chữ nhật dùng làm nghĩa địa.

Tổng diện tích của khu Nhượng địa là 185.085m². Toàn bộ phần phía Tây là một cái đầm, trên đó sau này người ta đã xây dựng trường đại học (Nhà Hát lớn hiện nay - ND) và nhà hát. Ở giữa sơ đồ ta thấy một hình chữ nhật abcd giới hạn 2,5 héc-ta viên tổng đốc định dành cho chúng ta và bên cạnh nó là vị trí của cơ sở thương chính An Nam.

Chỉ có phần phía Đông, kẹp giữa phố Thống chế Gallieni và bến tàu hiện nay, có thể bố trí cho cơ quan đại diện. Từ Bắc xuống Nam, các tòa nhà dự kiến trên bản đồ là: tòa lãnh sự, nhà ở của sĩ quan, nhà chỉ huy trưởng quân đội, trại lính và các tòa nhà kém quan trọng hơn, chỗ ở kiêm phòng làm việc của lãnh sự, nhà sĩ quan công binh, trạm xá, các cửa hàng v.v. (*hình 9*).

Sơ đồ của các công trình này, do trung tá Varaigne nghiên cứu tại chỗ, được thiết kế tại

Sài Gòn và trình đô đốc Duperré, thống đốc Nam kỳ⁽⁷⁾. Các sơ đồ được gửi tới Hà Nội vào cuối tháng 10-1875 và công tác thi công bắt đầu ngay lập tức dưới sự chỉ đạo của đại úy công binh Dupommier, người trước đó đã cho xây tường rào nghĩa địa để cải táng di cốt Francis Garnier và đồng đội⁽⁸⁾. Thợ toàn là những phu không có kinh nghiệm một số người An Nam tự ý tới cộng tác. Những người này phải đương đầu với sự quấy nhiễu của các quan An Nam. Về chuyện này, ông Kergaradec kể một chuyện có ý nghĩa: *"Một thanh niên Công giáo của một gia đình khá giả, tên là Félix, trưởng cờ Pháp trong những ngày Tết để trang hoàng nhà. Lợi dụng sự vắng mặt của lãnh sự đi thám sát vùng thượng du, các quan An Nam đã bắt bỏ tù anh ta và phải có sự can thiệp kiên quyết của ông Kergaradec khi quay về anh ta mới được thả"*⁽⁹⁾.

(7) Bản gốc của một trong những sơ đồ đó, phòng làm việc của lãnh sự, được thiết kế ngày 3-9-1875 ở Sài Gòn dưới sự chỉ đạo của trung tá Varaigine được lưu trữ tại Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương, Hồ sơ Thống sứ Bắc kỳ số 7599.

(8) Buổi lễ này đã được mô tả trong chương Thành Hà Nội.

(9) Hồ sơ Các Đô đốc số 12992, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

Mặc dù có những khó khăn đó, các công trình được tiến hành một cách tích cực và chưa tới một năm đã hoàn thành. Đối với nhà ở của lãnh sự, chỉ huy trưởng quân đội và sĩ quan, đồ đạc đòi hỏi phải xây giống như các nhà đã xây ở Nam kỳ cho các thanh tra⁽¹⁰⁾. Các nhà phải đơn giản và rộng rãi có một trệt, một lầu và có hiên rộng bao quanh (hình 20).

Trại lính gồm bốn tòa nhà rộng lớn. Tầng trệt mỗi tòa dùng vào một việc: nhà ăn của lính, nhà ăn của hạ sĩ quan, phòng học, nhà tắm. Tầng gác của mỗi tòa có tám phòng, mỗi phòng có mười sáu giường cho 128 người⁽¹¹⁾. Thế là sau những nỗi khổ cực chịu đựng ở Trường Thi, các binh sĩ cũng như chỉ huy được một chỗ ở rộng rãi và khá thoáng mát về mặt vệ sinh.

Ông Kergaradec tiếp nhận khu nhà mới ngày 15-10-1876 và giữ chức lãnh sự Hà Nội cho tới cuối năm 1882. Trong suốt thời kỳ này, chúng tôi chỉ ghi nhận được trận bão tàn phá khu Nhượng địa trong đêm 5 rạng ngày 6-10-1881: *“Sáng sớm hôm đó, khu Nhượng địa bày ra một cảnh thảm thương. Khắp nơi, ngôi võ tung, cửa*

(10) Reg. B. 11, trang 79, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

(11) Hồ sơ Các Đô đốc số 13005, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

KHU NHƯỢNG ĐỊA

sổ mất bùng, các cánh cửa tung ra. Các ngôi nhà từ trên xuống dưới bị phủ một lớp đất vàng do mưa bão tấp vào. Các ngôi nhà nhỏ, các rào chắn hoặc tường tan ra từng mảng theo đúng nghĩa đen của từ này. Các vườn cây cũng không còn: tất cả bị nát hết hoặc bị nhổ sạch, những cây to bị gãy như những que diêm, những cây nhỏ hơn thì bị vặt trụi lá, gãy cành, tróc rễ và bị gió lôi đi. May không có ai bị thương. Công binh sửa chữa khẩn cấp và ghi nhận những thiệt hại. Họ đánh giá những thiệt hại trước mắt khoảng bảy hoặc tám nghìn franc”(12).

Chính Henri Rivière đã ở khu Nhượng địa khi tới Hà Nội vào tháng 4-1882. Không thể cho binh lính ở hết trong trại lính, ông ra lệnh cho đại úy Dupommier làm một cái lán lớn⁽¹³⁾. Sau khi chiếm Thành Hà Nội ngày 25-4, Rivière chỉ để một đại đội ở Quốc tự trong Thành còn mình quay về khu Nhượng địa. Tại đây, ông cho dựng các hàng dậu vững chắc trừ mặt Đông được sông và các pháo hạm bỏ neo bảo vệ⁽¹⁴⁾. Các lũy cọc

(12) Thư của ông Kergaradec ngày 5-10-1881, Hồ sơ Các Đô đốc số 13053, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

(13) Hoàng thư, 1874-1883, trang 218, thư của chỉ huy Rivière.

(14) Livre jaune, trang 252, thư ngày 6-5-1882.

chỉ bao hết hai phần ba khu Nhượng địa vì phải bỏ ra ngoài toàn bộ phần đầm lầy ở phía Bắc.

Nôn nóng muốn lập lại chiến công của những đồng ngũ thời Francis Garnier, các sĩ quan trẻ của đạo quân viễn chinh thúc giục chỉ huy ra ngoài Hà Nội để đánh chiếm vùng Châu thổ (chỉ đồng bằng Bắc Bộ - ND). Nhưng từ Sài Gòn có những chỉ thị rõ ràng. Phải chờ, phải kiên nhẫn. *“Tôi biết rằng ở Hải Phòng và Hà Nội, thống đốc Le Myre de Vilers viết⁽¹⁵⁾, nhiều người tỏ ra sốt ruột, người ta nói về uy thế bị tiêu tan vì chúng ta không tiến lên, không mỗi ngày chiếm một thành, không thắng trận. Đó chỉ là ý kiến của những người trẻ tuổi thích đám đá”*.

Hầu như trong chuyển thư nào từ Sài Gòn ra thống đốc cũng nhắc đi nhắc lại quân lệnh: *“Vi tương lai, các bạn đồng ngũ thân mến của tôi, hãy thận trọng (24-7-1882) - Hãy rất thận trọng (8-8) - Chúng ta phải hành động cực kỳ thận trọng (9-9)”⁽¹⁶⁾*.

(15) Các giới quân sự 1883 - 1884 trang 7, Hồ sơ Các Đô đốc Reg.B.223, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

(16) Các giới chức quân sự 1883 - 1884 tr. 18 - 26, Hồ sơ Các Đô đốc Reg.B.223, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

KHU NHƯỢNG ĐỊA

Phải bó gối ở Hà Nội, Henri Rivière say mê tiêu khiển bằng văn chương và trao đổi thư từ với bạn bè ở Paris⁽¹⁷⁾. Trong “*tòa lãnh sự, một ngôi nhà trắng duyên dáng có hiên*”, bao quanh bởi “*những vườn cây xươg rồng, trúc đào và cau*”, Rivière đã sáng tác một tập truyện ngắn dày gồm hai phần, tập Edith, bản thảo được đựng trong một chiếc hộp Bắc kỳ khảm. Ông cũng bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết *Đồi Bại* (Perversité) nhưng phải ngưng lại do những sự kiện vào tháng 5-1883. Rivière viết cho bà Caillavet: “*Ở đây, mỗi bận tâm lớn của tôi không phải là người An Nam hay người Tàu như người ta nghĩ. Thỉnh thoảng tôi có nghĩ tới họ khi cần phải nghĩ và chỉ có thể thôi... Hôm nay, tôi đọc những kỷ niệm thời thơ ấu và thời thanh niên của Renan*”.

Tuy nhiên không nên xem các bức thư đó như một tuyên ngôn. Sự ung dung thư thái của một người đàn ông khi nói tới thú tiêu khiển không hề ngăn cản Rivière làm tròn nhiệm vụ chỉ huy trưởng của mình một cách nghiêm cẩn như thấy trong các thư từ trao đổi trong các

(17) Xem J. M. Pouquet. *Le Salon de Madam Arman de Caillavet*.

năm 1882 và 1883⁽¹⁸⁾. Không tự bằng lòng với việc canh giữ an ninh và tiếp tế cho binh lính, Rivière theo dõi sát sao các hoạt động của người Tàu nhờ hoạt động tình báo, gửi cho chính phủ các báo cáo về tổ chức lại quan thuế, chuẩn bị dự án về các đường điện báo, thậm chí nghiên cứu vấn đề đường sắt từ Hà Nội ra biển và lên Vân Nam. Một biện pháp rất quan trọng ông nghĩ ra là gửi một đơn vị tới Hòn Gai để khẳng định quyền của nước Pháp đối với việc khai thác than mà một công ty nước ngoài đang thêm muốn.

Sau khi dành trọn ngày cho công việc, vào 5 giờ chiều, chỉ huy Rivière cùng với ông Kergaradec cưỡi ngựa ra ngoài đi dạo và 9 giờ tối, ông họp các sĩ quan trong phòng khách lãnh sự. Một trong những sĩ quan đó đã mô tả một trong những buổi tối như vậy trong đó ta như thấy *“dưới ánh đèn êm dịu, giữa những người đứng đắn của thành phố”*, không có tiếng hô của người lính gác sau hàng dậu khu Nhượng địa. Thường thường vào buổi tối, người ta chơi cò quay với phần góp vừa phải nhưng các sĩ quan

(18) Hồ sơ Các Đô đốc Reg.B.223, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương, Các giới chức quân sự 1882 - 1884 tại nhiều chỗ và Lưu trữ lịch sử của Bộ Tổng tham mưu.

KHU NHƯỢNG ĐỊA

thường bỏ bàn cò quay để vây quanh ghế chỉ huy trưởng. “*Thường thường, ông là người dẫn dắt câu chuyện. Ông thêm vào những câu chuyện làm cho câu chuyện chưa chát và buồn cười, bảo vệ các nghịch lý bằng những câu sắc bén và rõ ràng. Qua những giai thoại thêm mắm thêm muối cũng như những suy nghĩ bất ngờ, người ta phải đoán nhân vật trong câu chuyện là ai, vết thương cuộc đời là gì như các tác phẩm của ông vẫn cho thấy*”⁽¹⁹⁾.

Sự yên tĩnh tương đối của đạo quân sống trong khu Nhượng địa chấm dứt vào đầu năm 1883. Vòng vây của các băng Tàu quanh Hà Nội xiết chặt dần. Để giải tỏa, Rivière chuẩn bị một cuộc hành quân xuống Nam Định và ngày 27-3 chiếm được thành này. Cùng lúc, quân Cờ Đen ở Bắc Ninh, lợi dụng sự vắng mặt của Rivière, vượt sông tấn công Hà Nội. Viên chỉ huy Berthe de Villers, người bảo vệ khu Nhượng địa, đẩy lui được chúng tới tận bờ trái. Khi Rivière trở về vào ngày 2-4, mọi sự nguy hiểm ngay lập tức bị đẩy xa nhưng các băng cướp, ban ngày ẩn nấp gần thành phố, hầu như đêm nào cũng thâm nhập vào khu phố dân bản

(19) L. Yann, *Croquis tonkinois*, trang 146. Về việc Rivière ở trong tòa lãnh sự, xin xem thêm Hồ sơ Các Đô đốc 13049, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

xứ, cướp phá các nhà, bắt phụ nữ và trẻ em. Từ ngày 11-5, chúng bắt đầu bắn phá thành phố. Nhất thiết phải giải tỏa Hà Nội bằng một cuộc hành quân nóng ra. Cuộc hành quân được ấn định vào ngày 19-5.

Đội quân tấn công rời khu Nhượng địa vào bốn giờ sáng và trở về vào chín giờ tối: chỉ huy trưởng Rivière, đại úy Jacquin, trung úy Brisis, hai mươi sáu thủy binh, bị giết hoặc bị thương nằm trong tay người Tầu. Viên chỉ huy Berthe de Villers được mang về, tới bốn giờ chiều thì tắt thở. Sáng hôm sau người ta chôn ông trong nghĩa trang nhỏ bé của khu Nhượng địa, nơi trước đó tám ngày đã chôn đại tá Carreau tử thương ở Nam Định. Về phần chỉ huy trưởng Rivière, đầu ông ta được tìm thấy vào ngày 18-9 và thân mai tới ngày 8-10 mới tìm thấy nhờ những chỉ dẫn của Đức Cha Puginier. Việc mai táng được thực hiện vào tháng mười.

Trong các tháng 5 và 6-1883, khu Nhượng địa nằm dưới sự uy hiếp của quân Cờ Đen. Đám quân này được chiến thắng Cầu Giấy làm cho mạnh dạn hơn. Trung úy hải quân Capetter, nắm quyền chỉ huy sau khi Rivière chết, cho làm phong quang khu vực kề cận với khu Nhượng địa bằng cách san phẳng các cây và công trình trong bán kính hai trăm mét. Một số thương nhân Âu châu trong phố và các cha của

KHU NHƯỢNG ĐỊA

Hội Truyền giáo vào lánh trong khu Nhượng địa cùng với những thứ quý giá nhất. Mọi người phải ăn theo khẩu phần vì không thể kiếm được bất cứ thứ gì ở bên ngoài⁽²⁰⁾.

Ngày 25-5, chỉ huy Morel-Beaulieu tới Hải Phòng cùng một số binh lính tăng cường. Ông cho sơ tán những người lánh nạn, trừ các cha truyền giáo, khỏi khu Nhượng địa bằng chiếc tàu Rurimaru. Ông cho dựng một lũy cọc ở mặt sông và xây một con cừ trong sông ở phía thượng lưu của các pháo hạm để ngăn chặn các hỏa thuyền của địch. Tháng sáu, tướng Bouet lập lại được liên lạc với Thành Hà Nội. Tháng bảy, ông phân bố số quân từ Pháp sang cho các khu Nhượng địa, Trường Tiền, Trường Thi và Thành Hà Nội. Người ta phải biến trại lính trong khu Nhượng địa thành bệnh viện với 80 giường trong các phòng thoáng gió ở tầng một và một phần tầng trệt.

Các cuộc hành binh quanh Hà Nội cho phép giải tỏa thành phố và cuối năm 1883, khu

(20) Báo cáo ngày 24-5-1883 của ông Chenieux, quản lý của lãnh sự tại Hà Nội (Hồ sơ Các Đô đốc 13498, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương). Về năm 1883, xin xem thêm thư tín của Rivière, của chỉ huy Morel-Beaulieu và của tướng Bouet, được lưu giữ trong Lưu trữ lịch sử của Bộ Tổng tham mưu.

Nhượng địa trở thành yên ổn đối với những cuộc tấn công của quân Cờ Đen, nhưng lại phải chống một kẻ thù khác: sông Hồng.

Nước dâng năm 1884 làm sạt lở bờ khu Nhượng địa trên một chiều dài 3km rộng 60m. Chiều rộng này bằng với chiều rộng ban đầu phân cách các ngôi nhà với sông. Ngay lập tức chúng bị nghiêng đi phỏ mặc cho các đợt nước dâng mới.

Kỹ sư Pavillier được gọi ngay từ Nam kỳ ra để nghiên cứu cách khắc phục. Hệ thống phòng chống lũ của ông bảo vệ khu Nhượng địa, trực tiếp *“nhờ ộp đá trên một móng đá vững chắc chạy dài 400m”* và, gián tiếp bằng cách đẩy dòng chảy từ bờ phải sang bờ trái *“nhờ một con đê dọc sông có thể ngập lúc nước cao nhất và được xây dựng ở phía thượng lưu thành phố trên mặt các giải cát, theo như quan thuế cho biết, có thể để con đê bám vào được”*⁽²¹⁾.

Đá bở móng được lấy từ công trường đá Kê Sở(*), cách Hà Nội 89km về phía Nam. Các công trình bắt đầu từ năm 1885. Hơn 8.000m³ đá được vận chuyển trước tháng Sáu mặc dù có

(21) Hồ sơ Trú sứ Bắc kỳ 7642, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

(*) Nguyên văn Ke-so - ND.

KHU NHƯỢNG ĐỊA

những khó khăn và chậm trễ do phải dùng thuyền. Con đê ở phía thượng lưu được hoàn thành trước mùa lũ năm 1885 và dòng chảy, thay vì sôi vào khu Nhượng địa ở bờ phải, từ nay trở đi đổ vào bờ trái. Dần dần, một giải cát được hình thành và ngày nay dòng sông chảy cách bờ cũ của khu Nhượng địa một đoạn.

Tòa lãnh sự (hình 20) lần lượt dùng làm chỗ ở cho chỉ huy Morel-Beaulieu, tướng Bouet, tổng ủy viên dân sự Harmand, đô đốc Courbet và tướng Brière de l'Isle. Tướng Brière de l'Isle là người đã khánh thành vào cuối năm 1884 các buổi dạ hội hàng tuần trong đó các sĩ quan, tiếp xúc với các viên chức và dân di cư tới Bắc kỳ. Đại úy Lecomte, một trong các sĩ quan đó mô tả những buổi tối đó trong vài dòng: *"Đội kèn đồng của tiểu đoàn khinh binh số 2 ngồi trong vườn chơi những bản vanxơ và pônka và các sĩ quan nhẩy với nhau mặc dù trời rất nóng. Người ta uống sâm banh, kể cho nhau nghe những chuyện kể đi kể lại; sau đó khoảng mười một giờ mọi người ra về"*⁽²²⁾.

Các cuộc họp mặt do tướng De Courcy tổ chức vào năm sau đã xuất hiện phái nữ và trên

(22) Lecomte, *La vie militaire au Tonkin*. Paris, 1893, tr. 99.

tờ *Tương lai Bắc kỳ* (l'Avenir du Tonkin) số ngày 15-6-1885 có bài tường thuật: “*Cuộc họp mặt trọng thể và đông đảo: các quý bà viên chức, một tham mưu trưởng tên tuổi, các sĩ quan của đội quân đồn trú tại Hà Nội, Đức Cha Puginier, các thành viên của cơ quan hành chính dân sự v.v. Dàn kèn đồng tuyệt vời của tiểu đoàn bộ binh đã cống hiến nhiều bản nhạc nổi tiếng, các hành khúc, các vũ khúc v.v.*”.

Khu Nhượng địa náo nhiệt trong những dịp lễ tết như vậy thì ngày thường lại giữ vẻ chiến địa. Nó được bao quanh bởi các lũy cọc trồng vào các năm 1882 và 1883 và người ta chỉ có thể vào bên trong qua những con đường hẹp và lầy lội. Việc xây dựng phố trong khu Nhượng địa và phá bỏ các rào lũy bắt đầu vào thời Paul Bert.

Được bổ nhiệm làm Tổng Trú sứ Trung - Bắc kỳ tháng 1-1886, Paul Bert tới Hà Nội vào tháng tư. Cuộc đời và những công trình của ông trong bảy tháng cầm quyền được ghi lại trong một cuốn sách mới đây⁽²³⁾. Chúng tôi giới hạn ở việc lược lật một số chi tiết về khung cảnh thời đại ông: Ông ở trong tòa lãnh sự cũ, giữ nguyên các đồ dùng hành chính rất đơn sơ. Phòng tiếp

(23) P. de la Brosse. Une des grandes énergies française, Paul Bert. Hanoi, Nhà in d'Étrême-orient, 1926.

khách, “*bị ba chiếc cột chia thành hai phần*” là một “*chiếc phòng lớn khô khan và trống trải*”. Trong một góc, “*một chiếc sập đỏ trên có những chiếc gối dựa kiểu An Nam cứ ba chiếc một ghép với nhau bằng các giải dây nôi*” làm căn phòng, trong đó Paul Bert mỗi tuần tiếp khách một lần, trở nên độc đáo. “*Theo ý thích thường được biểu thị rất rõ ràng của trú sứ, phong thái các buổi họp mặt và cách ăn mặc của khách mời hoàn toàn thân mật và giản dị. Chỉ có ba hay bốn lần, phụ nữ ra mắt dưới hiên tòa trú sứ trong trang phục vũ hội, để vai trần*”⁽²⁴⁾.

Tuy nhiên buổi lễ tổ chức vào hôm trước ngày 14-7 rất nổi bật: “*Trú sứ đã tạo ra một kết quả tuyệt vời. Nền trắng của hai chiếc hiên tròn chồng lên nhau nổi bật dưới ánh sáng của những ngọn đèn tròn xanh, trắng, đỏ. Bầu trời xanh đậm lấp lánh sao với những hàng cây xanh quanh nhà tạo ra một khung cảnh thần tiên. Bên trong tòa lãnh sự cũng được trang hoàng lộng lẫy như ở bên ngoài. Các đèn lồng Ý và đèn lồng Tàu, kính màu, các bó cờ, các khung chữ trang trí lồng vào nhau bằng màu cờ làm chiếc hiên lớn, trước đó hoàn toàn tẻ nhạt, nhộn nhịp hẳn lên*”⁽²⁵⁾.

(24) Mục thời sự báo Le Temps, 18-11-1886.

(25) Le Rappel, 30-8-1886 (Thư Bắc kỳ).

Chính trong ngày hôm đó, 13-7-1886, có quyết định⁽²⁶⁾ mở một khoản tín dụng quan trọng để mở rộng và nối dài hai đầu đại lộ Bắc - Nam, ngày nay là phố Thống chế Gallieni (tức rue de la Concession)^(*), và mở một con đường mới theo hướng Đông - Tây chạy từ đê tới nhà thống tướng, tức là phố Laubarède (nay là Đặng Thái Thân - ND) ngày nay. Các khoản tín dụng cũng dự trù xây dựng lại các khu nhà sẽ phá đi sau khi mở con đường Đông - Tây cũng như dỡ bỏ các công sự đất và lũy rào. Từ nay trở đi, khu Nhượng địa sẽ không còn là một khu phòng thủ ra vào chỉ có một lối mà là khu phố của một thành phố mới.

Bị kiệt lực, Paul Bert chết ngày 11-11. Thi hài để trên linh sàng suốt ngày 12, sau đó nhập quan và buổi chiều được chuyển tới một phòng đầy nến trong tòa trú sứ mặt ngoài phủ kín màu đen. Dân chúng^(*) Hà Nội đi diễu trước thi hài trong sáng ngày 14. Quan tài được đưa đi vào buổi chiều và đám rước ra tới tận bến tàu, chỗ chiếc tàu Henri Rivière đợi sẵn.

(26) Quyết định này được đăng trên tờ Moniteur du Protectorat, 1886, trang 218.

(*) Nay là phố Phạm Ngũ Lão - ND.

(**) Nguyên văn: toute la population, không rõ tác giả chỉ Pháp hay Nam - ND.

KHU NHƯỢNG ĐỊA

Paulin Vial, người kế nhiệm Paul Bert, hoàn thành các công trình đường xá trong khu Nhượng địa bằng cách lát vỉa hè giữa hai hàng cây của đại lộ Bắc - Nam và mở một con đường nối đường Đông - Tây với khu phố Paul Bert⁽²⁷⁾.

Cũng cần ghi nhận việc xây dựng tòa Trú sứ đầu tiên (tại vị trí Nha Mỏ hiện nay) và tòa nhà của Sở Điện báo (Télégraphe)⁽²⁸⁾ kế bên vào các năm 1886 và 1887. Nhờ sở này, phố được mang tên phố Điện báo (rue de Télégraphe) trong nhiều năm trước khi đổi thành phố Laubarède. Ở đầu kia của khu Nhượng địa người ta dựng một “*bến trung chuyển*” (gare de transit) ở gần chỗ neo đậu các pháo thuyền. Bến gồm có các lán hàng và các phòng đợi dành cho sĩ quan và binh lính⁽²⁹⁾.

Công tác mở rộng và chỉnh trang⁽³⁰⁾ tòa thống sứ được thực hiện vào năm 1887. Phòng

(27) Quyết định ngày 30-11-1886 và ngày 21-7-1887, Moniteur du Protectorat, 1886 tr. 418, 1887 tr. 215.

(28) Quyết định ngày 28-9-1887, Moniteur du Protectorat, 1886, trang 355. Sơ đồ do kiến trúc sư Lichtenfeder thiết kế được lưu trữ tại Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương, Hồ sơ Trú sứ số 5209. Tòa nhà này chỉ có một tầng trệt kích thước 8,5x13,5m, có hiên bao quanh và lợp ngói.

(29) Bulletin officiel de Protectorat, 1886, tr. 139.

(30) Sở Lưu trữ Trung ương, Hồ sơ Trú sứ Bắc kỳ số 6904.

khách được trang trí rất phong phú, lò sưởi bằng gỗ chạm khắc hoành tráng *“theo những mẫu các bậc thầy thời kỳ phục hưng để lại cho chúng ta”*, lớp phủ viền quanh các mảng: trần chạm khắc lá nguyệt quế và lá sồi với nụ và quả bằng vàng, gờ đua với ô lõm có tranh phúng dụ, gỗ lát tường nhà được viền *“vải hoa cải nổi bằng lụa đỏ có tua nửa đỏ nửa kim tuyến”*.

Tại khu vực tòa lãnh sự cũ mở rộng vào các năm 1884 để xây dựng tòa nhà của Sở Chính trị, người ta xây dựng các ngôi nhà phụ rộng lớn, trong đó nổi nhất là các chuồng ngựa cho hai mươi con ngựa.

Vài tháng sau khi hoàn thành các công trình trên, tòa tổng trú sứ trở thành dinh toàn quyền. Ông Constans ở đó từ ngày 4-2-1888, sau đó ông Richaud từ ngày 7-7-1888.

Khi xây dựng dinh toàn quyền hiện nay, tòa nhà lãnh sự cũ lần lượt được dùng làm hội đồng tư vấn bản xứ, trường đại học Đông Dương đầu tiên và bảo tàng của Trường Viễn Đông Bác Cổ. Cuối cùng nó bị phá đi vào năm 1926 để nhường chỗ cho một bảo tàng rộng hơn và tiện dụng hơn. Nhưng hiện nay vẫn còn một số ngôi nhà xây dựng trong thời kỳ lãnh sự. Đi dọc theo phố Thống chế Gallieni, người ta nhận ra những ngôi nhà của chỉ huy tối cao và của các sĩ quan. Các ngôi nhà này được kết nối với ngôi nhà

KHU NHƯỢNG ĐỊA

chính ở trung tâm và trở thành khu nhà của tướng tổng chỉ huy. Người ta cũng gặp trại lính cũ nay dùng làm các phòng làm việc của bộ tổng tham mưu. Giữa hai khu là ngôi nhà nhỏ của chỉ huy trưởng công binh ngày nay dùng là nhà ở của sĩ quan.

Các khu khách cầu toàn cho chuyến hành hương lịch sử qua Hà Nội cổ nên thả bộ dưới những hàng cây phượng vĩ tuyệt đẹp xanh mát trên phố Galliéni và tới tháp nước thì rẽ về bên phải vào đường Gambetta (nay là Trần Hưng Đạo - ND). Trước khi gặp đại lộ Bobillot một chút, ta gặp một con đường nhỏ xuyên qua hàng rào chạy men theo đại lộ. Con đường ngập cỏ chạy qua một thửa ruộng nhỏ dẫn tới một đài tưởng niệm trên đó ta đọc được những dòng chữ sau:

Dưới mảnh đất tọa lạc đài này, ngày 29-3-1895, ngày di chuyển từ nghĩa trang ở Đường Huế⁽³¹⁾ về, nằm yên nghỉ di hài 14 sĩ quan, 273 hạ sĩ quan, hạ sĩ, thủy thủ trưởng, các binh lính và thủy thủ hy sinh tại Bắc kỳ 1873 - 1884.

(31) Route de Huế - nay là phố Huế - ND.

Chương 4

PHỐ HỘI TRUYỀN GIÁO

Ngày mai, tôi sẽ ăn tối ở Hội Truyền giáo với một giám mục và sáu cha trong đó ba người đã ở đây hai mươi lăm, ba mươi năm, trước cả Rivière, Garnier, từ trước năm 1870...

Thống chế Lyautey

Khu phố Hội Truyền giáo⁽¹⁾ là một trong những khu phố phát triển nhanh nhất trong thời kỳ chúng ta nghiên cứu. Năm 1873 chỉ có vài gia đình Công giáo quy tụ quanh ngôi nhà thờ bằng gỗ khiêm tốn dựng tại vị trí nhà thờ

(1) Đức Cha Gendreau, người tới Bắc kỳ từ năm 1873, một vài tuần trước Francis Garnier, và Đức Giám mục Dronet, người lần đầu tiên tới Bắc kỳ vào năm 1884, đã hướng dẫn chúng tôi trong việc nghiên cứu khu phố Hội Truyền giáo. Chúng tôi xin hai vị nhận ở đây lòng biết ơn của chúng tôi.

PHỐ HỘI TRUYỀN GIÁO

Các thánh tử vì đạo hiện nay ở phố Hội Truyền giáo⁽²⁾. Sau năm 1883, những người công giáo Hà Nội “ở trong một khu vực rộng lớn đối diện với Trường Thi, gần cửa Đông Nam thành Hà Nội. Khu phố được một hàng rào bằng tre kiên cố bao quanh. Đó là những ngôi làng thực sự, có sắc thái hoàn toàn đặc biệt, náo nhiệt bởi sự có mặt của số người bản xứ theo đạo Cơ đốc đông đảo, các thầy tu, các thầy giảng giáo lý, chủng sinh, trẻ em mồ côi”⁽³⁾. Năm 1888, Nhà Thờ, ngày nay là công trình lớn nhất Hà Nội, được hoàn thành và hai tháp chuông to lớn của nó ngự trị một khu phố thịnh vượng.

Người ta không biết sơ đồ ngôi nhà thờ nhỏ bé đầu tiên bị quân Cờ Đen đốt năm 1883 như thế nào nhưng theo những gì Cha Dronet kể lại thì ngôi nhà thờ đó được xây dựng theo kiểu các đền An Nam thông thường và có một phòng rộng được những cột gỗ lim chống đỡ. Theo Bourde⁽⁴⁾, ngôi nhà thờ nhỏ này có gác chuông

(2) Rue de la Mission nay là phố Nhà Chung - ND.

(3) R.Bonnaï, Au Tonkin, Hanoi 1925, trang 200.

(4) P.Bourde. De Paris au Tonkin, Paris 1885, trang 165. Thông tin này được bác sĩ Hocquard và nhiều người khác xác thực. Tuy nhiên giá trị của lời kể này không chắc chắn vì là những lời kể sau vụ cháy năm 1883.

kiểu gô tích. Năm thì mười họa nhà thờ mới được một tu sĩ bản xứ ở giáo xứ Bang-So (Bằng, thị trấn Thường Tín? - ND) cách hai mươi cây số tới làm lễ. Tại vị trí Nhà Thờ lớn hiện nay nguyên trước kia là chùa Báo Thiên, một trong những chùa cổ được sùng kính nhất thành phố. Chùa thờ Không Lộ, tức thiền sư Trâu Vàng. Thiền sư có tên như vậy vì đã mang từ Tàu về một chiếc chuông đồng rất đẹp và dùng chuông gọi những con trâu vàng của vua Tàu về Hà Nội. Sợ bị tội, Không Lộ ném chiếc chuông xuống Hồ Tây làm cho đàn trâu chìm theo.

Đức Cha Puginier, cư trú tại Ke-So, tới Hà Nội vào đầu tháng 12-1872 theo yêu cầu của các quan An Nam để làm trung gian trong việc điều đình với Jean Dupuis. Cha Puginier đã lợi dụng cơ hội này để tổ chức tại ngôi nhà thờ nhỏ vào ngày 1-1-1873 một buổi lễ có các thủy thủ của Dupuis tham dự. Các thủy thủ này đã thực hiện các nghi lễ quân sự long trọng trong buổi lễ. Được triệu một lần nữa khi đạo quân viễn chinh của Francis Garnier tới Hà Nội, cha tới Hà Nội ngày 12-11-1873 nhưng từ chối chỗ ở do Francis Garnier bố trí trong Trường Thi để tới ở trong một ngôi nhà lá gần ngôi nhà thờ nhỏ. Đã có các quan hệ chặt chẽ giữa Cha Puginier và viên chỉ huy trẻ tuổi của đạo quân viễn chinh. Chính trong ngày bị tử trận, chủ nhật 21/12 Garnier

PHỐ HỘI TRUYỀN GIÁO

đã dự lễ và ăn trưa với Đức Cha trước khi đi tới nơi oan nghiệt.

Sau thỏa ước Philastre và sau khi đạo quân viễn chinh rút về Hải Phòng, sự có mặt của Trú sứ Rheinart và tùy tùng tại Hà Nội đã giúp các tín đồ Cơ đốc thoát khỏi sự tàn sát đang đầm máu tại Bắc kỳ. Tối khi chính Rheinart phải quay về Hải Phòng ngày 20-5-1874, các tín đồ thỏa hiệp nhất đi theo ông ta. Nhưng một nhà truyền giáo, Cha Landais - người Pháp duy nhất, đã ở lại⁽⁵⁾ trước những lo sợ về một cuộc trả thù tệ hại nhất của các nhà nho trở lại chính quyền. Uy tín lớn của cha Landais làm các quan An Nam phải kính nể. Khi viên chỉ huy Dujardin từ Hải Phòng lên Hà Nội 3 tháng sau đó, Cha Landais nói với ông ta rằng *"Cha không hề lo lắng và dựa ngay vào chính quyền vốn có quan hệ rất tốt với Cha. Một hai lần, một số người bị đưa bốn xấu tính muốn quấy nhiễu Cha, nhưng những tên phạm tội bị chính quyền An Nam trừng phạt ngay lập tức"*⁽⁶⁾.

(5) Thư của Rheinart gửi Đô đốc ngày 22-5-1874, Hồ sơ Các Thống đốc số 13513, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương - Cha Puginier đã đi Sài Gòn trước đó ít lâu để yêu cầu Đô đốc Dupré can thiệp bảo vệ các tín đồ Công giáo.

(6) Hồ sơ Các Thống đốc số 11567, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1873 - 1888

Nhờ các hoạt động của Cha Landais, giáo dân Hà Nội phát triển nhanh trong thời kỳ lãnh sự. Khoảng năm 1876, cha xây dựng ngôi nhà đầu tiên của Hội Truyền giáo với sự tư vấn của đại úy công binh Dupommier lúc đó đang điều hành việc thi công trong khu Nhượng địa. Được xây dựng bằng gạch và cửa sổ trở dạng các cung gãy, ngôi nhà khiêm tốn này hiện nay có phần vẫn còn. Nó cùng với các ngôi nhà trong Khu Nhượng địa chúng tôi nói ở trên, là những ngôi nhà theo kiểu châu Âu cổ nhất của thành phố và là một trong những ngôi nhà gọi lại những kỷ niệm lịch sử nhất vì chính tại đó Đức Cha Puginier đã chết ngày 25-4-1892 và cũng chính tại đó các cha của Hội Truyền giáo đã chống trả quân Cờ Đen vào năm 1883 (hình 22).

Trong chương về khu Nhượng địa, chúng ta đã thấy Hà Nội bị quân Cờ Đen bao vây vào đầu tháng 5-1883. Bị binh lính của Rivière kìm chế vào ban ngày, bọn cướp lợi dụng đêm tối thâm nhập vào thành phố. Thấy trước cần phải giúp đỡ, cha Landais và hai cha nữa là Rival và Bertaud yêu cầu Rivière cung cấp súng. Họ phân phát giáo và các khẩu súng An Nam cũ cho 150 giáo dân khỏe mạnh. Cha Landais còn cho xếp đá sau cửa ngôi nhà của Hội Truyền giáo.

Trận tấn công đầu tiên xảy ra vào khoảng 9 giờ tối ngày 12-5. Theo lệnh cha Landais, các

PHỐ HỘI TRUYỀN GIÁO

giáo dân để quân Cờ Đen lại gần. Khi chúng rất gần chướng ngại vật chắn lối vào cha mới ra lệnh nổ súng. Các súng bắn đá, nấp đá cuội và gạch giết hoặc làm bị thương nhiều quân địch. Bất ngờ vì sự chống cự không tính trước, quân địch rút lui.

Sáng hôm sau, chỉ huy Rivière, từ trong khu Nhượng địa nghe thấy tiếng súng trong đêm, gửi một phân đội tới khu Truyền giáo và để năm thủy thủ tàu Kèn Đồng (Fanfare) ở lại thường trực để bảo vệ. Đêm 15 và 16-5, khoảng 4.000 quân Cờ Đen quay trở lại và vượt qua được rào khu Truyền giáo. Trước khi rút lui, quân Cờ Đen đã đốt nhà thờ và mang đi tượng Đức Mẹ làm chiến lợi phẩm. Bức tượng bị chúng treo trên cây sau khi *“buộc vào bức tượng hai tai chúng cắt của một em bé Công giáo”*⁽⁷⁾.

Ngày 19-5, sau trận đánh tang tóc ở Cầu Giấy, đồn bảo vệ khu Truyền giáo nhận được lệnh quay về khu Nhượng địa. Các nhà truyền giáo cũng phải sang theo để lánh nạn. Trong nhiều ngày, quân Cờ Đen đi lại tự do trong các phố Hà Nội và cướp phá khu Truyền giáo nhưng không đốt như người ta lo sợ.

(7) Louvet, *Vie de Mgr Puginier*, Hanoi, 1894, tr. 431.

Lực lượng tăng viện từ Hải Phòng lên cho phép viên chỉ huy Morel Beaulieu, từ ngày 2-6, dùng 40 hải quân đánh bộ của trung úy hải quân Clémenceau chiếm lại khu Truyền giáo. Sáng hôm sau, *“giám mục Puginier, các cha và các con chiên An Nam rời khu Nhượng địa trở về nhà”*. Một hôm sau, viên chỉ huy Morel Beaulieu ghi nhận *“Sự trở về của các nhà truyền giáo đã mang lại đôi chút tin tưởng cho dân chúng và các phố dần dần có người quay về ở”*⁽⁸⁾.

Giữa những đổ nát do quân Cờ Đen gây ra trong khi các hoạt động thừa thốt của quân Pháp chỉ bó hẹp trong các khu vực lân cận và trước tương lai không chắc chắn, giám mục Puginier quyết định thay thế ngôi nhà thờ bị đốt hôm 15-5 bằng ngôi nhà thờ lớn hơn. Việc xây dựng rất táo bạo vì phần lớn các giáo dân đã sa sút và nguồn vốn của Hội Truyền giáo gần như bằng không. Tuy nhiên công việc dự định sẽ kéo dài trong bốn năm.

Để tạm thời hành lễ, Cha Puginier cho dựng một chiếc nhà lá. Trong ngôi nhà thờ này đã cử hành lễ tang Rivière vào tháng 10 trước

(8) *Archives historiques de l'Etat Major*, Reg. de correspondance du C^tMorel Beaulieu, 6-1883, trang 144 và tr. 152.

PHỐ HỘI TRUYỀN GIÁO

sự có mặt của tổng ủy viên Harmand và toàn thể binh đội đồn trú. Tiếp theo, Cha lo tìm một miếng đất thuận tiện nằm gần khu Truyền giáo và nhanh chóng hướng sự lựa chọn vào chùa Báo Thiên. Đức Cha nói ý định của mình với ông Bonnal, trú sứ Pháp tại Hà Nội. Hồi ký của Bonnal cho chúng ta những chi tiết lý thú làm thế nào để thỏa mãn giám mục:

“Thoạt nhìn, thật không gì dễ hơn việc phá một ngôi chùa để chiếm đất trong thời kỳ được gọi là thời kỳ chinh phục chúng ta đang trải qua, nhưng theo lẽ, tôi sợ là mình sẽ lạm quyền trong trường hợp này. Tốt hơn hết là chuyển trường hợp này cho tổng đốc Nguyễn Hữu Độ. Ông này có quan hệ khá tốt với Đức Cha và cũng muốn làm vui lòng Đức Cha như tôi. Và đây là cách ông ta xoay chuyển khó khăn.

Trước hết ông ta cho tìm xem có ai là con cháu của người sáng lập ra ngôi chùa đã chết cách đây hơn hai thế kỷ. Tất nhiên là chẳng tìm được ai cả. Sau đó, ông ta chọn ra ngẫu nhiên một số kỳ lão trong số dân bản địa theo Công giáo ở khu phố và ra lệnh cho họ kiểm tra sự vững chắc của ngôi chùa. Những người này không do dự tuyên bố ngôi chùa trong khi đó nát có thể gây tai hại cho người qua lại. Thế là mọi chuyện đều vào đấy, rất đúng luật. Theo

tập quán An Nam, phá chùa để thu hồi đất vô chủ vì lợi ích dân trong vùng là chính đáng không thể gây ra sự phản đối. Chính ông tổng đốc đã làm theo cách đó. Ông ta còn nhận trách nhiệm nhượng không cho đoàn Truyền giáo miếng đất thu hồi và tôi sung sướng trao cho Đức Cha tờ giấy nhượng quyền sở hữu miếng đất. Trong lúc phấn khởi, Cha Puginier xúc động nói với tôi sẽ cho gắn một tấm biển bằng đá hoa cương trên tường ngôi nhà thờ mới để ghi nhớ sự can thiệp mang tính nhân ái của Trú sứ Hà Nội. Tôi liền xin ông ta đừng làm gì cả”.

Việc thi công bắt đầu vào năm 1884 với nguồn vốn đầu tiên thu từ cuộc xổ số mười nghìn vé mỗi vé một đồng do Đô đốc Courbet cấp giấy phép⁽⁹⁾. Giám mục Puginier vừa là kiến trúc sư vừa là nhà thầu, tự mình kiểm tra chất lượng gạch và ngói của các lò nung đặc biệt dành cho nhà thờ. Nhiều khoản cúng biếu lớn và số tiền thu được từ lần xổ số thứ hai do Paul Bert cấp giấy phép ngày 14-8-1886⁽¹⁰⁾ cho phép đẩy nhanh việc xây dựng.

(9) Quyết định ngày 28-1-1884 - Công báo Bảo hộ, 1884, tr. 20.

(10) Moniteur du Protectorat, 1886, tr. 269.

PHỐ HỘI TRUYỀN GIÁO

Buổi lễ đầu tiên được tổ chức ngày 23-12-1887 và các công trình được hoàn thành vào năm sau (hình 23).

Mặc dù nhà thờ còn xa mới đạt trình độ của một kiệt tác kiến trúc, nhưng đứng về mặt lịch sử, nó là một công trình đặc biệt nhất thành phố, và trong điều kiện xây dựng, có những nét giống như các nhà thờ trung cổ được xây dựng sau thảm họa chiến tranh hay hỏa hoạn theo một quy mô to lớn bằng những nguồn tài chính và nhân lực hạn hẹp.

Chương 5

KHU PHỐ THƯƠNG MẠI⁽¹⁾

Đối với người châu Âu, những cuộc dạo chơi qua các phố của người bản xứ khi tắt nắng là một trong những thú tuyệt vời...

Những đường phố đông người, những khu dân cư đẹp tuyệt vời, trong đó có những tâm hồn tinh tế của một dân tộc nhẹ nhàng và đáng yêu, trong mùi hương thoang thoảng tỏa ra từ các nhà của người Tàu.

Pierre Pasquier

Nằm ở phía Đông của Thành Hà Nội, im lìm ngủ yên sau các tháp canh và pháo đài, khu phố buôn bán, "*khu dân cư đông đúc*" theo cách nói của Rivière, cho ta những nét trái ngược của sự cực kỳ náo nhiệt. Khu phố có dạng tam giác,

(1) Nguyên văn *la ville marchande*, khu phố thương mại, khu phố buôn bán. Nay lại gọi là *Khu phố cổ* - ND.

KHU PHỐ THƯƠNG MẠI

đáy dựa vào bờ Bắc Hồ Hoàn Kiếm, một cạnh dựa vào sông Hồng và một cạnh dựa vào Thành Hà Nội.

Gắn với khung cảnh hiện đại của khu phố kiểu châu Âu, khu phố khéo tay và đông đúc này phần nào giữ được vẻ đẹp xưa kia của nó với những đường phố quanh co lên xuống và vẻ cổ lỗ của những người thợ thủ công cúi mình bên công việc trong các cửa hàng. Thực ra một số ấn tượng của du khách thế kỷ XX đã được ghi lại gần như trong cùng câu chữ của du khách thế kỷ XVII: *"Trong thành phố này, mỗi thứ hàng có phố quy định riêng để bán, y hệt kiểu các công ty hay hợp tác xã ở các thành phố châu Âu"*(2).

Tuy nhiên quang cảnh hiện nay của các phố cổ Hà Nội khác rất xa quang cảnh cách đây nửa thế kỷ. Chúng ta không nên tiếc quang cảnh đó vì bức tranh do các nhà văn đầu tiên của Hà Nội phác họa chẳng có gì lôi cuốn, mặc dù họ rất yêu các gam màu mang tính địa phương. Họ nhấn mạnh trước hết sự chật hẹp của các đường phố, sự bẩn thỉu, sự chen chúc

(2) S. Baron, *Description de royaume du Tonkin*, 1658, bản dịch của Deseille, *Revue Indochinoise*, 1914, đệ nhị tam cá nguyệt, tr. 70.

và những khó khăn trong lưu thông, sự thiếu an ninh và không trong sạch của thành phố.

Trong số những mô tả cũ chúng tôi nghiên cứu, chúng tôi chỉ giữ lại những nét chính hiện nay không còn nữa.

Điểm làm Hà Nội 1873 khác với Hà Nội hiện nay trước hết là ở những công trình bảo vệ của nó. Đó là những tường vây hoặc các cổng (nguyên văn porte - ND) chia cắt nhỏ các phố ra. Ở trên chúng tôi đã mô tả các tường lũy của Thành Hà Nội. Khu phố buôn bán được bảo vệ bằng nhiều cổng, trong đó hiện nay chỉ còn cổng Jean Dupuis (nay là cổng Ô Quan Chưởng - ND). Cổng này có nguy cơ bị phá vào năm 1906 nhưng may mắn được Trường Viễn Đông Bác Cổ cứu thoát. Theo ghi chép, cổng được xây dựng năm 1749 để phòng thủ kinh thành ở mặt sông Hồng trước sự nổi dậy của Nguyễn Hữu Cầu⁽³⁾. Cổng có một cửa chính trên có tháp canh và hai cửa phụ ở hai bên, phía trên để trống nhưng có lan can trang trí. Trên tường cửa chính gắn một tấm bia đề năm Tự Đức thứ 34 (1882) cấm lính gác đòi tiền người qua lại (hình 24).

(3) H. Maspéro, *Le protectorat de l'Annam sous les Tang* (Đường - ND), kỷ yếu của Trường Viễn Đông Bác Cổ, 1910, tr. 562.

KHU PHỐ THƯƠNG MẠI

Các cổng quay ra sông của khu phố thương mại⁽⁴⁾ nằm tại: ở phố Hàng Đậu tại chỗ cắt phố Duranton (nay là Nguyễn Thiếp - ND), ở phố Hàng Chĩnh tại chỗ giữa phố Cờ Đen (nay là Mã Mây - ND) và bến sông, ở phố Hàng Mắm tại chỗ cắt phố Thống chế Pétain (nay là Nguyễn Hữu Huân - ND), ở phố Fellonneau (nay là Hàm Tử Quan - ND) tại chỗ cắt đại lộ Đô đốc Courbet (nay là Lý Thái Tổ - ND).

Các cổng trong khu phố buôn bán đã được mô tả nhiều lần, bác sĩ Hocquard cho chúng tôi những chi tiết đặc biệt quý về những cổng này: *“Các phố Hà Nội hoàn toàn ngăn cách nhau bởi những chiếc cổng lớn choán hết chiều ngang phố và được đóng lại vào ban đêm. Hai bên cổng dán các thông báo của lính tuần và lệnh của tổng đốc”*.

Cổng ngăn các phố với nhau và có cách đóng mở rất độc đáo: một bức tường đá chạy ngang từ bên này sang bên kia phố. Trên bức tường đó trở ra một chiếc cửa hình chữ nhật bao quanh bởi bốn thanh gỗ vững chắc đeo vuông. Thanh trên và thanh dưới của chiếc khung đó khoét những

(4) Tổng số cửa thông ra ngoài khu phố buôn bán là 15. Vị trí của chúng được ghi chính xác trên bản đồ Phạm-dinh-Bach mà chúng tôi đã kiểm tra lại theo các bản đồ cổ khác nhau.

lỗ cách đều nhau dùng để tra những thanh gỗ tròn thẳng đứng song song nhau. Các lỗ ở trên khá sâu để có thể kéo các gióng từ dưới lên vừa đủ để đầu dưới thoát ra lấy lối cho mọi người qua. Cách đóng mở cho phép mở to hay mở nhỏ tùy theo số gióng bị tháo ra.

Hai bên các cổng vào phố Tàu được khoét lỗ châu mai giống như ở các tường thành. Các cổng này cực kỳ vững chắc và người ta bố trí ở phía trên một hành lang nhỏ cho người canh gác. Một khi các cổng này đóng lại thì không thể nào vào được các phố Tàu”.

Người ta còn giữ được những hình ảnh cũ về cổng phố Hàng Gai và cổng phố Hàng Ngang (rue des Cantonnais). Cổng phố Hàng Gai chỉ là một chiếc cửa hình chữ nhật trở ra từ một bức tường có nhiều lỗ châu mai. Với một lan can trang trí và đỡ bởi hai chiếc cột, cổng phố Hàng Ngang (hình 25) mang một số tính cách nhất định của công trình kiến trúc. Ngoài một số cổng chính được xây dựng bằng vật liệu vững chắc, người ta cũng gặp những rào dậu đơn giản dựng trên các hành lang ngoài để phục vụ việc tuần canh. Phố Jean Dupuis có một cổng khá lý thú loại này (hình 26) ở khu vực đối diện với khu vực có chiếc cổng hiện nay ta vẫn thấy.

Cùng với việc dỡ bỏ những chiếc rào cản đó trong nội đô, một việc đóng góp nhiều cho việc

KHU PHỐ THƯƠNG MẠI

biến đổi cảnh quan khu phố buôn bán, là những tiến bộ thu được trong lĩnh vực đường xá. Sự chật hẹp và bảo trì kém của các đường phố làm cho lưu thông rất khó khăn. Tuy nhiên cần phân biệt giữa phố có người Tàu ở với phố có người An Nam ở: *"Phần lớn các phố Tàu được lát ở giữa bằng các tấm đá thô. Vì thế có thể tới những phố này trong những ngày mưa. Những sự thoải mái của khách bộ hành lại phụ thuộc vào nhà của những người nghèo. Những nhà này chỉ cao ngang mặt đường nên nước chảy ở hai bên thường làm ngập các gian thấp hai bên phố."*

Các phố An Nam không được lát. Chỉ hơi mưa một chút là đã ngập hàng tấc bùn trong đó pha trộn đủ loại rác rưởi dân chúng vứt ra. Các căn nhà không bằng nhau được xây dựng theo những hàng khác nhau làm cho mặt phố lồi ra thụt vào. Mì của những mái rạ rủ xuống quá thấp; gian trông ra phố, nói chung, chỉ là những chiếc khung di động gắn với phần trước nhà và được nâng lên nghiêng nghiêng vào ban ngày nhờ hai que chống. Hàng được bày bán dưới chiếc lều ứng biến đó với cả mưa lẫn nắng"⁽⁵⁾.

(5) Ch. Labarthe, *Hanoi, capital du Tong-Kin*.
Revue de Géographie, tập 13, 1883, tr. 93 và 96.

Hồi ký của R.Bonnal, trú sứ đầu tiên ở Hà Nội, khẳng định tính chính xác của những mô tả trên: *“Các phố, nói chung khá hẹp, được lát theo kiểu Tàu, tức là chỉ lát phần giữa đường trên một chiều rộng khoảng một mét và những viên gạch lát vuông bằng đất nung phần lớn bị vỡ hoặc bong ra. Hai bên đường là những rãnh nước bản tù đọng. Ngoài ra, những mái hiên ra che hàng hóa còn làm hẹp lối đi làm khách đi lại khó khăn và cáng hoặc người đi ngựa phải bị bõm trong bùn có chỗ sâu hơn 30cm”*⁽⁶⁾.

Paul Bourde, thông tin viên Thời báo (le Temps) ở Bắc kỳ năm 1883, thêm một chi tiết kỳ lạ về phố Hà Nội⁽⁷⁾: *“Theo nghi lễ An Nam, các phố cổ Hà Nội duy trì một diện mạo rất đặc biệt. Luật đặt vua quan cao hơn tất cả mọi người. Luật đó làm cho một người thiêng liêng đến độ chỉ cần nhìn vào người đó đã phạm tội. Luật còn đi tới chỗ cấm trở cửa sổ quay ra những phố trong hoàng thành vì một ngày nào đó con người thiêng liêng sẽ đi qua. Người ta không chỉ để mặt trước nhà không có cửa sổ mà còn che chắn nó bằng những cái chái bán mái*

(6) R. Bonnal, *Au Tonkin*, Hà Nội, 1925, tr. 176.

(7) P. Bourde, sách đã dẫn. Xem thêm Hocquard, *Une campagne au Tonkin*, Paris 1892, tr.116.

KHU PHỐ THƯƠNG MẠI

làm giảm độ rộng của mặt đường, chỉ còn lại một con đường nhỏ hẹp thất nghẽn làm người ùn lại, đôi khi ngựa khó đi qua”.

Trên những con đường nhỏ hẹp gập ghềnh như vậy, sự náo nhiệt vốn đã rất lớn vào ngày thường lại càng lớn hơn vào những ngày phiên chợ. Trước khi thiết lập nền bảo hộ của chúng ta, Hà Nội không có chợ mái che, cũng không có nơi quy định để họp chợ. Cả thành phố biến thành một cái chợ mênh mông ở ngoài trời: “Cứ sáu ngày lại có một phiên chợ Hà Nội. Lái buôn và thợ thủ công đủ các loại từ các làng mạc xung quanh kéo tới. Những người bán tơ lụa tới phố Hàng Đào, những người làm cuộc xẻng tới phố Hàng Đồng, những người làm mũ tới phố Hàng Mũ, tóm lại, thợ gì thì tới phố dành cho thợ ấy. Thành phố biến thành một cái chợ mênh mông trong đó người ta đi lại, dạo chơi, chuyện trò, ong ong tiếng của số người gấp đôi số người ngày thường vốn đã đông như kiến. Việc họp chợ chẳng tốn kém gì, chỉ cần thời tiết tốt.

Những người nông dân bày bán hàng hóa của mình trong chiếc khăn vải hoặc trong rổ, hoặc ngay trên mặt đất nếu hàng không sợ hư hỏng. Ngày xưa, mặt phố tràn ngập người”⁽⁸⁾.

(8) P. Bourde, sách đã dẫn, tr. 286-287.

Điều lý thú là dòng người trong phiên chợ Hà Nội ngày xưa đã hiện ra và đập vào mắt Baron, một du khách người Anh ngay từ thế kỷ XVII: *“Thành phố Ca-Cho⁽⁹⁾ là thủ phủ của Đàng Ngoài... Nó hơn nhiều thành phố khác về mặt dân số, đặc biệt vào ngày 1 và 15 âm lịch là những ngày phiên chợ chính khi dân các làng lân cận cùng với hàng hóa đổ tới đông không tưởng tượng được”*.

Cái chợ mênh mông giữa trời này chạy dài trong cái phố chính tới hai cây số⁽¹⁰⁾. Trong ngày phiên chợ, không thể nào đi qua được các đường phố đó từ bảy giờ sáng tới hai giờ chiều. Để rẽ được đám đông dày đặc đó ít ra phải có một ông quan đi qua. Labarthe, người đã có một mô tả lớn về chợ Hà Nội trong thời kỳ lãnh sự, kết thúc như sau: *“Đột nhiên ở đầu phố, theo*

(9) Ca-Cho hay Ke-Cho chỉ là “chợ”. Đó là tên thường gọi của Hà Nội. Tên này vẫn còn dùng vào lúc có sự can thiệp của chúng ta. Đô đốc Dupré khi viết thư báo cáo cho Bộ Hải quân ngày 28-7-1873 nói việc *“chiếm Thành Ke-Cho hay Hanoi”* (d'occuper la Citadelle de Ke-Cho ou Hanoi). Tháng 11-1873, viên chỉ huy tàu Scorpion ở Hong Kong khi nhận được bức điện của đô đốc Durpé có nội dung: *“Tới ngay Hà Nội và theo lệnh của ông Garnier”* đã phải tới Lãnh sự Pháp ở Hongkong để biết có phải Hà Nội là Ke-Cho không.

(10) Dr. Hocquard, sách đã dẫn, tr. 173.

KHU PHỐ THƯƠNG MẠI

bước chân chạy đều của hai lính mặc quần áo đỏ và trong tiếng trống, người ta thấy dân ra một lối đi. Ngay lập tức mọi tiếng động ngừng hẳn. Những người bán hoa quả, thịt lợn, hàng khô, thuốc tễ, đồ gốm, hàng cá... cùng với hàng hóa biến mất như có phép lạ. Mọi người chen nhau vào những nhà xung quanh. Những người không tìm được chỗ thì quỳ rạp xuống, hai tay chắp lại, đầu cúi gằm. Tất cả thể hiện sự khiếp sợ cùng cực. Viên quan uể oải nằm dài trên vũng theo bước chân chạy đều của phu khiêng. Người ta có thể thấy trên nét mặt ông ta sự ỉ ê buồn phiền, một vẻ mặt vờ vệt và che giấu dường như tính cách riêng của những người cầm quyền. Viên quan đi qua rồi, chợ trở lại bình thường. Chiều tối, khi đám đông đã giải tán, có thể nói phố như đã bị một đạo quân đi qua: nền đất bị các bàn chân nhào trộn với hoa quả nát, cua cá hư, mảnh chum vại vỡ. Giữa những thứ đó là những người nghèo khổ đang tìm kiếm những đồng tiền người mua bán có thể đánh rơi”(11) (hình 27).

Để dựng lại đầy đủ bức tranh của khu phố buôn bán nửa thế kỷ trước, cần điểm thêm những nét, may thay, ngày nay đã biến mất:

(11) Labarthe, sách đã dẫn, tr. 97.

“những vũng nước hôi thối ở giữa những cụm nhà” cộng thêm sự không lành mạnh của thành phố và các băng cướp hình thành trong thời kỳ đói kém, bất chấp canh gác thỉnh thoảng lại đốt cả một khu phố vào ban đêm để cướp phá⁽¹²⁾... Nhưng thôi, chúng ta hãy quay lại những kỷ niệm lịch sử gắn với khu phố buôn bán vào thời kỳ chúng ta nghiên cứu.

Không thể nghiên cứu khu phố buôn bán mà không nhắc tới nhà thám hiểm táo bạo Jean Dupuis, người đã biến khu phố này từ tháng 12-1872 tới tháng 1-1874 thành trung tâm tiếp tế cho đoàn thám hiểm của ông ta.

Rời Hongkong ngày 26-10-1872 với hai pháo hạm, một chiếc tàu hơi nước và một chiếc thuyền buồm lớn cùng với 25 người châu Âu, 150 người châu Á và một lượng vũ khí đáng kể, Jean Dupuis bỏ neo ở Hà Nội ngày 22-12-1872. Sáng hôm sau, ông ta được các thương gia lớn người Tàu tiếp trong hội quán *“Kouei-kuang”* ở phố Hàng Buồm.

Để hai pháo hạm ở lại Hà Nội, ngày 18-1-1873 Dupuis thực hiện chuyến đi Vân Nam đầu tiên. Ngày 30-4, ông ta quay về Hà Nội được 150 người Tàu trong đội cận vệ Titai đi theo hộ tống.

(12) Labarthe, sách đã dẫn, tr. 94.

Đó là những tay hoạt bát khỏe mạnh, trang bị súng trường chassepot (tên một loại súng do Chassepot sáng chế được quân đội Pháp dùng từ 1866 tới 1874 - ND) và mặc đồng phục màu da cam nẹp nhung đen. Cách trang phục này gây ấn tượng mạnh cho người An Nam. Ngày 2-5-1873, Dupuis bố trí cho số cận vệ này ở phố Than-Hà (Thanh Hà? - ND), ngày nay là phố Jean Dupuis (nay là Hàng Chiếu - ND). Nhật ký hành trình của Dupuis không nói rõ vị trí các ngôi nhà họ đã ở nhưng qua một số chi tiết⁽¹³⁾ cho phép xác định các ngôi nhà này nằm gần chỗ cất phố Lataste (nay là chỗ Hàng Giày nối với Nguyễn Thiện Thuật - ND). Thực ra, các ngôi nhà này nằm ở đầu một *“ngõ nhỏ thông với một phố song song với phố của chúng tôi và bị chúng tôi đóng lại vào ban đêm để tránh mọi bất ngờ”*. Ngôi nhà chính nằm giữa phố Jean Dupuis và phố An-Sat-Siêu (nay là Nguyễn Siêu + Ngõ Gạch - ND). Nó chứa tạm 200.000 viên đạn, thuốc súng và hỏa pháo của đoàn thám hiểm vì trong phố An-Sat-Siêu có một con rạch. Dupuis đã nói tới con rạch này nhân âm mưu đốt kho thuốc súng của ông ta vào tháng

(13) *Mémoires de la Société Académique indo-chinoise de Paris* tập 2. Journal de Voyage et l'Expédition de J. Dupuis. Paris 1879, tr. 58, 60, 120 và 173.

11-1873. Để tránh những bất ngờ tương tự, Dupuis dựng một vọng lâu khổng lồ chế tất cả các nhà cửa xung quanh. Ban đêm có hai người gác trên vọng lâu.

Ở đầu phố bị Dupuis chiếm, phía ngoài chiếc cổng được bảo tồn hiện nay tại chỗ bến tàu thủy hiện nay là bến tàu buôn. Đây chính là nơi Francis Garnier đổ bộ lên Hà Nội ngày 5-11-1873 trước hàng lính Vân Nam trong sắc phục đại lễ và cờ xí Titai.

Chính những lính Vân Nam của Dupuis đã phối hợp với Garnier trong việc chiếm thành Hà Nội và sau đó được trao nhiệm vụ tuần cảnh trong khu phố buôn bán. Về vấn đề này, nhật ký của Dupuis ngày 23-11 ghi: *“sau khi chiếm thành Hà Nội và bắt giữ các quan, khu phố buôn bán như trong ngày hội. Khắp nơi chỉ gặp những bộ mặt hơn hờ tươi cười”*.

Tình cảm dân chúng đã phải thay đổi sau khi quân Pháp bỏ các thành ở đồng bằng theo hòa ước Philastre. Dupuis đi Sài Gòn ngày 20-1-1874 nhưng để lại phần lớn nhân viên và vật dụng. Các ngôi nhà của ông ta để cho Rheinart ở. Rheinart nguyên là thanh tra Vụ các Vấn đề Bản xứ, nay được bổ nhiệm làm Trú sứ Bắc kỳ.

Điều khá lạ lùng là không hiểu sao người ta lại bố trí cơ quan đại diện đầu tiên của chúng ta

KHU PHỐ THƯƠNG MẠI

vào những ngôi nhà đơn sơ ở khu phố buôn bán trong khi Thành Hà Nội hoặc ít ra là Trường Thi dường như khá hơn để tiếp nhận cơ quan này trong khi chờ xây dựng tòa trú sứ ở ven sông Hồng. Nhưng Philastre luôn khẳng định ý định hòa bình và sự tin tưởng tuyệt đối của ông ta vào thiện ý của người An Nam. Khi đề nghị thống đốc Dupré vào ngày 19-1-1874 “*điều phối chỗ ở cho các ngôi nhà của Dupuis*”, Philastre nhấn mạnh: “*Thưa thống đốc, tôi đề nghị giải pháp này với ông. Nếu thượng cấp buộc tôi phải chấp nhận giải pháp đó, tôi sẽ chấp nhận. Giải pháp đó thỏa mãn mọi người và an toàn hơn bất kỳ giải pháp nào khác... Nếu ông Dupuis đã đứng vững trong những ngôi nhà đó cùng với người của ông ta bất chấp nhà cầm quyền An Nam thì bốn mươi người Pháp có thể ở với sự hỗ trợ của chính quyền đó*”(15).

Tương lai chứng tỏ lập luận này chỉ đúng bề ngoài vì nó dựa trên thiện chí của phía An Nam để cầu an. Trong thực tế, các quan An Nam xem những nhân nhượng của Philastre nhằm giảm căng thẳng là một sự thoái lui nhục nhã. Trú sứ Rheinart nhanh chóng hiểu được điều đó và thấy hết những khó khăn của tình hình.

(15) Hồ sơ Các Thống đốc số 11689, Cục Lưu trữ Trung ương của Đông Dương.

Về mặt vật chất, thoát đầu cơ sở để lại khá tốt. Ngày 21-3-1874, Rheinart viết: *"Chúng tôi ở bốn căn nhà rười. Số người được chia ra ở trong sáu gian trên cùng hơi tối, lối vào chỉ là những cửa sập hoặc thang tre. Tôi cho làm cầu thang. Các sành khá tối nhưng chúng tôi không sửa được. Một số người phải ở tầng trệt. Tôi mua một số giường cá nhân nhưng độ ẩm rất cao. Nếu không phải chịu đựng độ ẩm đó thì thật là sướng. Khi nước cao chắc chắn những ngôi nhà như thế này sẽ bị ngập: gần như năm nào nước cũng ngập khoảng ba tầng. Các sĩ quan cũng phải chịu cảnh tối tệ, cứ hai sĩ quan một được một chiếc gác xếp rộng mỗi chiều bốn mét được chiếu sáng bằng hai chiếc cửa sổ con"*⁽¹⁶⁾.

Về mặt tinh thần, đại diện của nước Pháp bị mất mặt bởi những biểu hiện thù địch của viên kinh lược và vị thân vương tên là Tuyết (nguyên văn prince Tuyet - ND). Họ tập hợp khoảng mười hai nghìn người ở các cửa ô Hà Nội. Để đương đầu với nguy hiểm, Rheinart cho gọi từ Hải Phòng lên đơn vị của Dujardin có quân số hai trăm mười người. Nhưng việc Testard tới Hải Phòng nhận nhiệm vụ chỉ huy trưởng Bắc kỳ đã buộc Rheinart phải trả đơn vị này về và

(16) Hồ sơ Các Thống đốc số 13505, Cục Lưu trữ Trung ương của Đảng Dương.

KHU PHỐ THƯƠNG MẠI

chỉ giữ lại bốn mươi người. Thật là thiếu thận trọng khi ở lại Hà Nội với một quân số hạn chế như vậy. Vì thế Rheinard phải quay về Hải Phòng ngày 21-5-1874. Mấy hôm sau, người và tàu của Dupuis cũng quay về Hải Phòng.

Khi đại diện mới của Pháp, lãnh sự Kergaradec, tới Hà Nội năm 1875, người ta suýt phạm phải sai lầm lần thứ hai bằng cách thuê cho ông ta ở trong khu phố buôn bán tại “*một dãy nhà san sát nhau*” trong khi chờ xây dựng các tòa nhà trong khu nhượng địa. Như nói ở trên, các đại úy Brionval và Dupommier rất may khi được tạm thời nhận khu Trường Thi. Trong suốt thời kỳ lãnh sự, điểm duy nhất trong khu phố buôn bán có người Pháp ở là phòng thương chính Pháp - Nam gần cổng Jean Dupuis, chỗ hiện nay là lớp cao đẳng (cours supérieur, lớp cuối cấp của bậc tiểu học - ND) của các trường Pháp - Nam khu vực Bắc Hà Nội (nay là trường Trần Nhật Duật - ND). Tại đây nhân viên người Pháp có nhà ở riêng⁽¹⁷⁾.

Những sự kiện năm 1883 dẫn tới những đảo lộn sâu sắc trong khu phố buôn bán trong đó có việc quân Cờ Đen đốt khu phố vào tháng năm. Bức thư của tướng Bouet gửi thống đốc Nam kỳ

(17) Hồ sơ Các Thống đốc số 10119, Cục Lưu trữ Trung ương của Đông Dương.

cho biết tâm cỡ thảm họa: “*Tới Hà Nội vào chiều ngày 15-6, tôi thấy thành phố trong tình trạng tan hoang. Tất cả cháy rụi, trừ một phần nhỏ của khu người Tàu. Chiều nào bọn cướp cũng tới cướp những thứ còn dùng được. Dân chúng hầu như bỏ đi hết và không lộ mặt ra nữa*”⁽¹⁸⁾.

Sau khi thành phố được giải tỏa và niềm tin trở lại, dân chúng quay trở về và những công trình sửa sang tu bổ lớn lập tức được tiến hành dưới sự lãnh đạo của trú sứ Hà Nội Raymond Bonnal. Trong hồi ký của mình, ông đã kể lại các giai đoạn chính⁽¹⁹⁾.

Điều đặc biệt gay go cho nhiệm vụ của Bonnal là ông ta gần như không có một khoản tín dụng nào. Ông bổ khuyết sự thiếu hụt đó bằng cách sử dụng các tù nhân có án nhẹ và nhân công do các trưởng phố cung cấp và buộc các chủ nhà phải làm rãnh và lát hè bằng gạch trước cửa nhà họ. Còn vật liệu để lát lòng đường phố, ông cho phá các ngôi nhà bị quân Cờ Đen đốt ở phố Thừa Sai (quartier de la Mission, nay là phố Nhà Chung - ND) và ven bờ Hồ Hoàn Kiếm để lấy. Số gạch lấy từ các ngôi nhà này cho phép lát vững chắc một trăm năm

(18) *Archives Historiques de l'Etat Major*. Registre de correspondance từ 9-6 tới 10-9-1883.

(19) R. Bonnal. *Au Tonkin*. Hanoi 1925, tr. 176-177.

KHU PHỐ THƯƠNG MẠI

mười phố và ngõ của thành phố. Để mở rộng các phố, ông cho phá các chái lán ra đường công cộng và bắt thu ngắn mái che và chỗ bày hàng hóa trước nhà.

Nhờ các hoạt động của Bonnal, chỉ cần một năm thành phố đã đứng dậy từ những đổ nát. Từ tháng 1-1885, một trong những số đầu tiên của tờ *Tương lai Bắc kỳ* ghi nhận *“Vì dân chúng kéo tới luôn luôn gia tăng, thành phố cũ được xây dựng lại trở nên quá nhỏ. Cả người châu Âu lẫn người bản xứ không tìm được chỗ ở nữa và hàng ngày có khoảng một hay hai nhà của người An Nam được xây dựng. Việc sửa chữa và mở rộng các phố bắt đầu. Công tác làm sạch thành phố đang tiếp tục”*.

Trong những năm tiếp theo, nhiều sự cải thiện mới được thực hiện trong đó đáng chú ý là việc xây dựng theo nghị định 6-4-1888 các chợ có mái che ở phố Hàng Tre (nay không còn - ND), phố Hàng Gạo (nay là chợ Đồng Xuân - ND), phố Đường Thành (nay là chợ Hàng Da - ND) và đại lộ Đồng Khánh (tại đầu phố Hàng Bài, hiện nay không còn - ND).

Từ năm 1884 tới năm 1888, trong khi một khu phố mới, manh nha cho khu phố Pháp hiện nay, nảy sinh giữa khu Nhượng địa và Hồ Hoàn Kiếm như chúng ta sẽ thấy trong chương sau thì người ta sử dụng trên quy mô lớn những

ngôi nhà còn dùng được trong khu phố buôn bán. Chính trong bối cảnh đó tòa trú sứ đầu tiên của chúng ta ở Hà Nội được đặt ở phố Hàng Gai (rue du Chanvre) tại chỗ bây giờ là Nhà In Bắc Kỳ (Imprimerie Tonkinoise) của ông Le-van-Phuc. Phần trước của nó chỉ là một cái nhà trệt khiêm tốn, lợp bán mái và bó bằng những bờ gấp răng cửa đặc trưng cho các nhà cổ ở Hà Nội. Trước nhà trồng hai cột cờ (hình 3) và người ta đọc ở chiếc biển hình ô-van treo trên tường hàng chữ "*Dinh Trú sứ Pháp*" (Résidencée de France. Chancellerie).

Ngày nay, ngôi nhà trông ra phố đã hoàn toàn biến đổi nhưng ngôi nhà chính nằm sâu trong một khu vườn nhỏ kiểu Tàu vẫn giữ được những cột gỗ lim với những đường trạm trở tráng lệ (hình 29). Chính tại đây Bonnal đã bố trí phòng khách của mình, một tụ điểm rất được các sĩ quan viễn chinh năm 1884 ưa thích. Căn phòng lịch sử này (hình 28) được giữ gần như nguyên trạng cách đây bốn mươi lăm năm như cho thấy trong một bức vẽ vào thời đó của Paul Bonnetain, thông tin viên tờ *Thời báo* ở Hà Nội⁽²⁰⁾.

(20) Phiên bản trong bài của P. Bonnetain, *l'Etrême Orient*, Paris, tr. 275.

KHU PHỐ THƯƠNG MẠI

Cũng chính trong khu phố buôn bán đã thành lập nhà in đầu tiên (ở phố Hàng Bông), trường học đầu tiên (ở phố Cờ Đen), hội quán hội tam điểm đầu tiên (cũng ở phố Cờ Đen), đồn hiến binh đầu tiên (ở phố Hàng Bè, sau đó ở phố Hàng Bò). Nói chung, các nhà buôn lớn đều ở khu này, trong phố Jean Dupuis. Tại đây họ có lợi thế là gần bến tàu hàng.

Cuối cùng, trong nhiều năm, khu phố buôn bán là nơi duy nhất của thành phố có một địa điểm đủ lớn cho những cuộc tụ hội hoặc tiệc tùng. Địa điểm đó là đền Quảng Đông, ở nhà số 22 phố Hàng Buồm. Chính tại đây đã diễn ra bốn phiên họp đầu tiên của ủy ban nghiên cứu công thương nghiệp Bắc kỳ do Paul Bert thành lập năm 1886. Theo quy định, ngày 14-7 hàng năm có một bữa tiệc lớn tại đây. Nhiều bữa tiệc kèm theo khiêu vũ đã được tổ chức tại đây nhiều lần, nhất là bữa tiệc mừng tướng Munier vào tháng 8-1887. Nhân dịp này, tờ *Tương lai Bắc kỳ* mô tả quang cảnh huyền ảo của ngôi đền cổ được chiếu sáng “*bằng một nghìn hai trăm ngọn đèn dầu, ngoài đuốc, đèn lồng và đèn chùm*”.

Gần đây, đền Quảng Đông được xây dựng lại. Không còn gì từ các bức tường cổ của nó, những bức tường đã chứng kiến buổi tiếp khách đầu tiên của Jean Dupuis ngày 23-12-1872 và được xem là những chứng vật lý thú nhất của thời kỳ này.

Chương 6

SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP

Thật là một công việc to lớn khi phải làm mới một thành phố cũ kỹ trong đó phải sửa lại, làm sạch, phơi nó ra không khí và ánh sáng mà không phá hủy những phần giá trị nhất của nó.

Paulin Vial

Theo tinh thần Hiệp ước 1874, các công thự của lãnh sự Pháp trong khu Nhượng địa (Concession) phải là cái nôi của khu phố kiểu châu Âu vì hiệp ước tiên liệu “các cửa hiệu và chỗ ở của thương nhân sẽ kề gần tối đa với khu lãnh sự”. Mặt khác, thỏa ước 11-1-1875 còn quy định các cơ sở của Pháp sau này sẽ phát triển dọc theo sông Hồng ở phía hạ lưu *Đồn Thủy* (Fort du Sud, vị trí khu vực này xin xem bài Khu Nhượng địa - ND).

Nếu theo đúng thỏa ước thì từ năm 1876 khu phố Pháp phải phát triển về phía Nam, tức

SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP

là trên khu đất ngày nay là *Bệnh viện Lanessan* (nay là bệnh viện 108 và bệnh viện Việt Xô - ND) là lò mổ (nằm trên phố Lương Yên hiện nay - ND). Tuy nhiên trong suốt thời kỳ đặt lãnh sự, sự thiếu thiện chí của các quan An Nam đã cản trở việc mở con đường thông thương trên sông Hồng và các thương nhân châu Âu không tới Hà Nội nữa vì chẳng có hoạt động gì lôi cuốn họ. Việc mở rộng thành phố cũng như thương cảng buôn bán với nước ngoài (xem hình 38) vẫn chỉ là lý thuyết. Thực tế, cho tới năm 1883 khu phố Pháp vẫn chỉ giới hạn ở mấy tòa công thự trong khu Nhượng địa. Sau năm 1883, khu phố Pháp mới phát triển được do đạo quân viễn chinh tới Bắc kỳ. Lần này sự phát triển không về phía Nam mà về phía Đông dọc theo phố *Hàng Khảm*(*). Phố này, từ ngày 20-11-1886 mang tên phố Paul Bert, trở thành trục chính để các phố khác của một thành phố kiểu châu Âu song song hoặc vuông góc với nó.

Sau khi trình bày nét cổ kính của khu vực có phố Hàng Khảm chạy qua, chúng tôi sẽ trình bày những hoàn cảnh lịch sử từ năm 1883 khiến người Pháp chọn phần đất này để xây dựng và sau đó là sự biến đổi nhanh chóng của nó từ năm 1884 tới năm 1888.

(*) rue des Incrusteurs - ND.

*

* *

Công nghệ khiến phố Hàng Khảm được mang tên du nhập vào Bắc kỳ khoảng năm 1820 và chỉ ít lâu sau thì vào Hà Nội và tiến bộ rất nhanh. Các thợ thủ công Hà Nội, đặc biệt khéo tay, tranh với thợ Nam Định về sự tinh tế trong nghệ thuật khảm xà cừ. Cho tới năm 1873, sản lượng mặt hàng này cực kỳ nhỏ bé nhưng chất lượng rất tinh tế⁽¹⁾.

Phố Hàng Khảm chạy từ Đồn Thủy tới lũy bán nguyệt Đông Nam của Thành Hà Nội (quãng Cửa Nam hiện nay - ND) và có chiều dài bằng phố Paul Bert (nay là Tràng Tiền + Hàng Khay - ND) và phố Borgnis Desbordes (nay là Tràng Thi - ND) cộng lại. Hai bên phố chỉ toàn nhà lá mà lại chỉ nằm trên phố Paul Bert. Đầu phía Đông của phố có một cái cổng trở ra từ bức tường vây phía ngoài phố gọi là cổng Cự Lâu hay cổng Tràng Tiền (Sapèquerie). Cổng này sau đổi là cổng Pháp quốc. Được trở ra từ một tường dày, phía trên có lan can, cổng nằm giữa hai trụ phía trên có hai con sư tử. Kiến trúc cổng đơn giản nhưng oai nghiêm (xem hình 30).

(1) Xem Kergaradec, *Notes sur les incrustations du Tonkin*, 20-11-1881, *Excursions et Reconnaissances* tập 4, tr. 204-210.

SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP

Chen giữa khu Hàng Khảm và khu phố thương mại (ville marchande) là Hồ Gươm, “ngày xưa hồ làm người ta buồn nôn vì đây là nơi nhận đủ thứ rác rưởi”(2). Ngày nay nó là một vòng trang sức của Hà Nội, là cái gạch nối vui tươi giữa khu phố người bản xứ với khu phố Pháp. Góp phần trang điểm hồ là chùa trên các tiểu đảo và góp phần xanh mát là các thảm cỏ rợp bóng cây quanh hồ.

Năm mươi năm trước, “các túp lều của dân bản xứ trên bờ hồ san sát nhau đến nỗi, để xuống được hồ, sau khi rời những con đường mặc dù khá bẩn nhưng vẫn đi được, người ta phải len lỏi qua những ngõ ngách chật hẹp men theo hàng ngàn khúc queo quanh những ngôi nhà lá lụp xụp bên trong chen chúc đám cư dân khốn khổ, phải nhảy qua những vũng nước hôi thối và những đống rác. Nhiều khi sau một giờ lặn mò trên những con đường lượn đi lượn lại như mê cung, nhà thám hiểm dũng cảm nhất lại về đúng chỗ xuất phát, không sao tới được mép nước. Cùng lắm nếu bằng cách nào đó khách tới được chỗ cách mép hồ vài bước thì cũng chán không muốn gặp một cái phá độc hại ngay giữa Hà Nội cổ”(3).

(2) Dumoutier, *Revue indochinoise* 1900, tr.1189.

(3) J.Boissière, *l'Indochine avec les Français*, Michaud, Paris, tr. 205.

“Mặt phố Paul Bert đoạn áp hồ toàn nhà thợ khảm. Các nhà này hẹp và thấp làm bằng gạch lợp ngói. Mặt trước nhà nào cũng có mái che lợp lá, gian dưới trông ra hồ. Giữa gian trông ra phố và gian trông ra hồ là sân. Đầu kia của hồ, chỗ bây giờ là phòng lễ hội của Hội hiếu nhạc (Société Philharmonique, nay là rạp múa rối Thăng Long - ND) là khu phố chật cứng, rối mù và nồng nặc mùi da thuộc khó chịu, nhiều chỗ nhà dân bán xứ vườn ra hồ trên những chiếc cọc”⁽⁴⁾.

Tên Hồ Hoàn Kiếm, hồ trả kiếm, gợi nhớ lại một sự kiện kỳ diệu liên quan tới nguồn gốc nhà Tiền Lê: đầu thế kỷ 15, khi Bắc kỳ nằm dưới ách của người Tàu, một người đánh cá tên là Lê Lợi bắt được một thanh kiếm khi quăng lưới đánh cá trong hồ. Ông hiểu đó là dấu hiệu báo giờ độc lập đã đến. Sau mười năm lãnh đạo phong trào quốc gia đấu tranh giành độc lập, ông thu được thắng lợi và lên ngôi vua. Trong buổi lễ tế thần hồ nhân dịp lên ngôi, nhà vua đeo thanh gươm thần kỳ, thanh gươm liên tục thoát khỏi vỏ và hóa thành một con rồng ngọc biến mất trong hồ.

(4) Dumoutier, sách đã dẫn, tr.1189.

SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP

Để kỷ niệm truyền thuyết này, người ta dựng một ngôi chùa nhỏ thờ Lê Lợi bên hồ tại chỗ ngày nay là trụ ở AFIMA⁽⁵⁾. Tại đây chỉ còn lại một tấm bia trong một ngôi nhà gạch hiện đại quay mặt ra đại lộ Beauchamp (nay là Lê Thái Tổ - ND). Lui về sau tấm bia một chút, người ta dựng một chiếc cột đá trên có tượng Lê Lợi bằng đá cẩm thạch gươm kỳ diệu nhìn ra hồ. Giữa khu tượng Lê Lợi và phố Jules Ferry (nay là Hàng Trống - ND), người ta dựng một ngôi chùa nhỏ gọi là chùa Nam Hương (Parfum du Sud). Tại chùa vẫn còn thờ người sáng lập ra triều Lê.

Ở phía Đông Nam hồ, chỗ ngày nay là Sở Bưu Điện, sừng sững ngôi chùa đặc biệt nhất trong các chùa ở Hà Nội. Tòa nhà chính của chùa được bao bởi một hồ tròn đầy sen, chính hồ sen này đã cho chùa cái tên Liên Trì (Fleurs de Lotus). Chùa còn được gọi là chùa Nguyễn Đăng Giai để kỷ niệm viên tổng đốc, người đã cho xây chùa vào những năm đầu tiên vua Thiệu Trị (1841-1847) bằng cách vung phí tiền cúng của

(5) Viết gọn của cụm từ *Association pour la Formation Intellectuelle et Moral des Annamites* - cụm từ này chuyển sang chữ Hán là Hội Khai Trí Tiến Đức. - ND.

dân chúng, một hành động tạo hứng cho nhiều thi sĩ ứng tác⁽⁶⁾. Người Pháp đổi tên chùa thành chùa Khổ Hình (Pagode des Supplices) vì *“người ta thấy khắc trên đá và gỗ ở chùa hàng loạt khổ hình những kẻ có tội sẽ phải chịu ở thế giới bên kia. Thật là một tác phẩm lố lãng và khó tả nhưng tinh tế vượt xa những bức bích họa khiếp đảm nhất của các họa sĩ chúng ta ở thời Trung Cổ”*⁽⁷⁾.

Trong vô số *“tháp, tháp chuông, hàng hiên lôi cuốn du khách từ rất xa”*⁽⁸⁾ và các hình ảnh cũ từ hình 34 tới hình 36 chỉ còn lại Hòa Phong Tháp, tháp gió thuận. Công trình nhỏ bé này rất đơn giản nhưng có tỉ lệ duyên dáng. Tháp gồm phần dưới bằng gạch, mỗi mặt trở một cửa, phần trên là tháp xây trên sàn bốn góc trang trí bốn con nghê (hình 36). Nằm bên bờ hồ, tháp là điểm khởi đầu đường vào chùa Khổ Hình như thấy trong bức tranh thô của Trường Viễn Đông Bác Cổ (hình 34).

Rất nhiều chùa nhỏ quanh hồ cũng bị phá hủy. May thay các công trình trên đảo Ngọc Sơn

(6) Xem Pétruis Ký, Voyage au Tonkin en 1876.

(7) Labarthe, *Revue de Géographie* 1883, tập 2, tr. 202.

(8) Hocquard, *Une campagne au Tonkin* tr. 176.

SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP

(Ile de Jade) và Quy Sơn (Ile de la Tortue) không chịu số phận như vậy. Các mô tả có lẽ đã đưa chúng ta đi quá xa⁽⁹⁾. Chúng tôi chỉ muốn nhắc lại rằng Vọng Đình trên đảo Quy Sơn mới chỉ có từ năm 1875 và lối đi bao bằng tường dẫn lên cầu vào Ngọc Sơn mãi tới năm 1893 mới được tu sửa lại. Hàng hiên trông ra đại lộ Francis Garnier (nay là đường Đinh Tiên Hoàng - ND) cũng được xây vào năm đó. Cổng lên đảo cũng được sửa lại theo một phong cách đẹp hơn so với cổng năm 1884. Trong bức ảnh chụp cổng lên đảo năm 1884, ta thấy cầu bằng ván chắp mỏng manh không có tay vịn (hình 38). Chiếc cầu này đã được thay thế bằng một chiếc cầu khác to khỏe hơn.

Ở phía Đông của hồ, chạy về phía sông Hồng là vô số đầm lầy dọc hai bên đại lộ Henri Rivière (nay là phố Ngô Quyền - ND) từ phố Fellonneau (nay là phố Hàm Tử Quan - ND) tới phố Paul Bert. Tại những nơi này, ngày nay đã mọc lên tòa Thống sứ (nay là Nhà Khách Chính Phủ - ND), tòa Thị chính (nay là UBND Thành phố Hà Nội - ND), Kho bạc, Bưu điện (nay là

(9) Chúng tôi xin đề nghị bạn đọc xem các nghiên cứu của Dumoutier đăng trên *Revue Indochinoise* 1900, đề nghị tam cá nguyệt san từ trang 1185 tới tr. 1189.

Trung tâm Bưu điện Hà Nội - ND), Ngân hàng Đông Dương (nay là Ngân hàng Nhà nước - ND), khách sạn Métropol (nay là khách sạn Sofitel - ND) và nhiều biệt thự có vườn bao quanh. Để hiểu được những khó khăn của các công trình do nước Pháp thực hiện trong nửa thế kỷ ở Hà Nội không gì bổ ích bằng so sánh bản đồ Hà Nội năm 1884 do nhà trắc địa Montalembert vẽ rất kỳ công với bản đồ hiện đại mà chúng tôi sao lại như hình 39⁽¹⁰⁾.

Bên cạnh phố Hàng Khảm có hai khu đất nổi quan trọng: Trường Thi (Camp des Lettrés) đã nói ở trên và Trường Tiền (Sapèquerie). Trường Tiền là một khu đất hình chữ nhật giới hạn bởi các phố Henri Rivière, Carreau (nay là đường Lý Thường Kiệt - ND), Rillian (nay là Phan Chu Trinh - ND) và Paul Bert. Bị bao quanh bởi các hồ đầy nước, Trường Tiền thông với phố Hàng Khảm bằng một chiếc cầu⁽¹¹⁾. Đó là xưởng đúc tiền kẽm của Nhà nước do một

(10) Nhờ thiện ý của hai ông Giám đốc Trường Viễn Đông Bác Cổ và Cục Đồ bản, chúng tôi đã được phép sao lại. Không may chỉ có tờ 1 trong số 6 tờ hợp thành bản đồ Hà Nội 1884.

(11) Labarthe, *Revue de Géographie* 1883, tập 2, tr. 101.

SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP

viên lang trung điều hành dưới quyền của Bộ Chánh Hà Nội. Vào thời kỳ này việc đúc tiền kẽm đã bị xóa bỏ do giá kim loại quá cao⁽¹²⁾.

Những sự kiện của năm 1883 đã buộc khu phố vừa mô tả trên trở thành trung tâm của khu phố Pháp.

Đầu năm 1883, chỉ có hai địa điểm ở Hà Nội bị đạo quân viễn chinh của Rivière chiếm: khu Nhượng địa ở phía Đông Nam khu buôn bán và Hoàng cung, nơi được biến thành một pháo đài thu nhỏ ở trong Thành Hà Nội (Citadelle). Mọi liên lạc thường xuyên giữa hai địa điểm này bị cắt đứt từ ngày 19-5-1883, ngày Rivière tử trận, tới ngày 3-6-1883, ngày một lực lượng tăng viện quan trọng được phái tới Thành Hà Nội nâng số binh sĩ phòng thủ lên con số 500 người. Ngày 4-6, chỉ huy trưởng Morel Beaulieu viết thư cho thống đốc Nam kỳ cho biết: *"Khu Nhượng địa ngổn ngang đủ thứ, hiện nay rất khó xây dựng... Toàn bộ phần phía Tây ngập bùn sau mỗi trận mưa và tạo thành một cái đầm lầy thực sự giữa các công trình hiện nay và taluy cọc... Thành Hà Nội sẽ là tâm*

(12) Hồ sơ Toàn quyền, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

điểm của chúng ta, trong đó khu Nhượng địa chỉ là lối ra sông Hồng để nhận tiếp tế"⁽¹³⁾.

Trong những điều kiện đó, người ta nhận ra tầm quan trọng chiến lược của con đường nối khu Nhượng địa với Thành Hà Nội, đó là phố Hàng Khảm. Vì thế nó là con đường đầu tiên trong danh sách "*Mạng đường chiến lược ở Hà Nội*" (Réseau stratégique d'Hanoi) do tướng Bouet thảo ra vào tháng 6-1883 để thay thế tuyến phòng thủ gồm các ụ đất nối với nhau bằng các chướng ngại vật tự nhiên như tường rào, đầm lầy, rào tre"... Tuyến công sự này chạy từ lũy bán nguyệt Đông Nam của Thành Hà Nội, đi song song với phố Thọ Nhuộm (rue de Teintures). Trên tuyến nổi lên hai vọng gác: "*vọng gác các quan*" (lunette des mandarins) và "*vọng gác Huế*" (lunette de Hué). Vọng gác các quan bị kẹp giữa các phố Careau và Gambetta (nay là Trần Hưng Đạo - ND) Colomb (nay là Phan Bội Châu - ND) và Richaud (nay là Quán Sứ - ND) và phố Riquier (nay là Nguyễn Du - ND). Mỗi vọng gác có một công sự bằng gạch do một tiểu đội bộ binh của hải quân và sáu pháo thủ trấn giữ. Giữa vọng gác Huế và khu

(13) Thư tín của chỉ huy trưởng Morel Beaulieu, Hồ sơ lịch sử của Bộ Tổng Tham mưu.

SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP

Nhượng địa, tuyến công sự ẩn sau các đầm lầy và tường của Trường Tiền. Việc phòng thủ thành phố được hỗ trợ bằng các lô cốt ở hai bên bờ sông hồng: ở thượng lưu là lô cốt Bắc (Blockhaus Nord) được xây dựng từ tháng 6 tới tháng 8-1883 tại đầu phố sau này mang luôn tên nó (nay là Phố Đức Chính - ND); ở hạ lưu và bên kia sông là lô cốt tả ngạn (Blockhaus de la Rive gauche) (hình 33) được xây dựng từ tháng 9 tới tháng 10-1883⁽¹⁴⁾.

Người ta có thể theo dõi sự phát triển của phố Paul Bert gần như từng tháng trong các tập du ký và nhất là trong các thông cáo trên tờ *Tương lai Bắc kỳ* (Avenir du Tonkin), những tư liệu rất quý để dựng lại lịch sử thương mại của địa phương. Từ một “con đường rộng chưa tới ba mét đầy những hố nước hôi thối vào năm 1883”, phố Hàng Khảm năm sau đã trở thành “một con đường mới rất rộng chỉ còn thiếu những ngôi nhà kiểu châu Âu. Hai bên phố là những ngôi nhà lá. Hai, ba cửa hiệu của người Tàu, rất sạch và lịch sự, nằm đầu dãy các cửa hàng. Cứ khoảng mười mét lại có một quầy ghê tởm bán thứ hàng đếm từng giọt (chỉ thuốc phiện - ND)

(14) Humbert, *Historique succinct de l'Artillerie au Tonkin pendant les années 1883 et 1884*, Paris, 1884, tr. 15.

của các con buôn đáng xấu hổ trong nền thương nghiệp chúng ta lúc đó⁽¹⁵⁾.

Đầu năm 1885, phố Hàng Khảm trở thành “*một phố được trải đá dăm khá tốt, rộng từ 16 tới 18 mét, các cửa hàng hầu như của người châu Âu... Người ta thấy ở phố Hàng Khảm một xưởng sản xuất nước có ga, một hiệu bánh mì, một số cửa hàng đồ khô, một cửa hàng văn phòng phẩm, một số cửa hàng kim khí, một hoặc hai cái chợ, một khách sạn, hai ba hiệu cà phê. Tất cả đều của người Pháp*”⁽¹⁶⁾.

Ngoài mặt hàng chính, các cửa hàng đều nghĩ cách đưa các loại hàng rất khác nhau vào bán. Vì thế, các cửa hàng văn phòng phẩm không chỉ quảng cáo “*các tiểu thuyết mới sang theo các chuyến thư*” mà còn quảng cáo cho các “*ngăn tơ lụa, đồ hộp, bát đĩa, đồ thủy tinh, đồ dùng của phụ nữ*”. Mặc dù có những cố gắng đó, vào năm 1885 Hà Nội vẫn còn thiếu nhiều thứ và người ta có thể thấy trên tờ *Tương lai Bắc kỳ* số ngày 5-8-1885 một thông báo khá bình thường nhưng đặc sắc về vấn đề này:

(15) P. Bonnetain, *Au Tonkin*, Paris 1887, tr. 221.

(16) A. Bléton, bài *Le Commerce au Tonkin* trong *Annales de l'Extrême Orient*, tập 8, 1885-1886, từ tr. 149 tới tr. 179.

SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP

Dân chúng Pháp tại Hà Nội yêu cầu:

Một hiệu thịt bò

Một hiệu giặt theo kiểu Pháp

Một hiệu cắt may

Một hiệu sửa chữa giày

Bàn bi-a trong các hiệu cà phê

Thực ra từ tháng 7-1885, Hà Nội đã có một phòng sửa tóc và trang điểm theo kiểu Paris (salon parisien) nhưng hiệu thuốc thì mãi tháng 6-1888 mới khai trương "*Hiệu thuốc Reynaud Blanc cho người Pháp và người bản xứ ở Đông Dương, phố Hàng Khảm*".

Theo lẽ tự nhiên, nghiệp đoàn thương nhân đầu tiên ở Hà Nội có nhiều người tham dự là nghiệp đoàn các chủ hiệu cà phê. Từ năm 1884 tới năm 1885, số hiệu cà phê tăng lên rất nhiều, chỉ riêng phố Hàng Khảm có các hiệu "*café du Commerce, phố Hàng Khảm, đối diện Trường Tiền, nơi tụ hội của các quý ông thương gia*", "*Café de Paris, phố Hàng Khảm, gần khu Nhượng địa*", Café Albin, Café de la Place, Café Block (hiệu này từ năm 1886 do Alexandre Aibicher làm chủ). Nhưng sớm nhất và nổi tiếng nhất là "*Café de Beira, nơi tụ hội của quý ngài sĩ quan*", hồi đó hiệu này ở chỗ ngày nay là cửa hàng La Perle.

Paul Bourde, thông tin viên tờ *Thời báo* (le Temps), nhận xét “hiệu cà phê của bà Beira là một thiết chế của Hà Nội”. Trong các mô tả về những buổi trà lá tại hiệu cà phê này, đây là phác tả của Paul Bonnetain: “Bà Beira, một người có tuổi tốt bụng, choàng khăn, bán căngtin trong quân đội về hưu nhưng mắt vẫn còn tinh và nói năng trôi chảy, cho tăng gấp đôi số bàn ghế trên sân thượng và dưới hiên vì có nhiều người tới uống rượu ngải: Hà Nội đang sống vội vã.

Từ Thành Hà Nội, từ khu Nhượng địa, từ Trường Thi, từng nhóm sĩ quan đổ ra và kéo nhau vào các quán cà phê soàng sinh không tìm ra đâu hơn nữa. Họ ngồi vào bàn giữa những tiếng chào âm ỹ. Các bàn tay không ngừng xiết nhau. Một lúc sau quán trở lại yên lặng.

Đứng bất động trên ngưỡng cửa là hình ảnh kỳ lạ của người đàn bà xứ Lorraine. Bà Beira hiện ra ở đây một cách khó giải thích. Bà chỉ rày la Paul, cậu bé người An Nam, con nuôi duy nhất của bà, đối với đám khách lính tráng, bà luôn luôn mỉm cười như một người mẹ. Bà quan tâm tới mọi người: khỏe không? Chiếc quân hàm thứ ba sẽ sang trong chuyến thư tín tới chứ? Bà già, trước đây bán hàng trong đội quân mở đường và bạn thân của Jean Depuis, đã nổ súng

SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP

giết năm tên Tàu nhưng chỉ quan tâm tới Hautefeuille, anh chàng đẹp trai chiếm nhiều tình thành chỉ với sáu người lính”⁽¹⁷⁾.

Trong những ngày đầu, nếu các hiệu cà phê mở dễ dàng thì việc mở khách sạn vất vả hơn. Những khách đầu tiên của khách sạn duy nhất tại Hà Nội năm 1884 để lại một bức tranh không mấy quyến rũ: *“Những ngôi nhà hình móng ngựa vây quanh một chiếc sân trông ra đầm, những vách ngăn bằng tre trát toócxi qua loa, mái rạ. Giữa mái và các vách có một khoảng trống năm mươi centimét để thông gió nhưng các du khách tới Hà Nội vào tháng hai với nhiệt độ tám độ vào ban đêm thấy ngay rằng người ta nghĩ tới mùa hè quá sớm. Các cửa được thợ mộc bản xứ làm, những người còn chưa biết kỹ thuật ghép bằng đường soi và không có khả năng ghép khít các tấm; các cửa sổ không có vít và được lắp cửa sổ con. Nếu muốn phòng ấm áp, bạn phải đóng các cửa sổ con còn nếu muốn sáng phải mở hết chúng, thành ra không thể đồng thời làm cho căn phòng vừa sáng vừa ấm áp”⁽¹⁸⁾.*

(17) P.Bonnetain, *Au Tonkin*, tr. 119, 120.

(18) P.Bonnetain, *De Paris au Tonkin*, Paris 1885, tr. 120.

Khách sạn đầu tiên bằng gạch cho người châu Âu khai trương vào tháng 11-1885 ở phố Hàng Thêu (rue de Brodeurs, sau đổi thành phố Jules Ferry, nay là Hàng Trống - ND), cạnh tòa báo *Tương lai Bắc kỳ*. Khách sạn này có tên là Đại Khách sạn (Grand Hôtel), nó có *“một phòng ăn năm mươi người, phòng bi-a được nhập đầu tiên vào Hà Nội, tất cả được lắp kính và ban đêm sáng choang”*. Cuối cùng, cực kỳ tinh tế, *“một phòng liệu pháp nước, ở đó vào ban ngày khách hàng có thể tắm bằng vòi hoa sen bất cứ lúc nào”*. Chen giữa phố Hàng Thêu và hồ, chỗ ngày nay thành phố biến thành vườn hoa, Đại Khách sạn bố trí *“một cái chòi quê rất đẹp”*. Trên hồ, *“hai chiếc canô duyên dáng cho phép khách quen dạo chơi hoặc luyện tập sức khỏe”*.

Từ năm 1884, đã có một số nhà nhỏ bằng gạch nhưng phần lớn người Pháp phải bằng lòng với những ngôi nhà lá đơn giản, nhà của người Tàu ở khu buôn bán, hoặc các ngôi chùa cổ nhì nhàng. Vì thế, các thông tín viên của tờ *Thời báo* (Le Temps) và hãng thông tấn Havas (Agence Havas) năm 1884 phải ở trong một ngôi chùa ven bờ hồ, còn Paul Bonnetain, thông tín viên của tờ *Figaro* ở bờ bên kia. Để thăm nhau, các nhà báo phải qua hồ bằng thuyền.

Trong khu phố mới, con đường đầu tiên được quy hoạch là đường phố Hàng Khảm. Sau

SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP

đó tới lượt phố Hàng Thêu và Hàng Bài(*), tức đại lộ Đồng Khánh (nay là Hàng Bài - ND) hiện nay, đồng thời với các phố ở khu buôn bán. Chẳng bao lâu, đường Hàng Khay có thể đi bộ và đi ngựa riêng biệt. Khi các đường phố có thể cho xe đi lại được, đầu năm 1884 trú sứ Bonnal cho nhập từ Nhật hai chiếc xe djinn rickshaws, trong đó một chiếc dành cho tổng đốc để sao chép lại. Những chiếc xe đầu tiên kiểu này làm dân chúng kinh ngạc. Paul Bourde thuật lại⁽¹⁹⁾: *“đám đông không biết phải làm gì khi thấy chiếc xe đi tới. Mọi người bỏ chạy trong khi chỉ cần tránh một bước”*.

Sự ngạc nhiên còn lớn hơn khi xuất hiện xe khách công cộng (tramway) vào năm 1885. Với lối văn trữ tình, tờ *Tương lai Bắc kỳ* số ngày 22-8-1885 thông báo sự kiện trọng đại này như sau: *“sự đa dạng và tiện lợi của các con đường và các phương tiện giao thông luôn luôn cho thấy sự tiến bộ của tiến trình đi lên của một xứ*

(*) Nguyên văn rue des Cartes - ND.

(19) P.Bonnetain, *De Paris au Tonkin*, Paris 1885, trang 342: Những chiếc xe kéo đầu tiên chế tạo ở Bắc kỳ rất được ưa thích và người ta tiếp tục nhập chúng từ Nhật. Trên tờ *Tương lai Bắc kỳ* người ta có thể đọc được dòng quảng cáo: “bán một xe djinnriksa của Nhật chính hiệu giá 50 đồng”.

sở hoặc của một dân tộc... Nhờ sáng kiến của chỉ huy trưởng, thành phố Hà Nội vừa mới được trang bị xe khách thường xuyên giữa khu Nhượng địa và Thành Hà Nội”.

Đó chỉ là một chiếc xe nhỏ do ngựa kéo chạy qua các phố Hàng Khay và phố Hội Truyền giáo (nay là phố Nhà Chung - ND). Phố Hội Truyền giáo hẹp đến nỗi quyết định của cảnh sát ngày 28-7-1885 yêu cầu những người đi ngựa và xe cộ tránh đi cùng giờ với giờ xe khách chạy, một lệnh có trước quy định đường một chiều bốn mươi năm. Lường trước mọi chuyện, lệnh trên cũng cấm người lái xe khách cho ngựa phi nước đại và buộc phải bóp còi nhiều lần ở các giao lộ đông người qua lại.

Về xe cộ, cho tới năm 1886 ở Hà Nội chỉ có hai chiếc xe bốn bánh: *“một chiếc bằng gỗ kiểu Malabar de Colombo (một kiểu xe Ấn Độ - ND) của Hội Truyền giáo để giám mục Hà Nội Puginier dùng đi lại; chiếc thứ hai kiểu Victoria của viên chỉ huy Henri Rivière. Ông ta đã ra trận Cầu Giấy kinh hoàng trên chiếc xe này... Sau này chiếc Victoria được bán đấu giá cho ông Coutel, nhà thầu khoán đầu tiên ở Hà Nội”*⁽²⁰⁾.

(20) Piglowski, báo *Indépendance tonkinoise* số ngày 9-2-1929.

SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP

Hai giai đoạn quan trọng nhất trong quá trình phát triển khu phố Pháp là sự khai quang khu vực Hồ Gươm và việc xây dựng trên bờ Đông của nó các tòa nhà hành chính đầu tiên chuyển từ khu Nhượng địa ra.

Jules Boissière nhận xét: *“Giống như cô gái An Nam bỏ dần những bộ quần áo xấu xí nhuộm cunau (củ nâu) dẫm mồ hôi lao động, dân di thực chúng ta đã chứng kiến, năm này qua năm khác và gần như tháng này qua tháng khác, Hồ Gươm thoát khỏi vành đai cainha (cái nhà) bẩn thỉu và hiện ra trước mắt chúng ta trong sự tô điểm mới, trẻ trung trong khung cảnh hoa và lá”*. Năm 1884, hình thành dự án đường quanh hồ và tờ *Tương lai Bắc kỳ* số ngày 15-4-1885 thông báo bắt đầu san nền để thực hiện dự án. Việc thực hiện dự án đòi hỏi nhiều năm vì phải tiến hành nhiều vụ san lấp lớn và giải tỏa dân cư. Sơ đồ từng phần của con đường này chốt lại ngày 5-5-1888⁽²¹⁾.

Quyết định chuyển các cơ quan hành chính, cho tới lúc này vẫn còn nằm sau các lũy công sự trong khu Nhượng địa, ra trung tâm khu phố

(21) Sơ đồ này và các hồ sơ liên quan tới việc xây dựng đại lộ được lưu trữ tại Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương, hồ sơ của trú sứ Bắc kỳ số 4431.

Pháp được ký vào ngày Paul Bert tới Bắc kỳ. Cuộc đấu thầu đầu tiên được tiến hành vào ngày 27-4-1886. Cuộc đấu thầu chỉ được đáp ứng bằng những tiền dự án không đáng kể. Thế là mẫu nhà do ngành công chính nghiên cứu ngay lập tức được Paul Bert chấp nhận và đưa ra đấu thầu vào ngày 26-5-1886. Hai nhà thầu Vezin và Huardel trúng thầu bốn tòa nhà.

Dự án ban đầu dự kiến các tòa nhà không có lầu và tầng trệt cao 2,5m so với nền đất. Theo đề nghị của kỹ sư Getten, giám đốc công chính, Paul Bert quyết định thay đổi 2,5m thành 4,5m và vẫn là nhà trệt có hiên, lò sưởi và cửa kính. Thiết kế này làm tăng diện tích sử dụng lên gấp đôi và làm tốn thêm 22.000 franc cho mỗi tòa nhà. Toàn thể khu nhà tốn 420.000 franc chưa kể phí san lấp một khối lượng ước khoảng 20.000m³. Khi đó đất tự nhiên ven hồ “*bị xẻ và ngập nước*”(22).

Các tòa nhà được hoàn thành vào cuối năm 1887 và năm sau khu đầm lầy ngăn cách các ngôi nhà được san lấp để xây dựng công viên Paul Bert. Trong bốn ngôi nhà, hai ngôi hiên nay vẫn còn tuy có thay đổi chút ít là tòa Thị

(22) Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương, Hồ sơ trữ sứ Bắc kỳ số 4435.

SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP

chính và Kho bạc. Hai tòa nhà kia, nhà Bưu điện và tòa thống sứ Bắc kỳ được xây dựng lại trên một diện tích rộng hơn.

Đồng thời với việc trở thành trung tâm hành chính và thương mại, khu phố mới còn phát triển về phía Bắc bằng cách san lấp một số đầm kẹp giữa Hồ Gươm và sông Hồng để xây dựng nhà cho công chức thuê⁽²³⁾, về phía Nam bằng cách xây dựng đại lộ Gambetta (nay là Trần Hưng Đạo - ND). Ngày nay vào lúc sáng sớm người ta thấy đường này to rộng nhưng năm 1888 nó bị người ta chế nhạo “*đại lộ trứ danh này chẳng phục vụ ai, chẳng đi tới đâu, ít người qua lại đến nỗi biến thành rú và những cainha (cái nhà) dọc hai bên phố từng chỗ bị dân chúng bỏ hoang và rơi vào đổ nát*”⁽²⁴⁾.

Một biện pháp tuyệt vời khác được đề ra bằng nghị định của công sứ Hà Nội ngày 26-12-1886: trong thời hạn một năm các nhà lá nằm trên phố Paul Bert, phố Triễn lãm (Exposition), phố Hàng Thêu phải phá hủy và thay bằng nhà gạch lợp ngói. Vài ngày sau, ngày 15-1-1887, một khoản tín dụng 600 franc được chấp thuận cho phó công sứ Hà Nội để lát vỉa hè phố Paul

(23) Báo *Tương lai Bắc kỳ* số ngày 26-6-1886.

(24) Báo *Tương lai Bắc kỳ* số ngày 01-9-1886.

Bert với mép bằng gạch. Ngày 9-7 cùng năm, người ta tiến hành treo ở phố Paul Bert hai tấm biển báo khám xà cừ do một tỉnh quan tặng để kỷ niệm cố tổng trú sứ. Ngày 14-1-1888, tờ *Tương lai Bắc kỳ* thông báo: “Trong vài ngày nữa, tất cả những nhà lá ở phố Paul Bert và phố Hàng Thêu sẽ hoàn toàn biến mất; ngoài ra chúng ta sẽ được chứng kiến sự biến đổi của khu phố này: khắp nơi là nhà gạch sang trọng, các cửa hàng đẹp sẽ mọc trên những khu đất ngày xưa là những điểm dân cư luộm thuộm, hang ổ của hỏa hoạn và dịch bệnh”.

Muốn biết cuộc sống ở Hà Nội lúc đó như thế nào phải đọc hồi ký mới xuất bản gần đây⁽²⁵⁾ của một người sống vào thời đó, ông Piglowski: “Cuộc sống không đắt đỏ lắm... Tình thân ái ngự trị trong các mối quan hệ giữa các thành viên của cộng đồng người Pháp trong thành phố. Không có điệu bộ, không có kiêu căng... Đó là một thời đẹp đẽ”.

Mọi sự cầu kỳ về quần áo bị loại bỏ thẳng tay. Ngay phụ nữ, tuy còn hiếm, cũng tự nhiên tới hiệu cả phê trong bộ áo choàng đi ngủ còn nam giới trong bộ lò xò như người Hồi giáo. Ông Piglowski kể lại chuyện không may của một tùy viên trẻ tuổi làm việc trong văn phòng

(25) Báo *Indépendance tonkinoise* từ ngày 3 tới ngày 14-1-1929.

SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP

của Paul Doumer. Anh này tới hiệu cà phê Beira với sơ mi hồ bột và ca vát lụa đã được đón tiếp bằng những tiếng la ó đến mức phải quay về thay quần áo và trở lại trong bộ đồ ngủ.

Không nhiều nhưng các trò tiêu khiển hoàn toàn không thiếu. Chúng tôi đã mô tả các buổi dạ hội chính thức trong khu Nhượng địa và những cuộc đua ngựa trong Thành Hà Nội. Thử nghiệm đầu tiên về sân khấu được thực hiện vào năm 1885 trong một lán gỗ nằm giữa hồ và xưởng phát điện. Biên tập viên tờ *Tương lai Bắc kỳ* viết: “*buổi trình diễn đầu tiên diễn ra vào ngày thứ hai 16-3-1885, tôi phải nhấn mạnh ngày này vì từ nay trở đi nó thuộc về lịch sử sân khấu Hà Nội... Mọi người tập trung trong khoảng một trăm mét vuông của căn phòng, tường bằng liếp, mái rạ, sàn bằng đất nên nhưng trang trí lịch sự theo kiểu châu Á. Các diễn viên của chúng ta càng xứng đáng vì họ hoàn toàn thiếu những dụng cụ cần thiết nhưng nhiều khi không tránh khỏi quên lời thoại vì nội dung hoàn toàn ngược với trang trí*”.

Nhóm kịch có hai diễn viên chuyên nghiệp là vợ chồng ông Deschamps, họ được một số diễn viên nghiệp dư có nhiệt tình phụ trợ. Nhóm đã mang lại sự thành công thực sự và mọi người chúc mừng vợ chồng ông Deschamps về “*sự cách tân sân khấu khi xây dựng một nhà hát kiểu Pháp ở Bắc kỳ*...” Tuy nhiên, điều này không ngăn được sự tuyên bố thất bại của nhà hát Deschamps vào ngày 21-3-1886, gần đúng một năm sau buổi diễn đầu tiên.

Các cuộc đi dạo cực kỳ hạn chế vì các toán cướp đi lại trong các khu liên ngay với thành phố nhưng đã được thay thế bằng bơi thuyền, một việc có thể thực hiện tốt ở Hồ Gươm cũng như Hồ Tây. Năm 1883, cao ủy Harmand khai trương việc đua thuyền trên Hồ Gươm bằng một chiếc thuyền độc mộc mười người chèo có chỗ ngồi thoải mái che bằng mái nhẹ⁽²⁶⁾. Các nhà báo Paris trọ bên bờ Hồ Gươm mỗi người có một chiếc thuyền, ngoài ra còn có hai chiếc canô dành cho khách của Đại Khách sạn ở phố Hàng Thêu như nói ở trên. Mỗi năm vào ngày 14-7, người ta tổ chức thi thuyền độc mộc và thuyền thúng cho dân bản xứ, mỗi đội có màu áo riêng. Điểm xuất phát là đảo Ngọc Sơn. Mỗi thuyền, ngoài các tay chèo và người bẻ lái còn có một người đánh trống⁽²⁷⁾.

Là thủ đô trí tuệ của Đông Dương trong tương lai, ngay từ buổi ban đầu Hà Nội đã mở ra sự tôn thờ các giá trị tinh thần: nếu Viện Hàn lâm Bắc kỳ (Académie tonkinoise) chưa đáp ứng được những gì Paul Bert mong đợi thì Ủy ban Nghiên cứu Nông Công Thương (Comité des Etudes agricoles, industrielles et commerciales) đã có những phiên họp khá lý thú vào năm 1886 và 1887. *Tờ Tương lai Bắc kỳ* do nhà

(26) Xem bức ảnh của P.Bonnetain, Extrême Orient, Paris, tr. 611.

(27) Xem báo *Tương lai Bắc kỳ* số ngày 15-7-1885.

SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP

báo tài năng Jules Cousin phụ trách đã cho đăng tải những bài nghiên cứu đặc sắc của Dumoutier và trung úy Lassalle (dưới bút danh Yann). Một trong những cơ sở dịch vụ có tổ chức là nhà in chính phủ và một trong những cửa hàng tại phố Hàng Khảm là hiệu sách. Đó là những dấu hiệu văn hóa.

Từ năm 1886, ông L. Gillet mở một phòng đọc sách với giá hai đồng một tháng hoặc hai mươi xu mỗi cuốn. Năm 1888, nhà Schneider cho thuê một phần sách trong hiệu sách của mình với cùng biểu giá.

*

* *

Ở các phần trên, chúng tôi đã cố gắng ghi lại những chi tiết đặc trưng nhất trong sự phát triển Hà Nội trong những năm đầu tiên khi người Pháp tới Bắc kỳ. Để thành phố có thể phát triển thoáng hơn, cần phải cho nó một quy chế tự trị về hành chính và lãnh thổ: hai yêu cầu này được thực hiện vào năm 1888 bởi nghị định ngày 19-7 của toàn quyền thành lập hội đồng thị chính và đạo dụ ngày 3-10 mở rộng khu nhượng địa ra toàn thành phố Hà Nội.

Thành phố cổ An Nam từ nay trở đi là một thành phố hoàn toàn Pháp, nhanh chóng cuốn vào nhịp điệu cuộc sống hiện đại. Tất cả những ai, Pháp và Nam, hôm nay đang hưởng những tiến bộ không được quên những hy sinh của những người lao động trong thời kỳ hào hùng.

PHỤ LỤC ẢNH

Để giúp bạn đọc có tài liệu tham khảo, chúng tôi chọn in lại 36 ảnh chụp sau đây, với những lời chú thích do người dịch soạn.

Ảnh 1: Vọng Cung (Temple de l'esprit du roi) ở Hà Nội (Francis Garnier đã ở đây).

Bản kẽm của trường Viễn Đông Bác Cổ chế theo một tranh khắc gỗ minh họa bài *Công cuộc chinh phục đồng bằng Bắc kỳ* (La Conquête du delta du Tong-king) của F.Romanet đăng trên báo *Le Tour du Monde*, đệ nhị lục cá nguyệt năm 1877, trang 296. Chú thích tranh khắc: Vọng Cung. Tranh vẽ của Clerget theo phác thảo của ông P*. Kích thước: 16x12cm.

Bức tranh khắc này có điểm lý thú là được vẽ theo phác thảo của một người trong đạo quân viễn chinh Francis Garnier, nhiều khả năng là chuẩn úy Perrin. Nếu tham khảo bức hình ở trang 55 trong cuốn *Một chiến dịch ở Bắc kỳ* (Une campagne au Tonkin) của bác sĩ Hocquard xuất bản năm 1892 thì chắc chắn ngôi đền đẹp trong hình chính là điện Kính Thiên và hình như bức tranh này được khắc theo một bức ảnh.

Ảnh 2: Một cảnh hồ Hoàn Kiếm năm 1884, chỗ gần ngôi nhà hiên này là rạp Philharmonique.

Ảnh chụp lại theo bản của Thư viện Trung ương Đông Dương do bác sĩ Hocquard chụp năm 1884 và do Cremnitz xuất bản.

PHỤ LỤC ẢNH

Bác sĩ Hocquard năm 1884 được bổ nhiệm làm bác sĩ quân y lưu động theo các đơn vị tới Bắc Kỳ dưới sự chỉ huy của tướng Millot. Trong thời gian ở Bắc kỳ và Trung kỳ, từ tháng 2-1884 tới tháng 2-1886, ông đã tạo được một bộ sưu tập quý giá gồm 200 bức ảnh. Sau khi ông trở về Pháp, bộ sưu tập được Cremnitz in thành album. Theo chúng tôi biết, hiện nay ở Đông Dương chỉ còn hai bộ không hoàn chỉnh: một bộ 104 ảnh thuộc Trường Viễn Đông Bác Cổ, một bộ 29 ảnh thuộc Thư viện Trung ương Đông Dương. Chính dựa theo những bức ảnh này người ta đã khắc các tranh minh họa cho hồi ký của bác sĩ Hocquard do nhà xuất bản Hachette in năm 1892 dưới tựa đề *Một chiến dịch ở Bắc kỳ*.

Bức ảnh này được chụp từ chiếc cầu dẫn lên đảo Ngọc Sơn (xem hình 37). Ngôi chùa ở phía trước bên phải hiện nay vẫn còn (chính là đền Bà Kiệu - ND). Trên bờ hồ người ta nhận rõ một đơn vị lính người Bắc kỳ. Năm 1884 những người lính này đóng trong những ngôi nhà cạnh đó.

Ảnh 3: Tòa Trú sứ đầu tiên của Pháp ở Hà Nội tại phố Hàng Gai năm 1884.

Ảnh chụp lại theo bản của Thư viện Trung ương Đông Dương do bác sĩ Hocquard chụp năm 1884 và do Cremnitz xuất bản. Kích thước ảnh: 24x17,5cm.

Các phòng làm việc của tòa trú sứ ở trong ngôi nhà bên phải ảnh, có hai cột cờ ở phía trước. Mặt trước nhà gắn một chiếc phù hiệu ghi "Tòa Trú sứ Pháp, Hà Nội". Cuối phố có một chiếc cổng. Ngôi

chùa nhỏ và chiếc cổng thấy rõ bên trái trước đám lá, hiện nay vẫn còn.

Theo những thông tin do ông Piglowski vui lòng cung cấp cho chúng tôi, những người Pháp có mặt trong tám ảnh này từ phải sang trái là: ở chân cột cờ là bác sĩ Hocquard (mặc đồ dạ, cầm ô), trú sứ Bonnal (quần vải, áo dạ); trưởng ấn Aumoitte (mặc đồ vải); ông Perez Castera (mặc đồ vải, cầm can) ông Piglowski (mặc đồ vải).

Ảnh 4: Tấn công của Đông Nam thành Hà Nội ngày 20-11-1873.

Bản kèm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế theo một tranh khắc minh họa bài *Công cuộc chinh phục đồng bằng Bắc kỳ* của F.Romanet đăng trên báo *Le Tour du Monde*, đệ nhị lục cá nguyệt năm 1877, trang 295. Chú thích tranh khắc: “Công sự góc của thành Hà Nội - Tranh vẽ của A.Ferdinandus theo phác thảo của ông P*”. Kích thước tranh: 16x8cm.

Tranh khắc này hơi sơ sài nhưng trình bày khá chính xác trận tấn công vào cửa Đông Nam như báo cáo quân sự của Francis Garnier: trong khi các lính bắn tỉa bắn hạ những người phòng thủ trên lũy thì thiếu úy hải quân Esmezes cho pháo binh chiếm cầu vượt hào để bắn thủng cửa.

Ảnh 5: Sơ đồ Trường Thi năm 1875.

Ảnh chụp sơ đồ gốc lưu trữ tại Sở Lưu trữ Trung ương, phần Hồ sơ các Đô đốc số 13524. Sơ đồ này được đính kèm theo bức thư ngày 13.9.1875 của viên chỉ huy Chapotot gửi đô đốc Duperré, thống đốc Nam kỳ. Kích thước sơ đồ: 32x21.5cm.

PHỤ LỤC ẢNH

Bên phải là khu thí sinh, nó hoàn toàn trống trơn trừ nhà Thập đạo ở giữa. Khu này thông với bên ngoài qua chín cái cửa và thông với khu giám khảo qua một cái cửa.

Bên trái sơ đồ, ta đọc được các ghi chú cho biết mục đích sử dụng của các ngôi nhà vào năm 1875 phục vụ Trú sứ và đoàn tùy tùng quân sự.

Ảnh 6: Francis Garnier

Ảnh chụp lại từ ảnh trang đầu của cuốn *F.Garnier, voyage d'exploration en Indochine*, nhà xuất bản Hachette, Paris, xuất bản năm 1885. Bức chân dung này do Léon Olivier vẽ và do H.Thiriat khắc. Kích thước: 13x10cm.

Ảnh 7: Cửa Bắc Thành Hà Nội chụp năm 1884.

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế theo một bức ảnh do bác sĩ Hocquard chụp năm 1884 và do Cremitz xuất bản. Kích thước ảnh: 23x17cm.

Đại lộ Carnot (nay là Phan Đình Phùng - ND) ngày nay chạy trên hào cũ lúc đó đầy nước như thấy trên ảnh. Riêng phần cổng ngày nay vẫn còn nhưng chiếc tháp canh bên trên đã bị biến dạng.

Ảnh 8: Sơ đồ thành Hà Nội năm 1888

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế theo sơ đồ ngày 2.7.1888. Một bản sao của sơ đồ này hiện lưu trữ tại Thư viện của Trường Viễn Đông Bác Cổ (A.1.4.9). Kích thước ảnh: 36x36cm.

Sơ đồ này cho phép nghiên cứu đường đi của tường thành: các mặt thành Tây, Bắc và Đông có

cửa ở chính giữa được bảo vệ bằng một lũy bán nguyệt ở phía trước và được che sườn bằng hai pháo đài nhô ra ở hai bên. Các pháo đài nhô ra này liên kết với các pháo đài góc bằng các đường liên tháp. Riêng mặt Nam, cửa trung tâm được thay thế bằng một đường liên tháp còn hai cửa bên được trở ra từ khu vực giữa pháo đài nhô và pháo đài góc.

Ta biết rằng thiết kế pháo đài nhô ra từ mặt tường thành đã được dùng ở châu Âu từ thế kỷ 16 và được Vauban hoàn thiện. Thiết kế này được những người bạn của giám mục Bá Đa Lộc đưa vào Đông Dương vào cuối thế kỷ 18.

Ảnh 9: Tường thành Hà Nội

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ (7.1928).

Một pháo đài nhô gồm hai mặt và hai sườn. Bức ảnh này chụp trước góc (ở bên trái hai cây cột một chút - ND) hợp bởi mặt và sườn Tây Bắc của pháo đài nhô nằm giữa cửa Cửa Tây và pháo đài góc Tây Nam. Pháo đài nhô này, vết tích cuối cùng của thành được ký hiệu bằng chữ A trên sơ đồ các công trình đã bị biến mất và còn được bảo tồn ở Hà Nội (hình 40). Đoạn tường này hiện nằm trong khu các tòa nhà của Kho thuốc súng.

Ảnh 10: Tường thành Hà Nội. Phía trước là hào cũ đã bị lấp.

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ (7.1928). Mặt Tây Bắc của pháo đài nhô.

Ảnh 11: “Ngự Môn” (Entrée Réserve) của Quốc tự: hình dạng cũ mặt Nam.

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế theo một tranh vẽ năm 1888 và được lưu giữ tại Thư viện của Trường Viễn Đông Bác Cổ (A.1.4.9, số 4). Kích thước: 63x18.5cm. Chúng tôi chỉ trưng ra phần nâng cao của Ngự Môn nhưng Thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ còn có chi tiết của các đường chỉ, hình thiết diện và sơ đồ của công trình này cũng như các sơ đồ của Hậu Lâu và các cầu thang.

Ảnh 12: Hình dạng hiện nay của các mặt Bắc “Ngự Môn” của Quốc tự.

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ (7.1928).

Ảnh 13: Cầu thang lên thêm điện Kính Thiên.

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ (7.1928).

Ảnh 14: Chi tiết bậc thang điện Kính Thiên.

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ (7.1928)

Phía trước, ta nhìn thấy con rồng rất giống với những con rồng của Lăng Gia Long ở Huế. Phía xa, ta thấy các họa tiết chạm bán nổi trên mặt chiếc lan can ở bên. Họa sĩ Inguimberty (giáo sư trường Mỹ thuật Đông Dương - ND), đã phát hiện một họa tiết giống hệt ở Lam Sơn, đại lý (đơn vị hành chính ở miền núi thời bảo hộ - ND) Bái Thượng, tỉnh Thanh Hoá (Bắc Trung kỳ).

Ảnh 15: Cửa Tây tường bao Quốc tự.

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ (7.1928).

Ảnh 16: Tháp canh (nhân dân ta gọi là Cột Cờ - ND)

Bản kẽm của Phủ Toàn quyền.

Nằm trên trục của Quốc tự, Tháp canh là chòi canh của thành Hà Nội. Nó gồm có ba tầng hình chữ nhật diện tích giảm dần chồng lên nhau, phía trên dựng một cái tháp bát giác bên trong có hai cầu thang xoắn quanh nhau một cách độc lập. Kiểu cầu thang lạ lùng này giống như cầu thang của lâu đài Pierrefonds và lâu đài Chambord, nó cũng được thấy trong các thành khác của Đông Dương nhất là thành Sơn Tây.

Ảnh 17 và 18 ở dưới: Sơ đồ khu Nhượng địa Pháp ở Hà Nội năm 1875. Ở trên: Khu Nhượng địa năm 1926 chụp từ máy bay.

Ảnh chụp lại sơ đồ chính theo thỏa ước 31.8.1875 phân giới khu Nhượng địa và bức không ảnh cùng tỷ lệ của khu vực đó sau một nửa thế kỷ.

Trên sơ đồ ta thấy có những đầm hồ chạy dọc hai bên đoạn đê bao lấy thành phố, ngày nay là đại lộ Bobillot (nay là Lê Thánh Tôn - ND).

Trên bức ảnh của Cục Hàng không, phía trên ta thấy hai tòa nhà hình chữ T của trường Đại học ở hai bên tòa nhà trung tâm lúc đó đang xây dựng. Bên phải là nhà hát; bên trái là đài tưởng niệm ở

PHỤ LỤC ẢNH

ngĩa trang cũ, trên một chút chiếc đĩa trắng, ảnh của tháp nước. Phố Thống chế Galliéni và phố Paubarède (nay là Đặng Thái Thân - ND) hầu như không thấy được dưới các hàng cây.

Ảnh 19: Khu Nhượng địa năm 1877

Từ trái sang phải: Trại lính - Khu nhà ở của chỉ huy trưởng công binh, tổng chỉ huy quân đội và sĩ quan - Tòa Lãnh sự - Tòa chuông ấn.

Bản kèm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế theo tranh khắc của A. Duroy trong tạp chí *Illustration*. Tranh khắc theo ảnh của E. Millot trong bài *l'Expédition Dupuis du Fleuve Rouge* (Les Annales d'Etrême-Orient, 1880-1881, trang 208). Kích thước: 31x4.6cm.

Ảnh 20: Mặt bên tòa Lãnh sự trong khu Nhượng địa.

Bản kèm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế trong thời kỳ tòa nhà này dùng làm Bảo tàng của Trường Viễn Đông Bác Cổ.

Ảnh 21: Henri Rivière

Bản kèm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế theo một tranh khắc minh họa cuốn sách *Les Expéditions françaises au Tonkin của Lechautcourt*, xuất bản tại Paris 1888, tập 1, trang 145. Kích thước: 9.5x8.5cm.

Ảnh 22: Ngôi nhà đầu tiên trong khu phố Hội Truyền giáo xây dựng năm 1876, bị quân Cờ Đen bao vây năm 1883.

HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1873 - 1888

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế tháng 1.1929 dưới sự lãnh đạo của ông Chavanieux.

Mặt nhà quay ra hướng Tây. Chính từ những cửa sổ tầng một của ngôi nhà này, các thủy thủ tàu Fanfare đã bắn nhau với quân Cờ Đen trong đêm 15 rạng ngày 16.5.1883. Căn phòng giám mục Puginier chết ngày 25.4.1892 ở phía Nam ngôi nhà này, tức là ở bên phải ảnh.

Ảnh 23: Nhà thờ Hà Nội được xây dựng từ năm 1884 tới năm 1887.

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế tháng 1-1929 dưới sự lãnh đạo của ông Chavanieux.

Mặt nhà thờ quay ra hướng Nam. Một ngôi nhà thờ nữa cũng kiểu quay ra hướng Tây.

Ảnh 24: Cổng phố Jean-Dupuis.

Bản kẽm của Phủ Toàn quyền.

Ảnh 25: Cổng phố Việt Đông (rue des Catonnais, nay là phố Hàng Ngang - ND).

Chụp lại theo tranh khắc minh họa tác phẩm *Một chiến dịch ở Bắc kỳ* của bác sĩ Hocquard, Hachette, Paris xuất bản 1892, trang 41. Chú thích ảnh: “Cổng phố Quảng Đông”

Kích thước ảnh: 18.5x16cm.

Ảnh 26: Quang cảnh phố Jean-Dupuis ngày xưa.

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế theo tranh khắc của A.Duroy trong tạp chí *Illustration*. Tranh khắc theo ảnh của E.Millot trong bài *l'Expédition Dupuis du Fleuve Rouge*

PHỤ LỤC ẢNH

(Les Annales d'Etrême-Orient, 1880-1881, trang 216). Kích thước: 21.8x14.6cm.

Phía trước, cổng phố bằng gỗ, là một hàng rào đơn giản dựng trên chỗ đất cao để canh gác. Phía xa tận cùng của ảnh là chiếc cổng bằng gạch hiện nay vẫn còn.

Ảnh 27: Đám rước một ông quan đi qua phố Hà Nội.

Ảnh chụp lại một tranh khắc minh họa bài *Công cuộc chinh phục đồng bằng Bắc kỳ* của nhà báo F.Romanet đăng trên báo *Le Tour du Monde*, 1877, tập 2, trang 297.

Chú thích tranh: “Phố Hà Nội và đám rước một ông quan lớn - Tranh của A.Ferdinandus dựa theo phác thảo của ông P*”.

Kích thước: 23.8x16cm.

Sẽ rất lý thú so sánh bức tranh khắc này với những mô tả của Labarthe mà chúng tôi trích lại trong chương 5.

Ảnh 28: Phòng khách của Bonal trong tòa Trú sứ đầu tiên của Pháp tại Hà Nội.

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế tháng 1.1929 dưới sự lãnh đạo của ông Chavanieux.

Vị trí chính xác của tòa Trú sứ cũ ở phố Hàng Gai này có ghi trên sơ đồ của ông Montalembert trong ảnh 39.

Ảnh 29: Chi tiết vì kèo tòa Trú sứ đầu tiên của Pháp tại Hà Nội.

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế tháng 1.1929 dưới sự lãnh đạo của ông Chavanieux.

Bộ vì kèo tuyệt đẹp này của phòng khách tòa Trú sứ do bị khuất nên không thấy được trong bức ảnh 28.

Ảnh 30: Ảnh dựng lại toàn cảnh chùa Khổ Hình.

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế theo tranh thuốc nước vẽ theo *trí nhớ* của một người An Nam và được lưu trữ tại Thư viện của Trường Viễn Đông Bác Cổ (D.19.1).

Tài liệu quý giá này cho phép hiểu vị trí chùa Khổ Hình đối với ngôi tháp nhỏ (xem ảnh 32) hiện nay vẫn còn trên đường Francis-Garnier. Chùa được bao bọc bởi một tường vây hình bát giác và chỉ có thể vào được sau khi đi theo một con đường xuất phát từ hồ Hoàn Kiếm và qua một cổng trên ảnh tiếp theo đây.

Ảnh 31: Cổng vào chùa Khổ Hình năm 1884

Bản kẽm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế theo một bức ảnh do bác sĩ Hocquard chụp năm 1884 và do Cremitz xuất bản. Kích thước ảnh: 16x10,5cm.

Phía trước, cầu mu lừa bắc qua một hào đầy nước.

Ảnh 32: Hòa Phong Tháp, di tích cuối cùng của chùa Khổ Hình.

Ảnh chụp lại một tranh khắc minh họa tác phẩm *Một chiến dịch ở Bắc kỳ* của bác sĩ Hocquard, nhà xuất bản Hachette, Paris, in năm 1892, tr.181.

Chú thích ảnh: “Buổi sáng trên hồ Hoàn Kiếm”.

Kích thước: 19x13cm.

PHỤ LỤC ẢNH

Phía trước bên phải, Hòa Phong Tháp có hình dáng y như hiện nay trừ bức tường như thấy trong ảnh 30. Giữa tranh là ngôi chùa nhỏ trên đảo Quy Sơn. Phía xa là bờ Tây của hồ.

Con đường ven bờ Đông, ngày nay trở thành đại lộ Francis Garnier, hồi đó chỉ là một con đường nhỏ bị kẹp, một bên là hồ, một bên là các đầm lầy (xem hình 35).

Ảnh 33: Dự án đầu tiên về chỉ giới Hà Nội và cảng thương mại. Đường đứt nét tương ứng với Đại La Thành, hay thành ngoài của Hà Nội. Đường đen giới hạn khu phố thương mại và khu phố có những cơ sở đầu tiên của người Pháp.

Ảnh chụp lại từ một sơ đồ lưu trữ tại Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương, phần Hồ sơ các Đô đốc số 13039.

Phía trên sơ đồ người ta đọc được: “phụ kèm theo thư ngày 30.7.1880”. Bức thư này do lãnh sự Kergaredec gửi cho thống đốc Le Myre de Vilers. Sơ đồ mang chữ ký của ông A.Aumoitte, người giữ ấn của lãnh sự Hà Nội và là người cộng tác chính của ông Kergaradec. Aumoitte đã gắn bó với Thư viện quốc gia (ở Paris - ND) tám năm trước khi sang Bắc kỳ. Sau này ông ta trở thành công sứ.

Ảnh 34: Cầu lên đảo Ngọc Sơn

Bản kèm của Trường Viễn Đông Bác Cổ chế theo một bức ảnh do bác sĩ Hocquard chụp năm 1884 và do Cremitz xuất bản. Kích thước 21.5x16.5cm.

Chiếc cầu mỏng manh này và chiếc cổng vào đã được thay thế bằng một chiếc cầu khác khỏe hơn và một chiếc cổng trang trí phong phú hơn. Đường nét mái chùa giữ nguyên tới ngày nay và cây bên phải rũ xuống hồ vẫn như vậy nhưng cảnh chính đã bị cất.

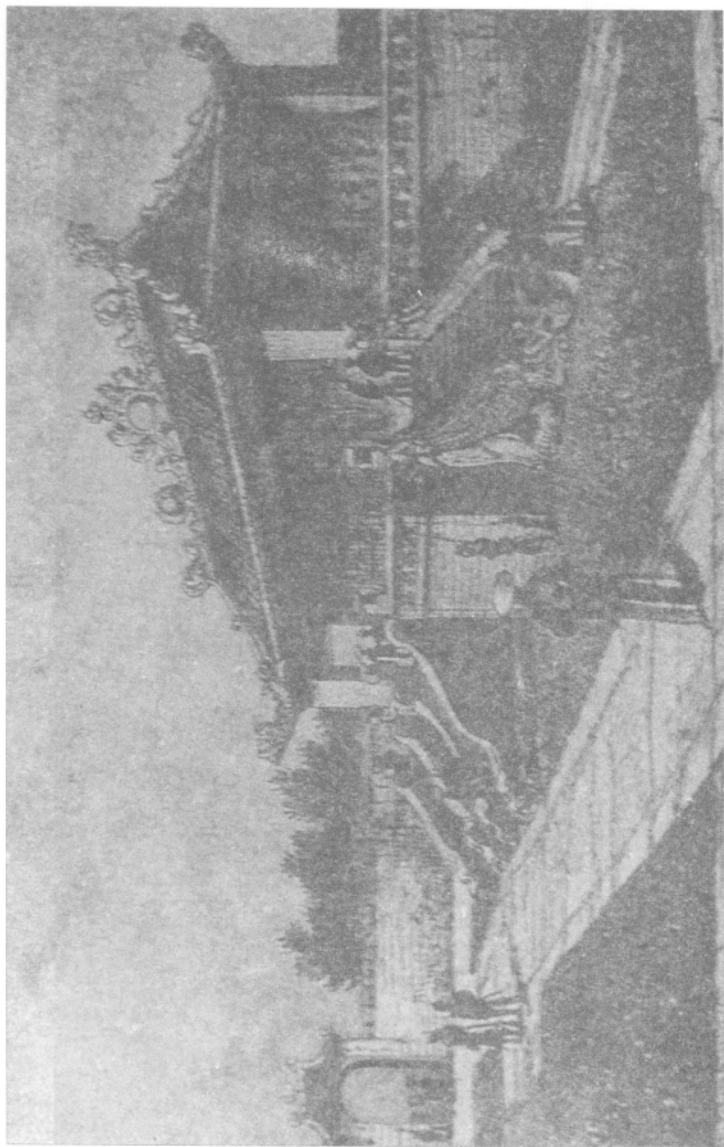
Ảnh 35: Sự phát triển của Hà Nội trong nửa thế kỷ. Tại vị trí các ao hồ và ruộng ngày nay mọc lên tòa Thống sứ, Ngân hàng Đông Dương, tòa Thị chính, Kho bạc, Bưu điện, Nhà máy điện v.v.

Ảnh thu nhỏ của sơ đồ lưu trữ tại Thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ (A.2.3.25) theo bản can do Cục Địa đồ Đông Dương thực hiện. Sơ đồ này do nhà đồ bản học Montalembert dựng năm 1884 là tài liệu chính xác nhất về mặt đồ bản cổ của Hà Nội. Không may là chỉ có một trong sáu tờ hợp thành sơ đồ đó được lưu giữ.

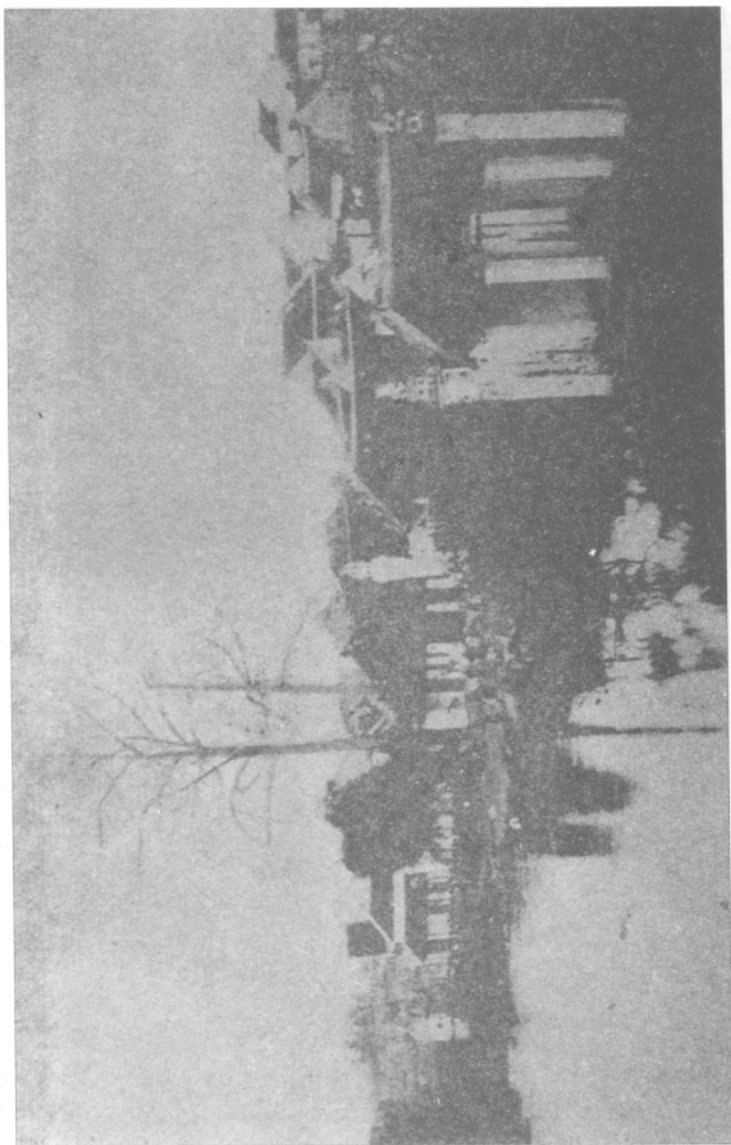
Chú ý: đường vành đai bao thành phố có hướng chung là đại lộ Đô đốc Courbet thỉnh thoảng có chỗ nhô ra. Phía dưới sơ đồ là chùa Khổ Hình. Phía trên bên trái là tòa Trú sứ ở phố Hàng Gai.

Ảnh 36: Sự phát triển của Hà Nội trong nửa thế kỷ. Sơ đồ Hà Nội năm 1876 vạch chồng lên một khung ảnh chụp năm 1926.

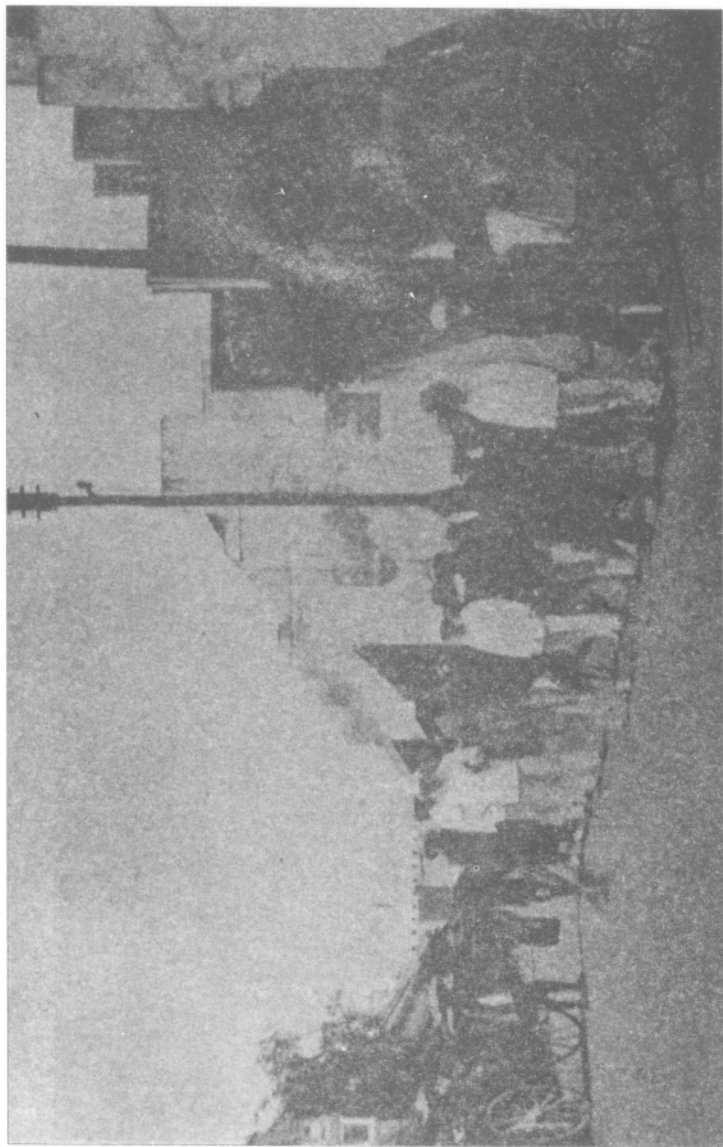
Bức ảnh của Cục Hàng không Đông Dương làm nổi bật những phố ngoằn ngoèo của khu bản xứ so với những ô bàn cờ đều đặn của các đại lộ trong khu phố Pháp.



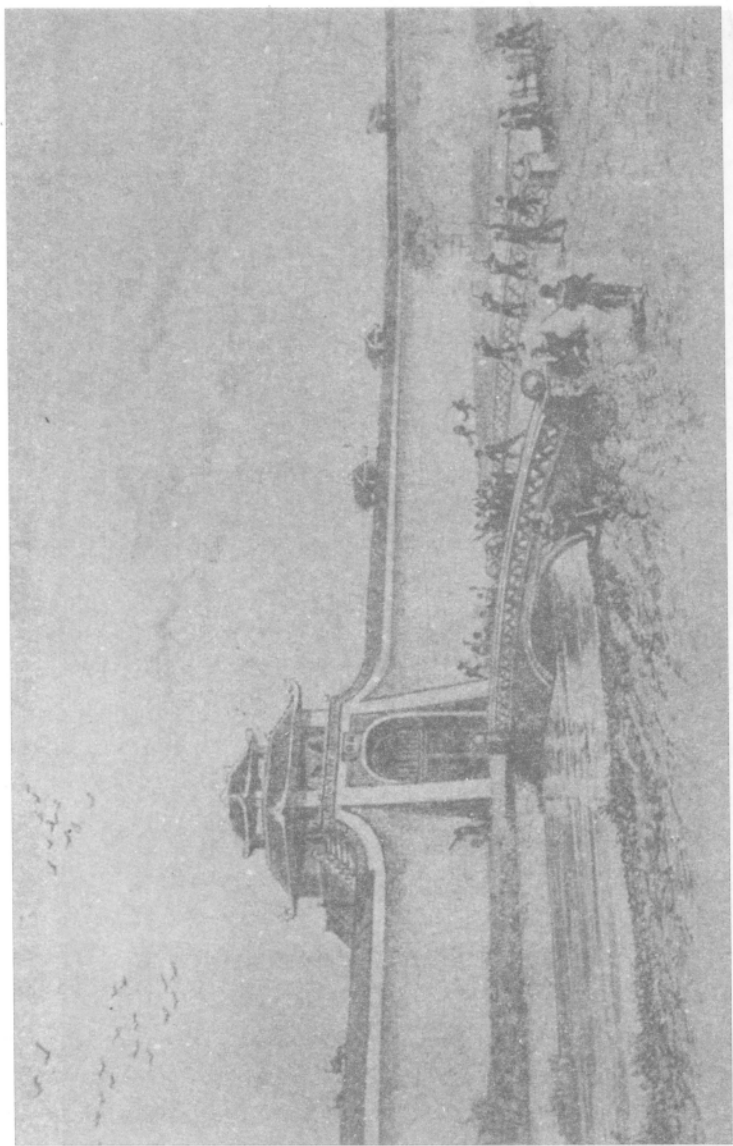
Ảnh 1



Ảnh 2



Ảnh 3

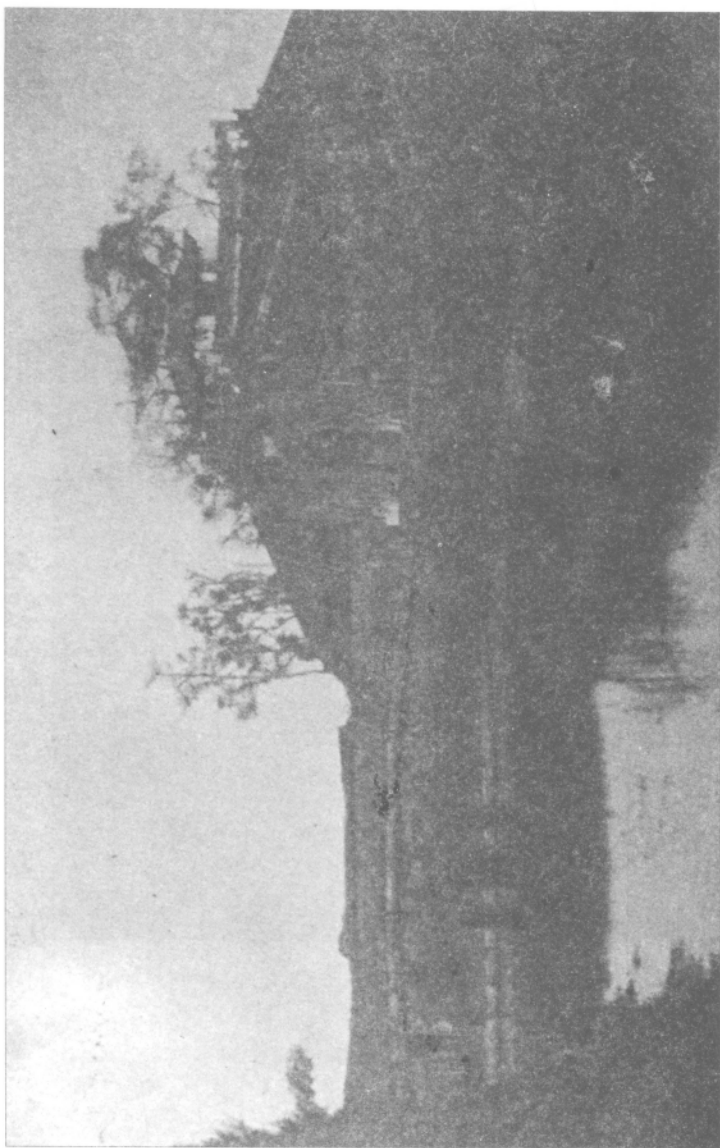


Ảnh 4

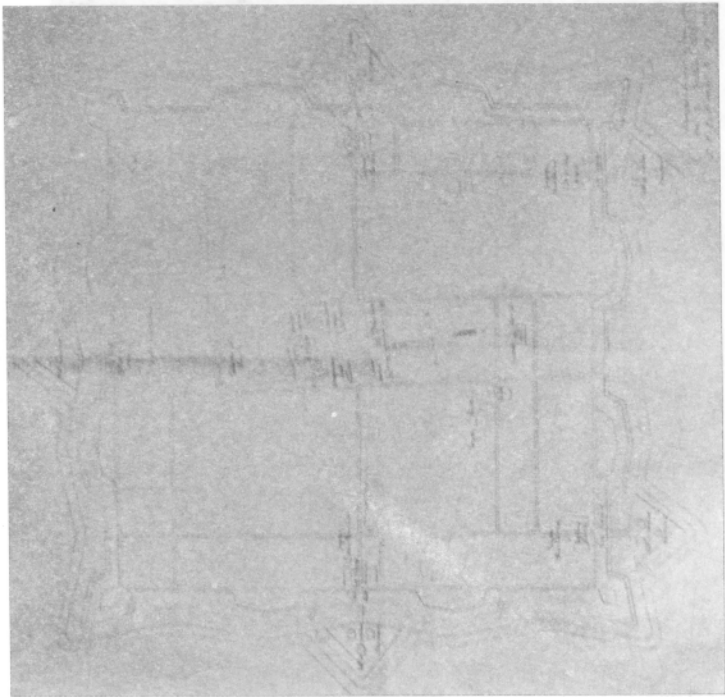
Ảnh 5



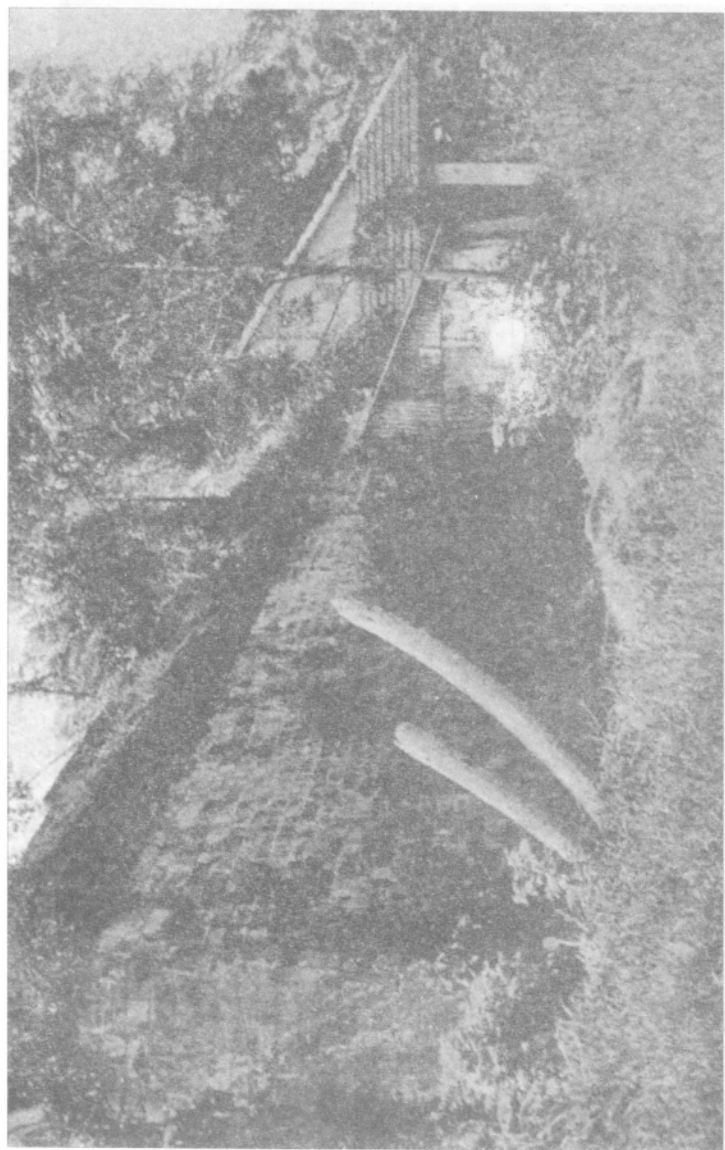
Ảnh 6



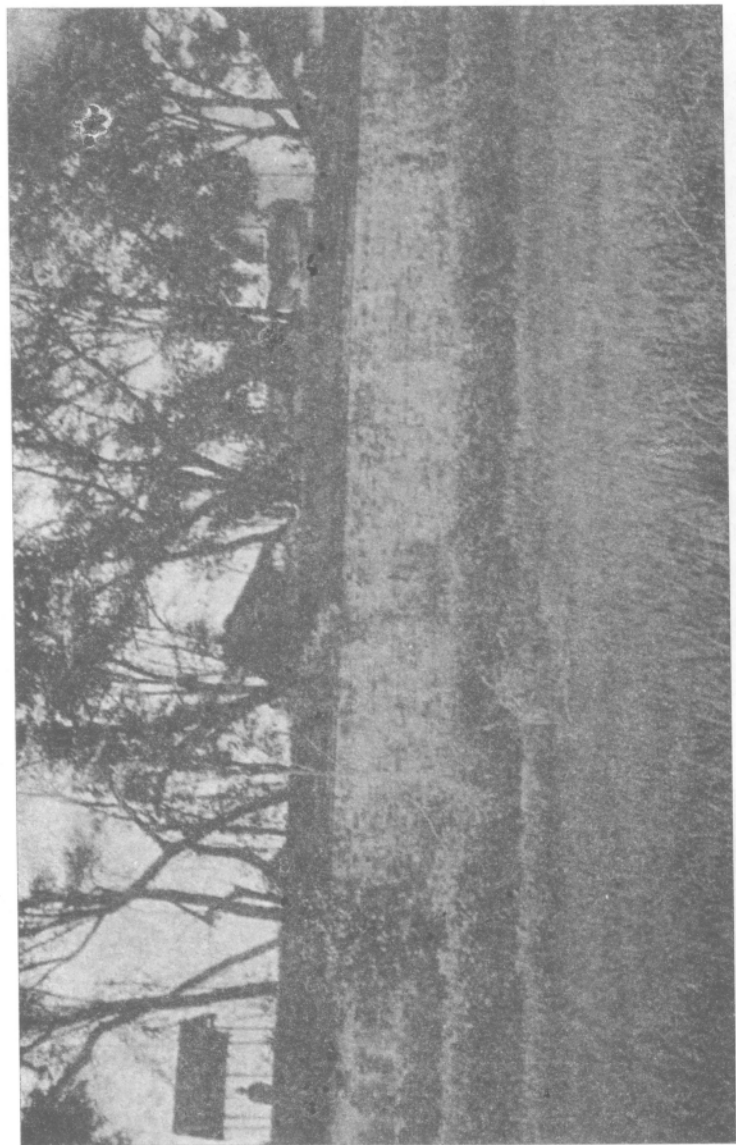
Ảnh 7



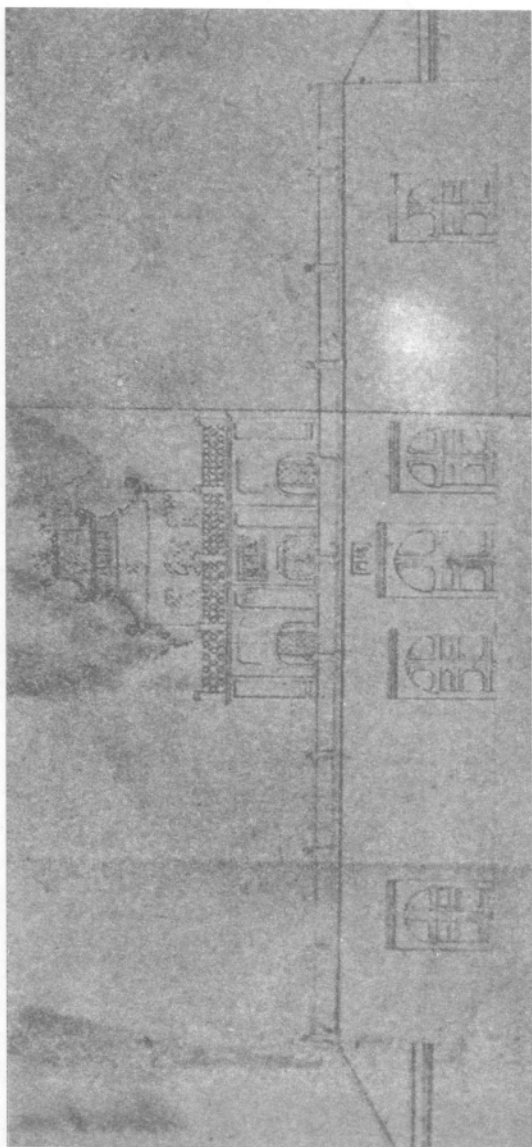
Ảnh 8



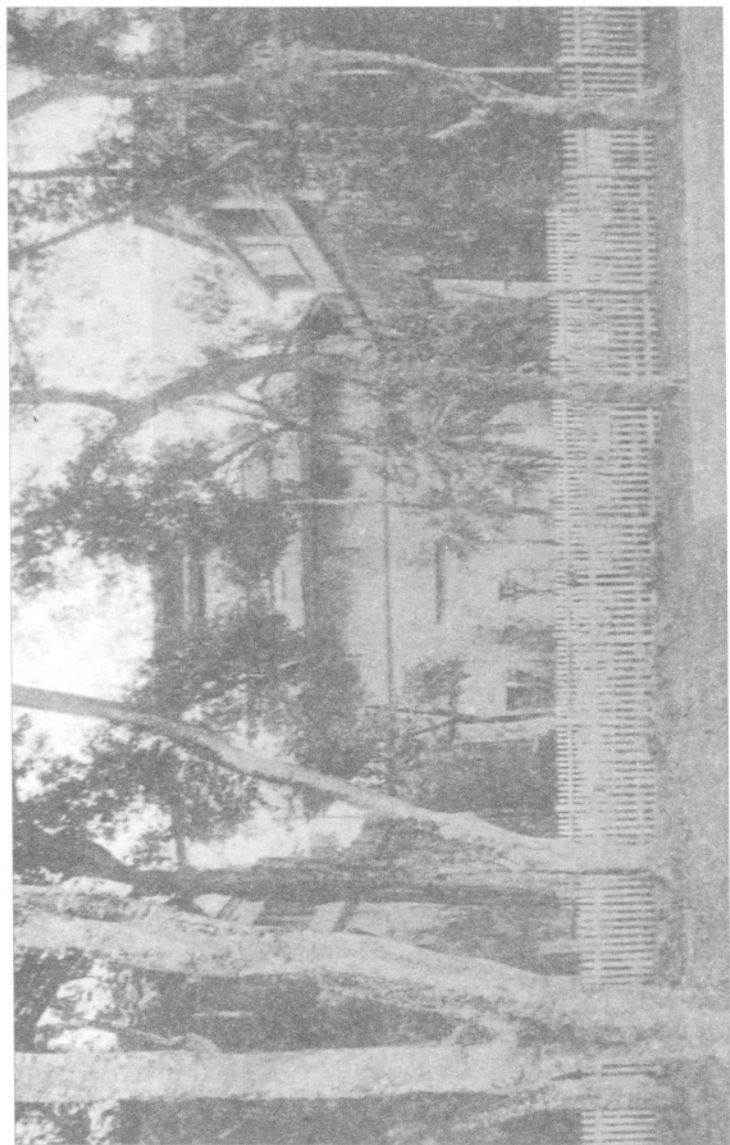
Ảnh 9



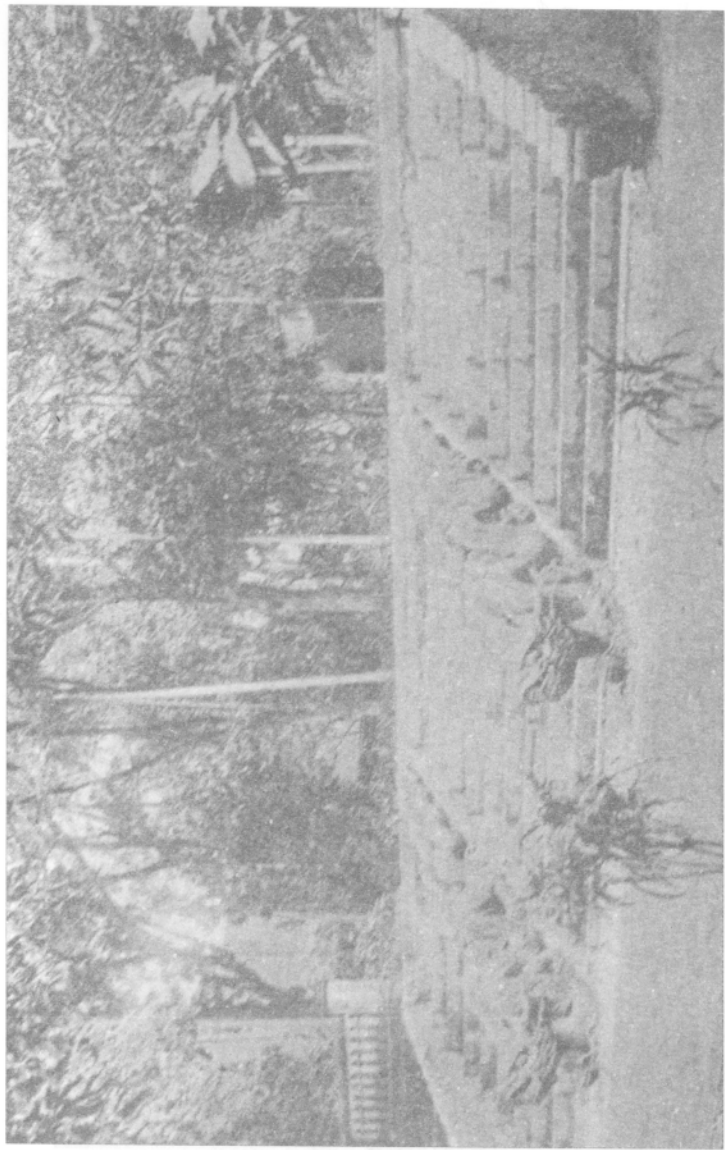
Ảnh 10



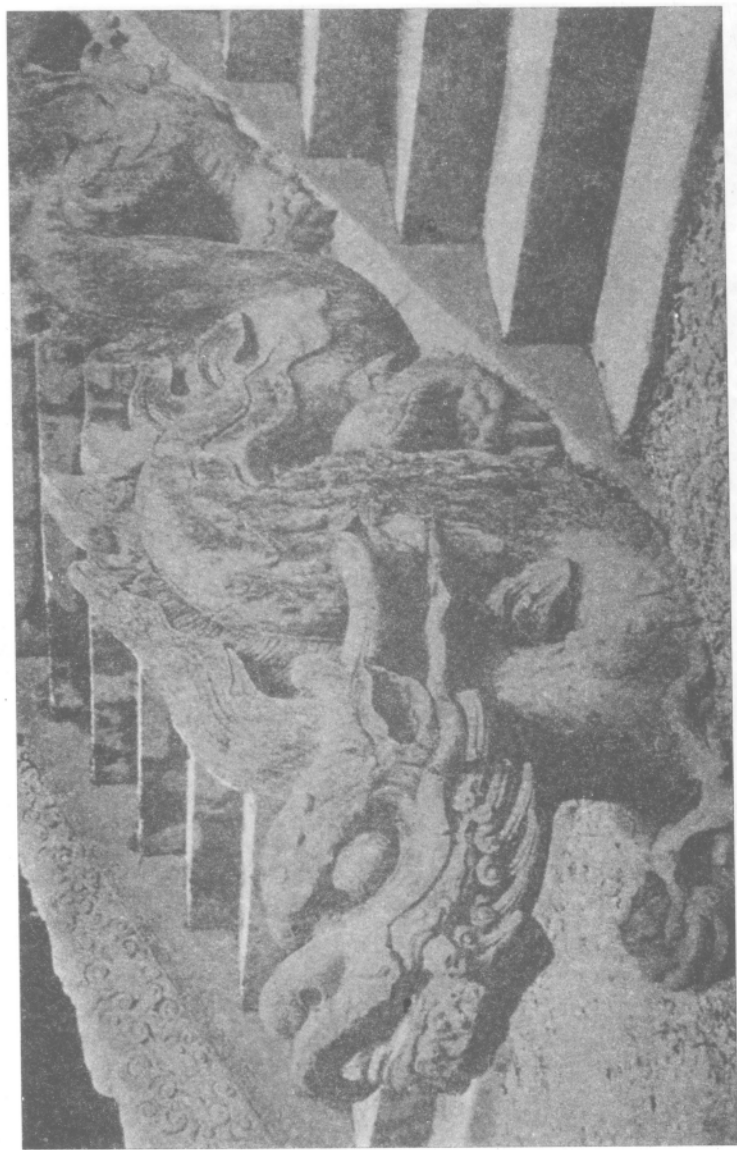
Ảnh 11



Ảnh 12



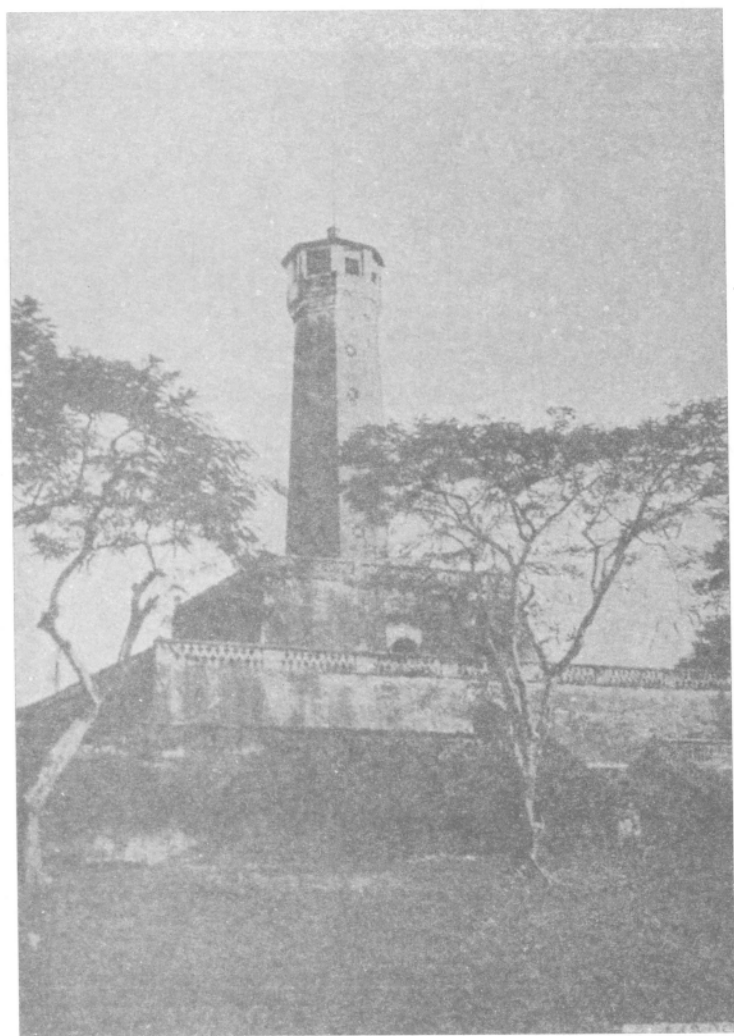
Ảnh 13



Ảnh 14



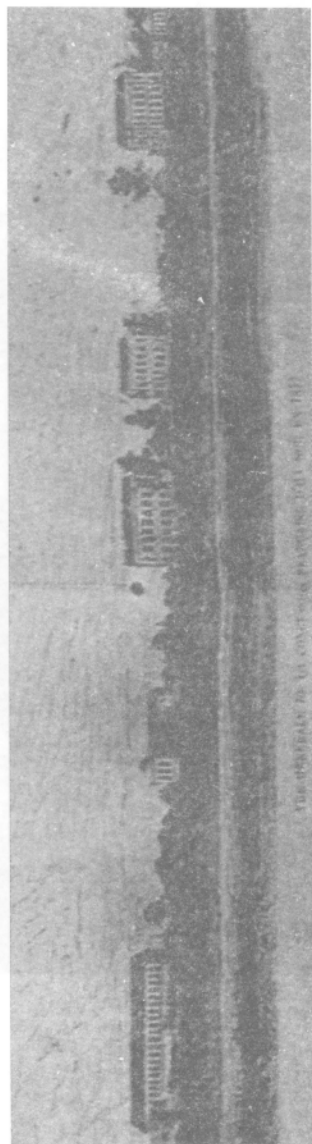
Ảnh 15



Ảnh 16

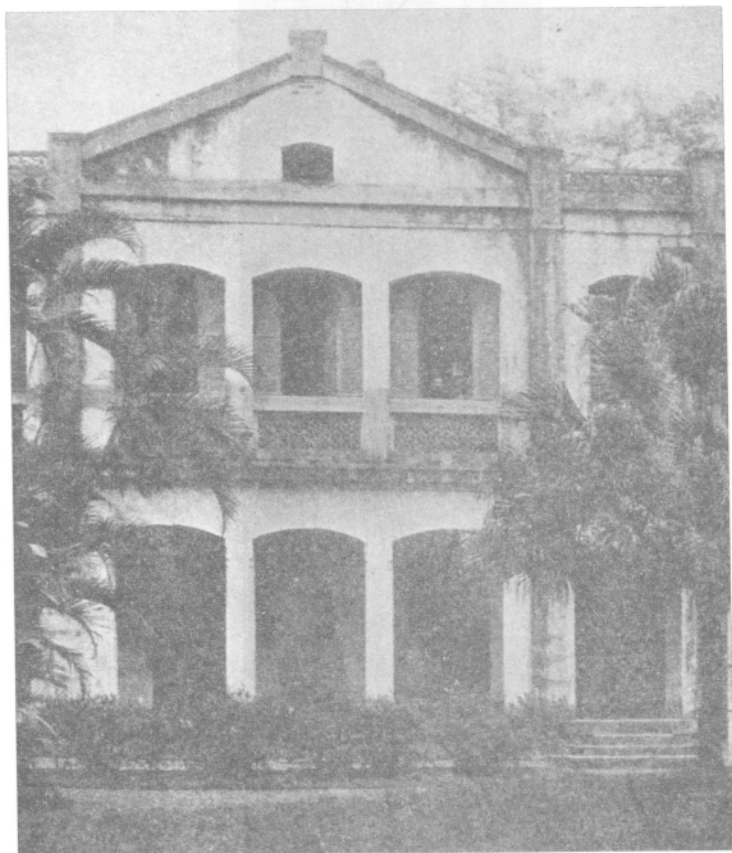


Ảnh 17



THE CHURCH OF ST. JOHN THE BAPTIST, 1911 (1911)

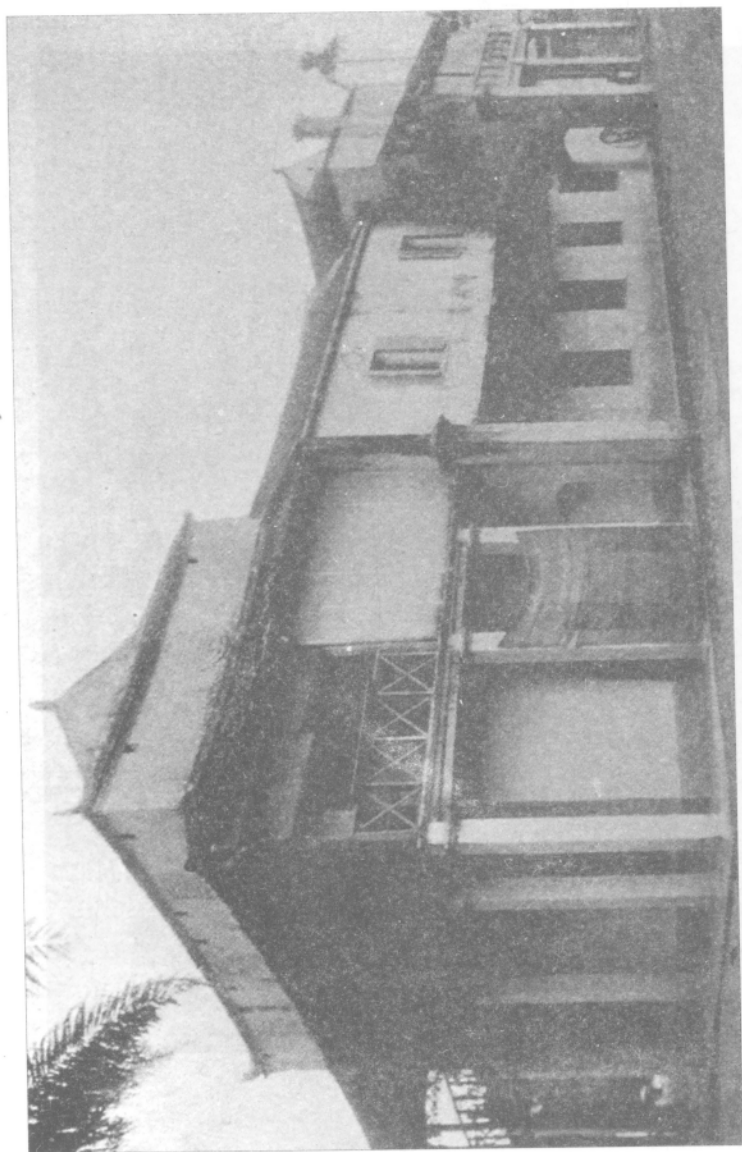
Ảnh 19



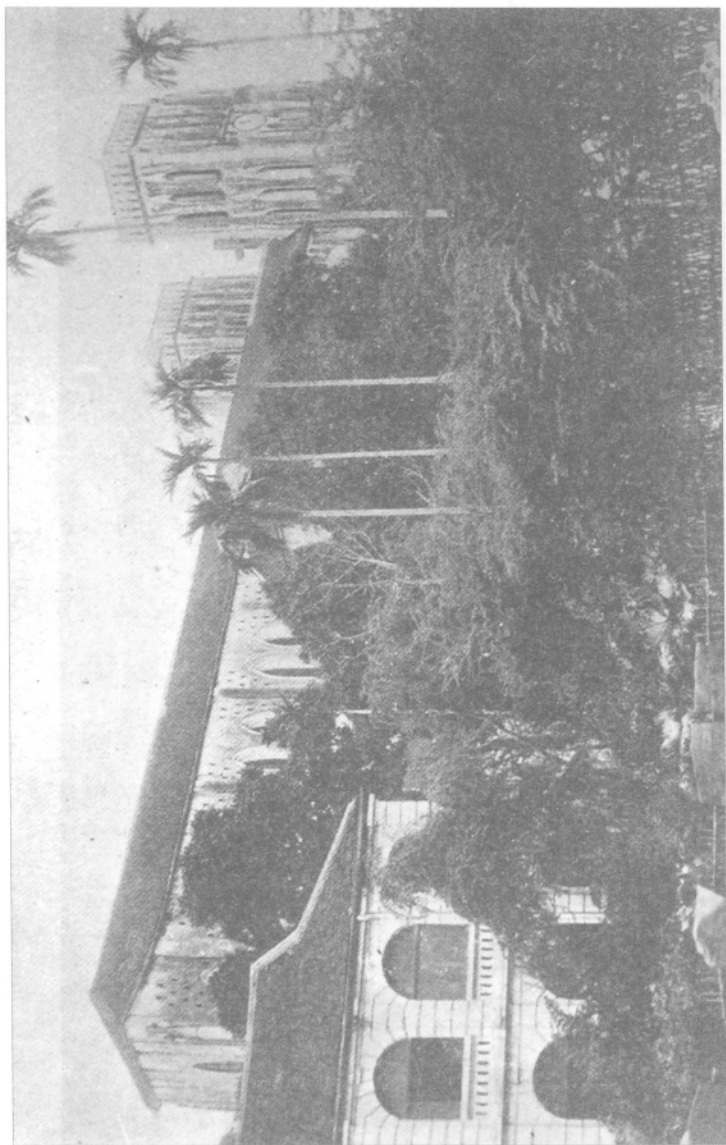
Ảnh 20



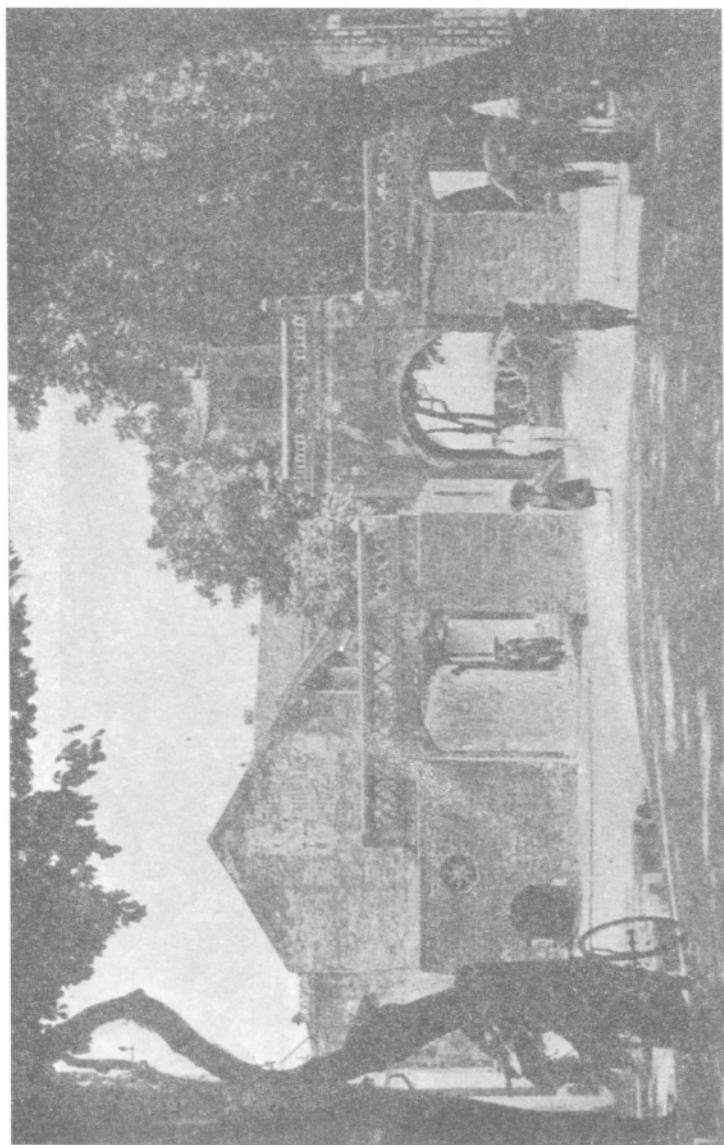
LE COMMANDANT RIVIÈRE



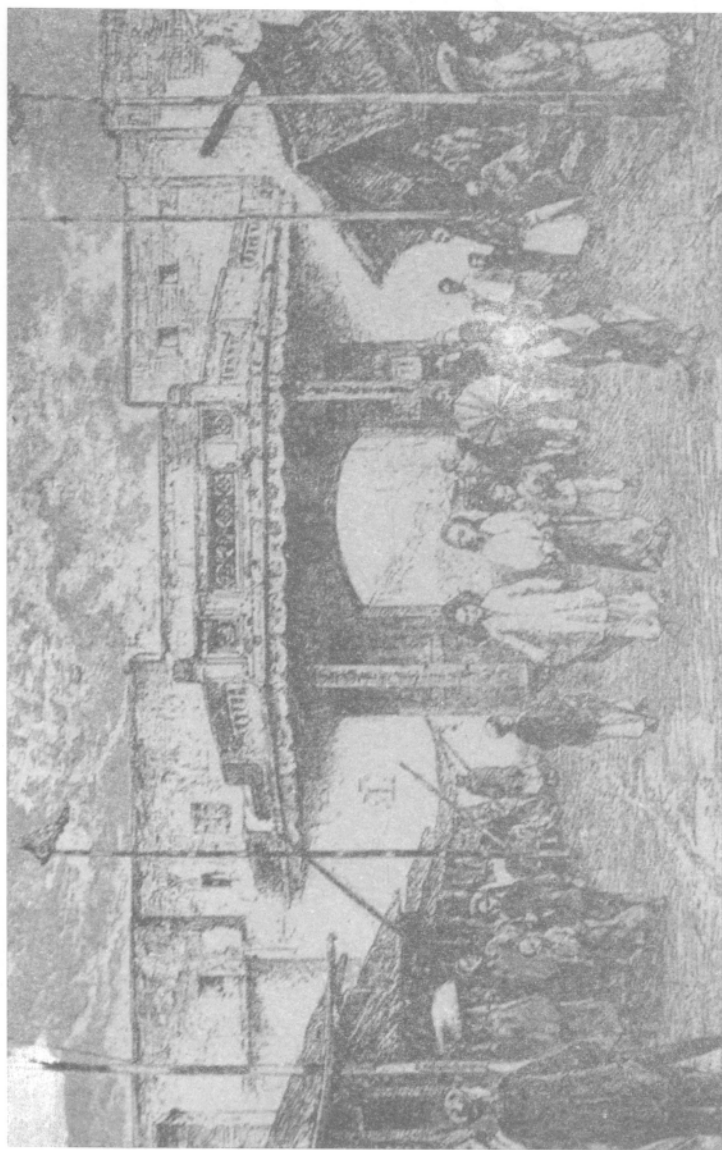
Ảnh 22



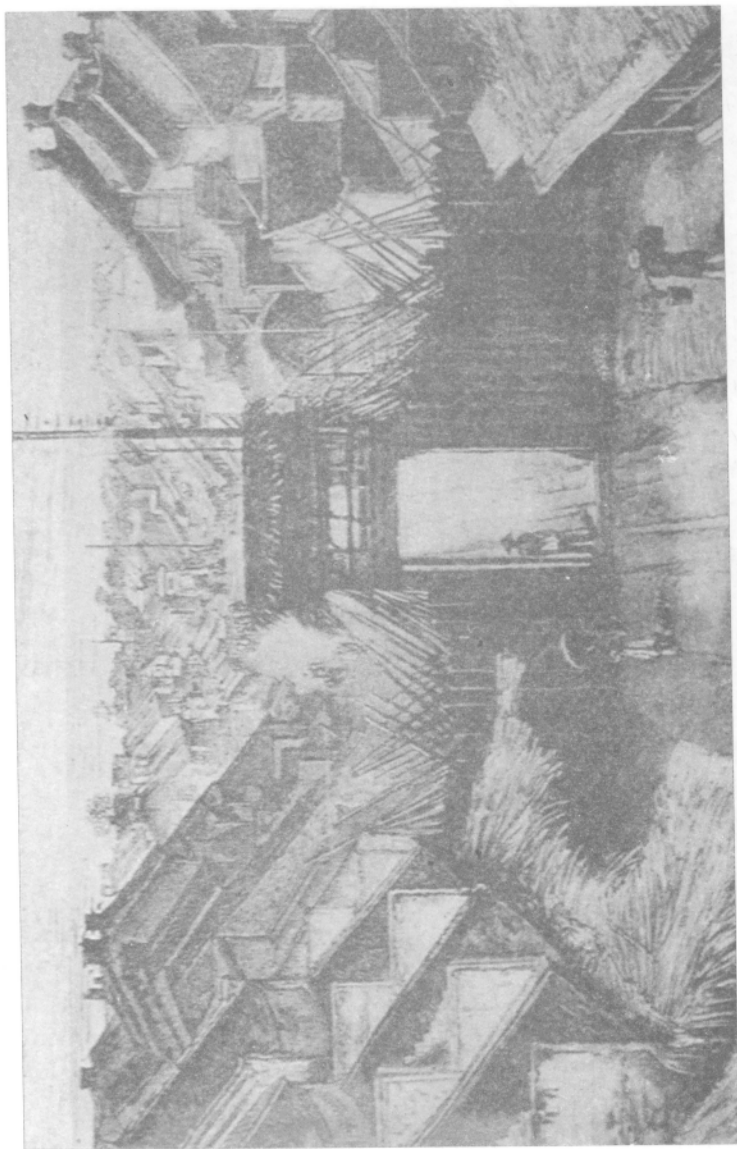
Ảnh 23



Ảnh 24



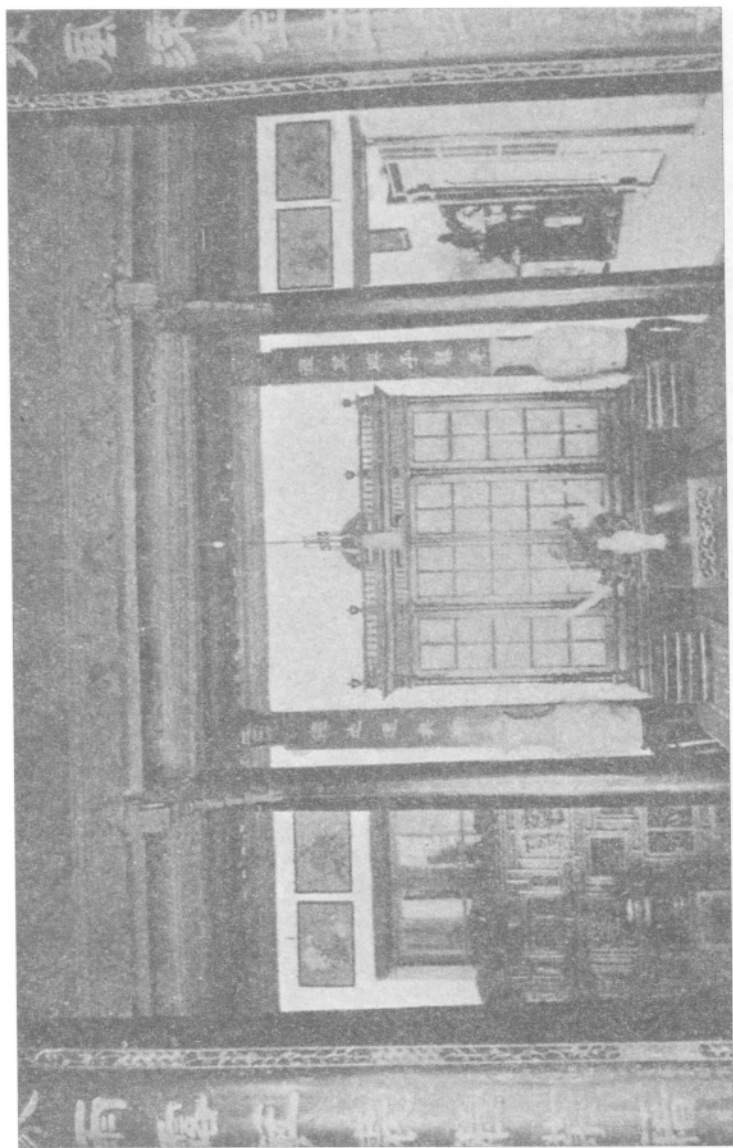
Ảnh 25

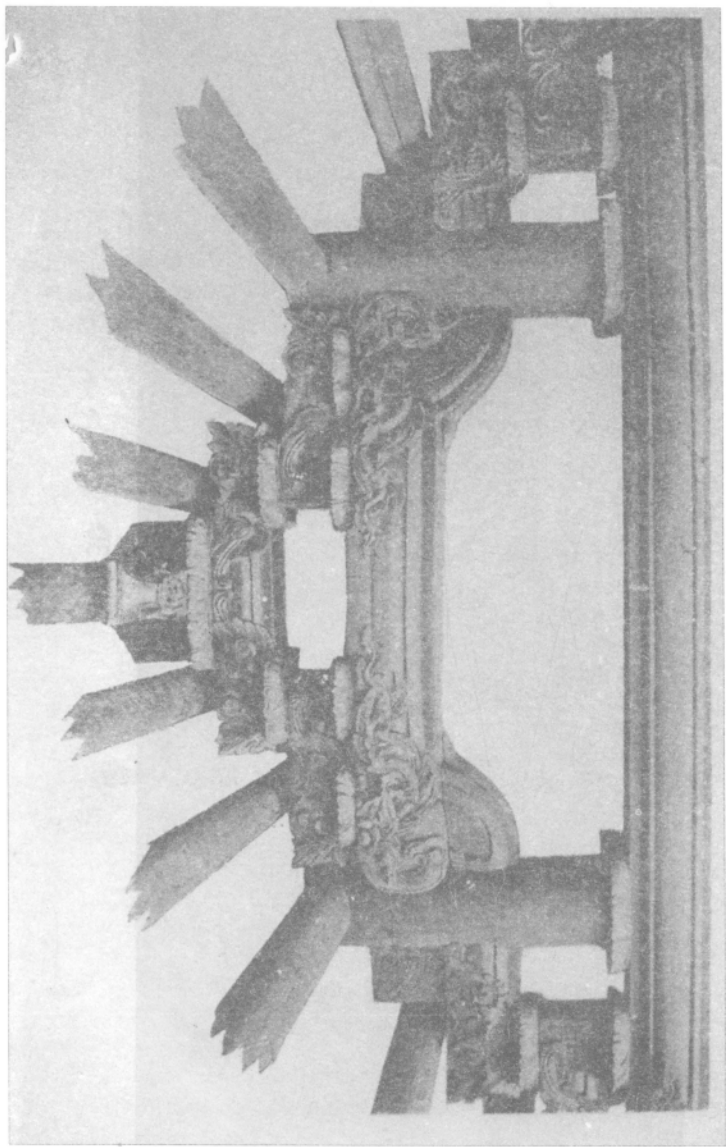


Ảnh 26



Ảnh 27

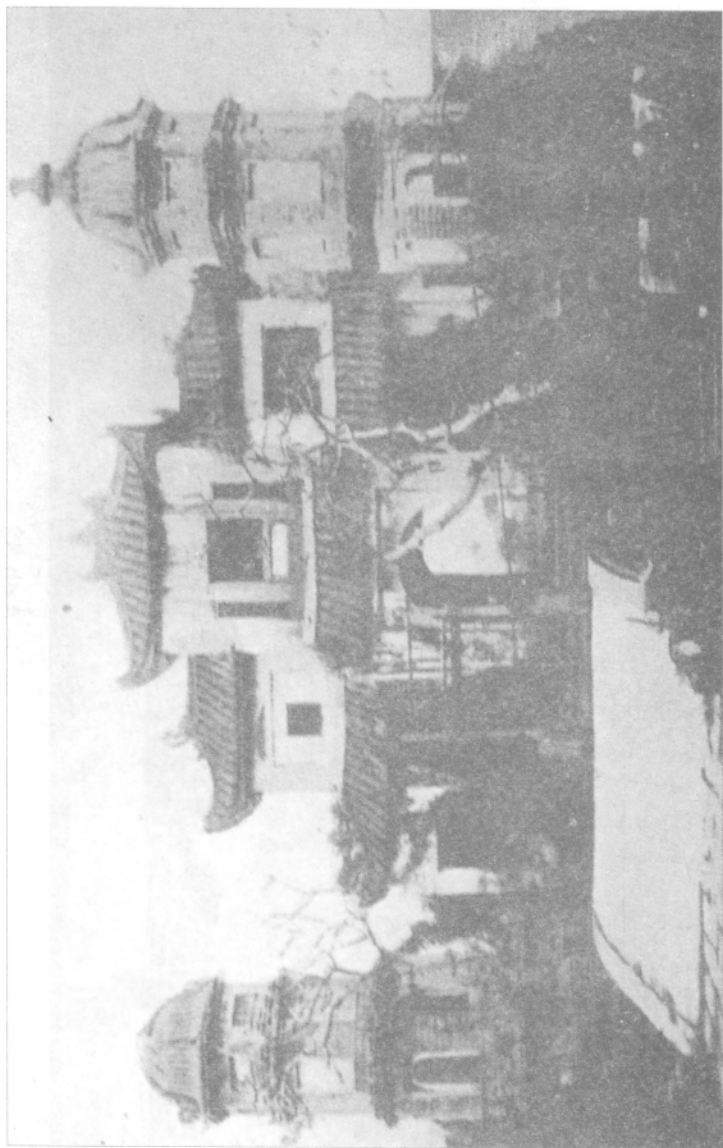




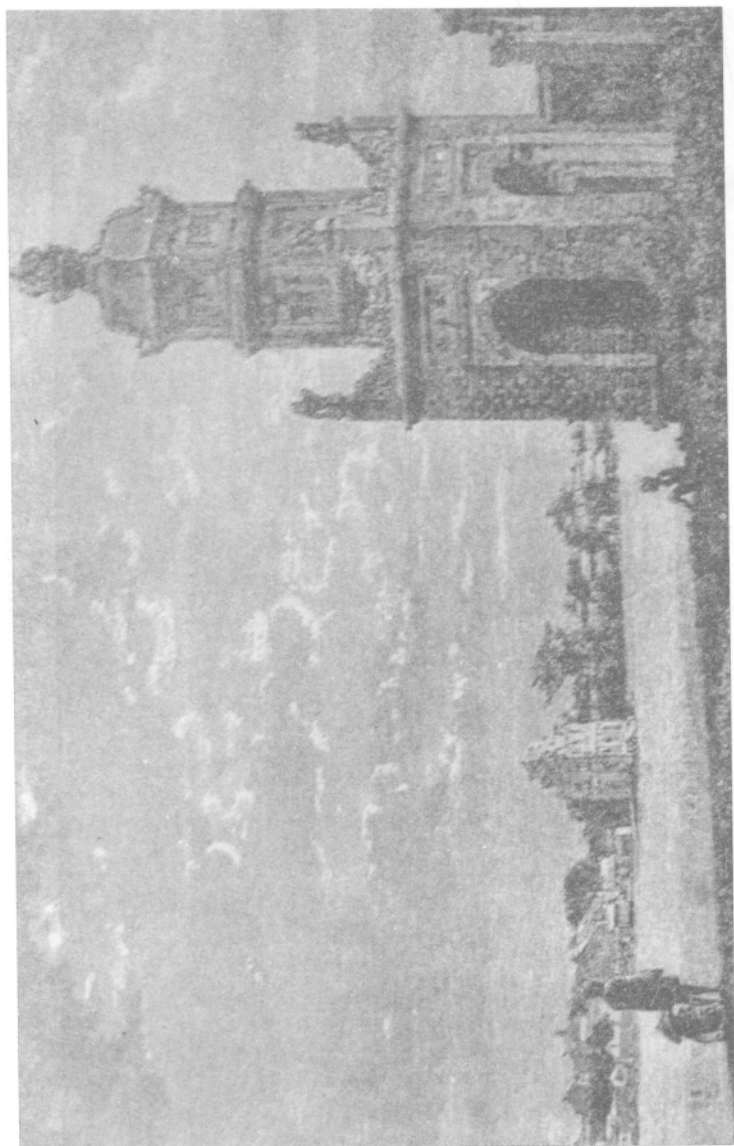
Ảnh 29



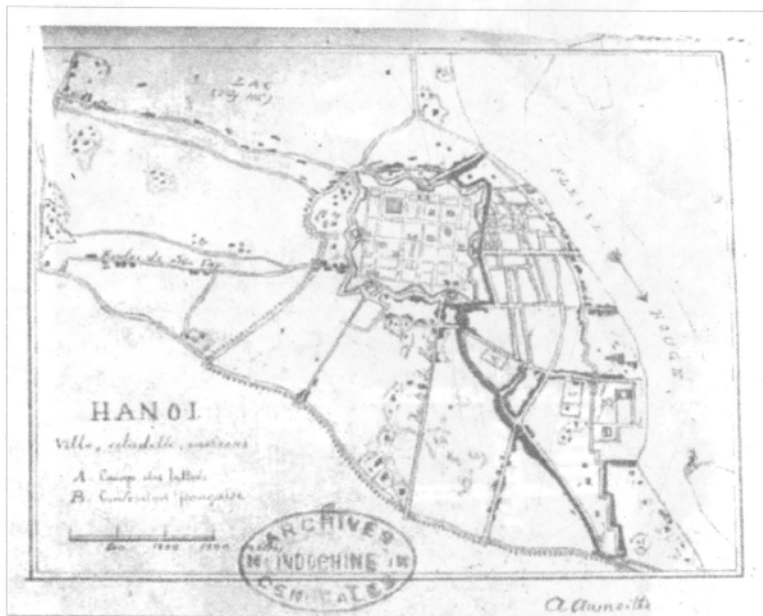
Ảnh 30



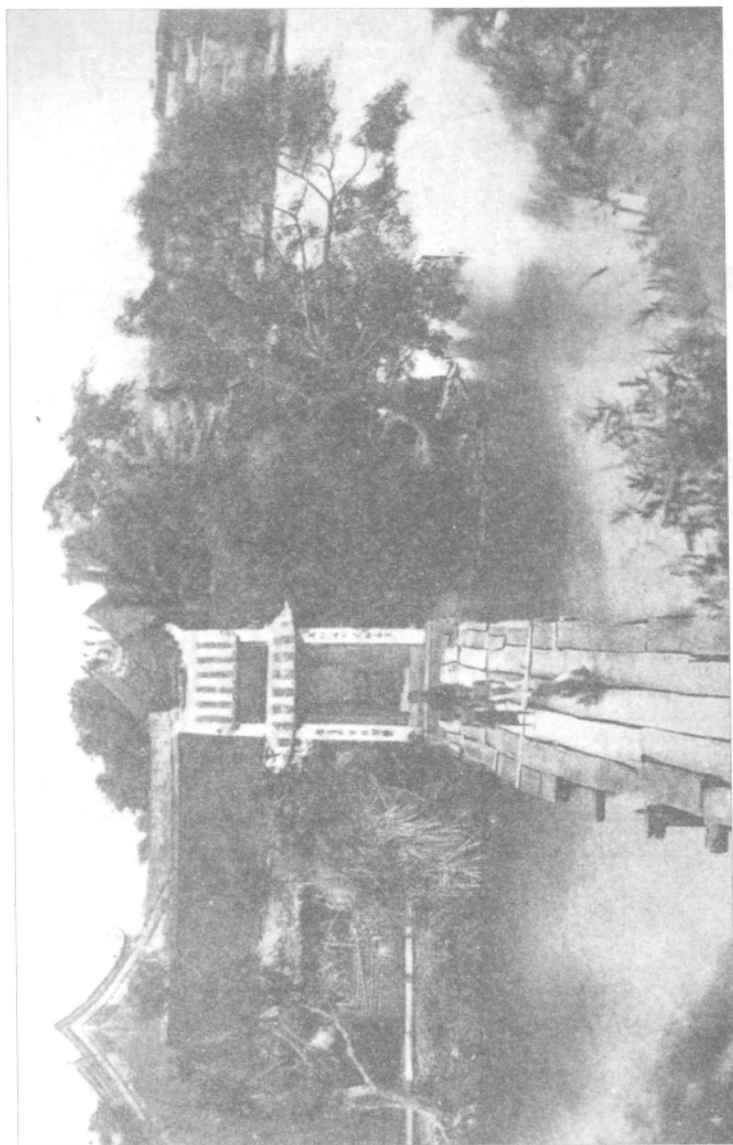
Ảnh 31



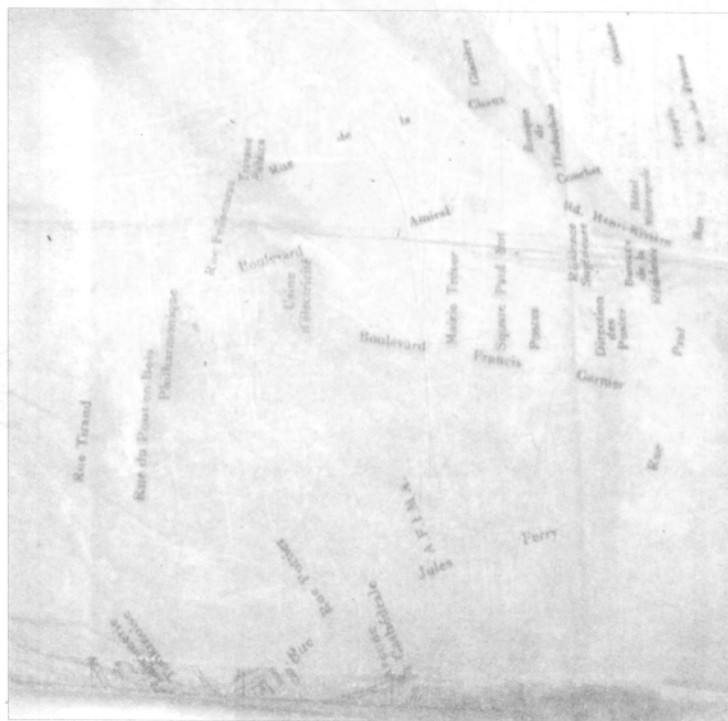
Ảnh 32



Ảnh 33



Ảnh 34



Ảnh 35

MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	5
Tựa	7
Dẫn nhập	13
<i>Chương 1 - TRƯỜNG THI</i>	23
<i>Chương 2 - THÀNH HÀ NỘI</i>	48
<i>Chương 3 - KHU NHƯỢNG ĐỊA</i>	80
<i>Chương 4 - PHỐ HỘI TRUYỀN GIÁO</i>	108
<i>Chương 5 - KHU PHỐ THƯƠNG MẠI</i>	118
<i>Chương 6 - SỰ HÌNH THÀNH KHU PHỐ PHÁP</i>	138
Phụ lục ảnh	165

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI
Số 4 - Tống Duy Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại (043) 8257063; 8286766. Fax: (043) 9289143
E-mail: nhaxuatbanhanoi@hn.vnn.vn

ANDRÉ MASSON
(Người dịch: Lưu Đình Tuấn)

HÀ NỘI
GIẢI ĐOẠN 1873 - 1888

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập: **TRỊNH MINH TUẤN**
Bìa: **QV DESIGN**
Kỹ thuật vi tính: **THỦY TRIỀU**
Sửa bản in: **QV**

In 1.000 cuốn, khổ 13,5 x 20,5cm tại Công ty in Anh Đức.
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 361-2009/CXB/87VHXH-
31/HN. In xong và nộp lưu chiểu quý 2/2009.

HÀ NỘI

GIẢI ĐOẠN

1873-1888



Tổng phát hành tại:
Nhà sách Đồng Đa - 834 Đường Láng - Hà Nội
Tel: 04.37752939 - Fax: 04.37755723
Email: sachdongda@gmail.com

Hà Nội giai đoạn 1873-1888



8 935077 085242

Giá: 28.000 VNĐ